PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44/2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lai Châu

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 02 năm 2014.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH LAI CHÂU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2013/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lai Châu được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lai Châu được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thị xã Lai Châu và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa;

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội;

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn";

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TX. là chữ viết tắt của "thị xã", H. là chữ viết tắt của "huyện";

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối";

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1: 50.000 sử dụng để thống kê địa danh;

g) Trường hợp địa danh mới được bổ sung vào Danh mục và chưa có trên bản đồ địa hình quy định tại mục 1 Phần này thì phải thể hiện đầy đủ địa danh, nhóm đối tượng, tên ĐVHC cấp xã, tên ĐVHC cấp huyện.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH LAI CHÂU

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lai Châu gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thị xã Lai Châu	
2	Huyện Mường Tè	
3	Huyện Nậm Nhùn	
4	Huyện Phong Thổ	
5	Huyện Sìn Hồ	
6	Huyện Tam Đường	
7	Huyện Tân Uyên	
8	Huyện Than Uyên	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 4	DC	P. Đoàn Kết	TX. Lai Châu	22° 23' 55"	103° 27' 16"					F-48-39-B
tổ dân phố 5	DC	P. Đoàn Kết	TX. Lai Châu	22° 24' 04"	103° 27' 17"					F-48-39-B
tổ dân phố 6	DC	P. Đoàn Kết	TX. Lai Châu	22° 24' 10"	103° 27' 08"					F-48-39-B
tổ dân phố 7	DC	P. Đoàn Kết	TX. Lai Châu	22° 23' 59"	103° 27' 06"					F-48-39-B
tổ dân phố 9	DC	P. Đoàn Kết	TX. Lai Châu	22° 24' 04"	103° 26' 55"					F-48-39-B
tổ dân phố 10	DC	P. Đoàn Kết	TX. Lai Châu	22° 24' 14"	103° 27' 01"					F-48-39-B
tổ dân phố 11	DC	P. Đoàn Kết	TX. Lai Châu	22° 24' 16"	103° 26' 50"					F-48-39-B
tổ dân phố 12	DC	P. Đoàn Kết	TX. Lai Châu	22° 23' 59"	103° 26' 46"					F-48-39-B
tổ dân phố số 25	DC	P. Đông Phong	TX. Lai Châu	22° 22' 09"	103° 28' 57"					F-48-39-B
bản Tả Sin Chải 1	DC	P. Đông Phong	TX. Lai Châu	22° 23' 08"	103° 29' 00"					F-48-39-B
bản Màng	DC	P. Quyết Thắng	TX. Lai Châu	22° 24' 17"	103° 25' 40"					F-48-39-B
bản Nậm Loỏng 1	DC	P. Quyết Thắng	TX. Lai Châu	22° 24' 26"	103° 25' 16"					F-48-39-B
bản Nậm Loỏng 2	DC	P. Quyết Thắng	TX. Lai Châu	22° 24' 29"	103° 25' 36"					F-48-39-B
bản Nậm Loỏng 3	DC	P. Quyết Thắng	TX. Lai Châu	22° 24' 44"	103° 25' 44"					F-48-39-B
bản Xéo Làn Than	DC	P. Quyết Thắng	TX. Lai Châu	22° 24' 10"	103° 26' 13"					F-48-39-B
tổ dân phố số 1	DC	P. Quyết Tiến	TX. Lai Châu	22° 23' 46"	103° 26' 17"					F-48-39-B
tổ dân phố số 2	DC	P. Quyết Tiến	TX. Lai Châu	22° 23' 34"	103° 26' 34"					F-48-39-B
tổ dân phố số 3	DC	P. Quyết Tiến	TX. Lai Châu	22° 23' 40"	103° 26' 54"					F-48-39-B
tổ dân phố số 4	DC	P. Quyết Tiến	TX. Lai Châu	22° 23' 46"	103° 26' 46"					F-48-39-B
tổ dân phố số 5	DC	P. Quyết Tiến	TX. Lai Châu	22° 24' 12"	103° 26' 38"					F-48-39-B
Xí nghiệp Chè Tam Đường	KX	P. Tân Phong	TX. Lai Châu	22° 24' 15"	103° 27' 28"					F-48-39-B
tổ dân phố số 1	DC	P. Tân Phong	TX. Lai Châu	22° 24' 09"	103° 27' 29"					F-48-39-B
tổ dân phố số 4A	DC	P. Tân Phong	TX. Lai Châu	22° 23' 47"	103° 27' 36"					F-48-39-B
tổ dân phố số 4B	DC	P. Tân Phong	TX. Lai Châu	22° 23' 53"	103° 27' 41"					F-48-39-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố số 5	DC	P. Tân Phong	TX. Lai Châu	22° 23' 44"	103° 28' 26"					F-48-39-B
tổ dân phố số 6	DC	P. Tân Phong	TX. Lai Châu	22° 23' 47"	103° 27' 54"					F-48-39-B
tổ dân phố số 7	DC	P. Tân Phong	TX. Lai Châu	22° 23' 35"	103° 27' 41"					F-48-39-B
tổ dân phố số 13	DC	P. Tân Phong	TX. Lai Châu	22° 23' 36"	103° 28' 05"					F-48-39-B
tổ dân phố số 14	DC	P. Tân Phong	TX. Lai Châu	22° 23' 37"	103° 27' 59"					F-48-39-B
nậm Con Gin	TV	xã Nậm Loỏng	TX. Lai Châu			22° 24' 56"	103° 24' 40"	22° 24' 17"	103° 24' 07"	F-48-39-B
bản Huổi Lùng	DC	xã Nậm Loỏng	TX. Lai Châu	22° 25' 04"	103° 25' 22"					F-48-39-B
bản Tả Gia Khâu 1	DC	xã Nậm Loỏng	TX. Lai Châu	22° 24' 31"	103° 23' 53"					F-48-39-B
bản Tả Gia Khâu 2	DC	xã Nậm Loỏng	TX. Lai Châu	22° 24' 46"	103° 24' 38"					F-48-39-B
quốc lộ 4D	KX	xã San Thàng	TX. Lai Châu			22° 23' 36"	103° 28' 47"	22° 23' 35"	103° 30' 00"	F-48-39-B, F-48-40-A
bản Chin Chu Chải	DC	xã San Thàng	TX. Lai Châu	22° 23' 45"	103° 29' 41"					F-48-39-B
bản Lò Suối Tủng	DC	xã San Thàng	TX. Lai Châu	22° 22' 29"	103° 30' 21"					F-48-40-A
bản Lùng Than	DC	xã San Thàng	TX. Lai Châu	22° 25' 28"	103° 28' 43"					F-48-39-B
bản Phan Lìn	DC	xã San Thàng	TX. Lai Châu	22° 21' 50"	103° 30' 27"					F-48-40-A
bản San Thàng 1	DC	xã San Thàng	TX. Lai Châu	22° 23' 51"	103° 30' 06"					F-48-40-A
bản San Thàng 2	DC	xã San Thàng	TX. Lai Châu	22° 23' 33"	103° 30' 40"					F-48-40-A
bản Séo Sin Chải	DC	xã San Thàng	TX. Lai Châu	22° 22' 59"	103° 29' 53"					F-48-39-B, F-48-40-A
bản Tả Sin Chải 2	DC	xã San Thàng	TX. Lai Châu	22° 22' 56"	103° 29' 31"					F-48-39-B
khu 1	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 22' 35"	102° 49' 40"					F-48-38-B
khu 2	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 22' 49"	102° 49' 22"					F-48-38-B
khu 3	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 22' 55"	102° 49' 18"					F-48-38-B
khu 4	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 23' 00"	102° 49' 09"					F-48-38-B
khu 5	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 22' 57"	102° 49' 06"					F-48-38-B
khu 6	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 23' 04"	102° 48' 58"					F-48-38-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 7	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 23' 17"	102° 48' 32"					F-48-38-B
khu 8	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 23' 32"	102° 48' 03"					F-48-38-B
khu 10	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 22' 57"	102° 48' 22"					F-48-38-B
đường tỉnh 127	KX	TT. Mường Tè	H. Mường Tè			22° 22' 45"	102° 47' 04"	22° 22' 28"	102° 49' 47"	F-48-38-B
nậm Bum	TV	TT. Mường Tè	H. Mường Tè			22° 22' 27"	102° 49' 30"	22° 22' 35"	102° 47' 15"	F-48-38-B
bản Mấn	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 23' 12"	102° 47' 40"					F-48-38-B
bản Bum	DC	xã Bum Nưa	H. Mường Tè	22° 22' 26"	102° 49' 58"					F-48-38-B
nậm Bum	TV	xã Bum Nưa	H. Mường Tè			22° 23' 29"	102° 55' 09"	22° 22' 27"	102° 49' 30"	F-48-38-B
nậm Củm	TV	xã Bum Nưa	H. Mường Tè			22° 26' 05"	102° 53' 50"	22° 24' 59"	102° 50' 43"	F-48-38-B
huổi Dỉn	TV	xã Bum Nưa	H. Mường Tè			22° 24' 25"	102° 54' 20"	22° 22' 57"	102° 54' 37"	F-48-38-B
huổi Đủng	TV	xã Bum Nưa	H. Mường Tè			22° 22' 24"	102° 54' 55"	22° 22' 54"	102° 54' 30"	F-48-38-B
huổi Hàng	TV	xã Bum Nưa	H. Mường Tè			22° 22' 23"	102° 54' 16"	22° 22' 50"	102° 54' 13"	F-48-38-B
huổi Hồn	TV	xã Bum Nưa	H. Mường Tè			22° 25' 19"	102° 53' 31"	22° 22' 29"	102° 52' 33"	F-48-38-B
núi Huổi Phà	SV	xã Bum Nưa	H. Mường Tè	22° 21' 10"	102° 53' 38"					F-48-38-B
huổi Mạ	TV	xã Bum Nưa	H. Mường Tè			22° 23' 53"	102° 53' 28"	22° 22' 51"	102° 53' 18"	F-48-38-B
bản Nà Hừ	DC	xã Bum Nưa	H. Mường Tè	22° 22' 44"	102° 52' 47"					F-48-38-B
Trạm Thủy văn Nà Hừ	KX	xã Bum Nưa	H. Mường Tè	22° 22' 29"	102° 52' 00"					F-48-38-B
bản Nậm Củm	DC	xã Bum Nưa	H. Mường Tè	22° 24' 57"	102° 50' 49"					F-48-38-B
bản Phiêng Kham	DC	xã Bum Nưa	H. Mường Tè	22° 23' 04"	102° 54' 36"					F-48-38-B
huổi Phung	TV	xã Bum Nưa	H. Mường Tè			22° 21' 40"	102° 53' 57"	22° 22' 51"	102° 53' 16"	F-48-38-B
huổi Tà Phà	TV	xã Bum Nưa	H. Mường Tè			22° 21' 22"	102° 53' 36"	22° 22' 24"	102° 52' 15"	F-48-38-B
núi Tạo Tang	SV	xã Bum Nưa	H. Mường Tè	22° 25' 14"	102° 54' 41"					F-48-38-B
nậm Cấu	TV	xã Bum Tở	H. Mường Tè			22° 30' 09"	102° 45' 24"	22° 23' 34"	102° 48' 16"	F-48-38-B
bản Chà Dì	DC	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 25' 44"	102° 44' 14"					F-48-38-A
nậm Củm	TV	xã Bum Tở	H. Mường Tè			22° 23' 54"	102° 45' 49"	22° 23' 12"	102° 47' 19"	F-48-38-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Đà	TV	xã Bum Tở	H. Mường Tè			22° 23' 08"	102° 43' 56"	22° 21' 11"	102° 46' 43"	F-48-38-B
bản Đầu Nậm Xả	DC	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 24' 32"	102° 46' 08"					F-48-38-B
bản Huổi Han	DC	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 23' 31"	102° 46' 24"					F-48-38-B
suối Lang Lùng	TV	xã Bum Tở	H. Mường Tè			22° 24' 21"	102° 45' 27"	22° 24' 00"	102° 43' 47"	F-48-38-A
suối Lang Nội	TV	xã Bum Tở	H. Mường Tè			22° 23' 45"	102° 44' 42"	22° 23' 40"	102° 44' 00"	F-48-38-A
núi Li Pô Ta	SV	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 25' 56"	102° 46' 48"					F-48-38-B
bản Nậm Cấu	DC	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 23' 43"	102° 48' 28"					F-48-38-B
bản Nậm Xả	DC	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 23' 38"	102° 45' 27"					F-48-38-B
bản Pá Thóng	DC	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 25' 04"	102° 46' 50"					F-48-38-B
bản Phìn Khò	DC	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 24' 59"	102° 43' 53"					F-48-38-A
cầu Pô Lếch	KX	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 21' 34"	102° 46' 41"					F-48-38-B
cảng Pô Lếch	KX	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 22' 32"	102° 45' 41"					F-48-38-B
nậm Pục	TV	xã Bum Tở	H. Mường Tè			22° 27' 42"	102° 44' 34"	22° 24' 38"	102° 43' 20"	F-48-38-A
nậm Sì Lường	TV	xã Bum Tở	H. Mường Tè			22° 25' 00"	102° 50' 37"	22° 22' 57"	102° 49' 49"	F-48-38-B
bản Ta Pán	DC	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 22' 03"	102° 46' 46"					F-48-38-B
bản Tà Phìn Dưới	DC	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 25' 11"	102° 43' 13"					F-48-38-A
nậm Xả	TV	xã Bum Tở	H. Mường Tè			22° 25' 06"	102° 45' 22"	22° 24' 51"	102° 43' 52"	F-48-38-A
đường tỉnh 127	KX	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 21' 34"	102° 46' 44"	22° 13' 01"	102° 49' 41"	F-48-38-B, F-48-38-D
suối Can Hồ	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 19' 20"	102° 45' 50"	22° 20' 22"	102° 47' 10"	F-48-38-B
sông Đà	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 23' 08"	102° 43' 56"	22° 12' 58"	102° 49' 38"	F-48-38-B, F-48-38-D
suối Dâm Năm	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 16' 36"	102° 46' 04"	22° 15' 42"	102° 45' 07"	F-48-38-B
suối Dâm Nậm	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 16' 46"	102° 43' 29"	22° 16' 03"	102° 44' 41"	F-48-38-A
núi Đin Đen	SV	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 18' 55"	102° 53' 12"					F-48-38-B
nậm Hạ	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 17' 43"	102° 53' 20"	22° 17' 44"	102° 49' 18"	F-48-38-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Hổi Lếch	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 21' 24"	102° 45' 17"	22° 21' 45"	102° 46' 20"	F-48-38-B
suối Huổi Ngô	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 15' 42"	102° 51' 03"	22° 15' 45"	102° 49' 16"	F-48-38-B
suối Huổi Ven	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 15' 56"	102° 47' 42"	22° 15' 25"	102° 49' 02"	F-48-38-B
bản Nậm Hạ A	DC	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 17' 27"	102° 49' 34"					F-48-38-B
bản Nậm Hạ B	DC	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 17' 53"	102° 49' 32"					F-48-38-B
bản Nậm Lọ A	DC	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 14' 54"	102° 51' 24"					F-48-38-D
bản Nậm Lọ B	DC	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 15' 59"	102° 51' 35"					F-48-38-B
bản Nậm Lừng	DC	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 22' 47"	102° 44' 06"					F-48-38-A
suối Nậm Mạ	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 17' 02"	102° 44' 45"	22° 15' 42"	102° 45' 07"	F-48-38-A, F-48-38-B
suối Nậm Mận	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 16' 03"	102° 44' 41"	22° 14' 41"	102° 48' 45"	F-48-38-B, F-48-38-D
núi Nằm Tăng	SV	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 17' 43"	102° 43' 26"					F-48-38-A
bản Nậm Thú	DC	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 17' 20"	102° 49' 59"					F-48-38-B
núi Nông Lúm	SV	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 19' 56"	102° 50' 25"					F-48-38-B
núi Phìn Khò	SV	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 17' 52"	102° 45' 17"					F-48-38-B
núi Phu Ken	SV	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 19' 31"	102° 51' 10"					F-48-38-A, F-48-38-B
suối Pờ Khó	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 20' 03"	102° 45' 15"	22° 21' 16"	102° 46' 37"	F-48-38-B
bản Pô Lếch	DC	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 22' 22"	102° 46' 17"					F-48-38-B
bản Seo Hai	DC	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 19' 16"	102° 47' 53"					F-48-38-B
bản Si Thủ Chải	DC	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 17' 58"	102° 48' 49"					F-48-38-B
suối Xan Thăng	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 13' 38"	102° 50' 22"	22° 13' 03"	102° 49' 35"	F-48-38-D
Đồn Biên phòng 311	KX	xã Ka Lăng	H. Mường Tè	22° 38' 48"	102° 28' 06"					F-48-25-B F-48-25-D
bản Ka Lăng	DC	xã Ka Lăng	H. Mường Tè	22° 39' 24"	102° 28' 02"					F-48-25-B F-48-25-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Ka Lăng	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 35' 07"	102° 24' 19"	22° 34' 17"	102° 24' 30"	F-48-25-B F-48-25-D
suối La Hó	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 35' 18"	102° 24' 55"	22° 34' 06"	102° 25' 05"	F-48-25-B F-48-25-D
suối Lằn	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 38' 35"	102° 33' 04"	22° 33' 34"	102° 28' 09"	F-48-25-D,B, F-48-26-C,A
nậm Lẹ	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 38' 35"	102° 24' 19"	22° 34' 03"	102° 21' 12"	F-48-25-D,B,
bản Lé Ma	DC	xã Ka Lăng	H. Mường Tè	22° 35' 18"	102° 29' 53"					F-48-25-D,B
bản Lò Ma	DC	xã Ka Lăng	H. Mường Tè	22° 38' 25"	102° 27' 26"					F-48-25-D,B
suối Lò Nhí	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 37' 54"	102° 26' 41"	22° 39' 27"	102° 26' 40"	F-48-25-D,B,
bản Mé Gióng	DC	xã Ka Lăng	H. Mường Tè	22° 38' 06"	102° 26' 22"					F-48-25-D,B
kẻng Mun	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 33' 34"	102° 28' 09"	22° 34' 20"	102° 30' 52"	F-48-26-C,A
suối Na Ni Ló So	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 35' 21"	102° 26' 42"	22° 34' 04"	102° 26' 35"	F-48-25-D,B,
nậm Nạ Pi	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 39' 31"	102° 25' 38"	22° 38' 36"	102° 24' 20"	F-48-25-D,B,
suối Nậm Lẹ	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 36' 40"	102° 32' 16"	22° 34' 23"	102° 30' 52"	F-48-26-C,A
suối Nhóm Pó	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 41' 43"	102° 34' 40"	22° 41' 52"	102° 35' 50"	F-48-26-C,A
bản Nhù Cả	DC	xã Ka Lăng	H. Mường Tè	22° 37' 11"	102° 30' 52"					F-48-26-C,A
suối Phi Ma	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 37' 22"	102° 26' 10"	22° 38' 08"	102° 24' 44"	F-48-25-D,B,
bản Tạ Phu	DC	xã Ka Lăng	H. Mường Tè	22° 39' 12"	102° 27' 58"					F-48-25-D,B
Đồn Biên phòng 315	KX	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 31' 35"	102° 28' 35"					F-48-25-D,B
núi Ban Si Ngài	SV	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 28' 17"	102° 31' 06"					F-48-38-A
bản Cừ Xá	DC	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 28' 35"	102° 25' 29"					F-48-37-B
suối Cừ Xá	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 25' 57"	102° 28' 55"	22° 27' 04"	102° 28' 28"	F-48-37-B
sông Đà	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 33' 29"	102° 19' 05"	22° 33' 34"	102° 28' 09"	F-48-25-D,B
suối E Ma	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 29' 02"	102° 28' 14"	22° 30' 04"	102° 27' 05"	F-48-37-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nậm Gạ Ứ	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 23' 38"	102° 24' 11"	22° 34' 21"	102° 30' 45"	F-48-37-B, 25-D,B, 26-C,A
bản Gia Tè	DC	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 27' 08"	102° 25' 53"					F-48-37-B
bản Gò Cứ	DC	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 25' 36"	102° 24' 29"					F-48-37-B
suối Gò Cứ	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 25' 34"	102° 27' 01"	22° 27' 09"	102° 26' 46"	F-48-37-B
núi Hu Ma Mò Ga	SV	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 25' 14"	102° 26' 34"					F-48-37-B
núi Khà Hú Lo Po	SV	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 30' 22"	102° 25' 12"					F-48-25-D,B
suối Kha Ứ	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 27' 02"	102° 30' 29"	22° 26' 53"	102° 35' 51"	F-48-38-A
núi Kông Phèn	SV	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 33' 23"	102° 23' 49"					F-48-25-D,B
bản Mà Ký	DC	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 30' 35"	102° 27' 12"					F-48-25-D,B
núi Mạ Lù Thàng	SV	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 23' 43"	102° 25' 14"					F-48-37-B
suối Ma Ú	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 27' 52"	102° 23' 42"	22° 28' 30"	102° 25' 34"	F-48-37-B
núi Mó Ly Khó Tú	SV	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 28' 54"	102° 29' 05"					F-48-37-B
nậm Mò Su	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 29' 45"	102° 23' 07"	22° 29' 53"	102° 25' 24"	F-48-25-D,B, 37-B
núi Mô Xu	SV	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 31' 31"	102° 25' 20"					F-48-25-D,B
bản Mù Cả	DC	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 30' 36"	102° 28' 12"					F-48-25-D,B
suối Nệ Ló	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 32' 20"	102° 28' 17"	22° 32' 08"	102° 28' 54"	F-48-25-D,B
suối Nhù Ma	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 28' 32"	102° 32' 14"	22° 29' 22"	102° 34' 31"	F-48-38-A
nậm Pá Pe	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 31' 32"	102° 26' 25"	22° 30' 53"	102° 27' 07"	F-48-25-D,B
suối Phi Ma	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 28' 118"	102° 29' 05"	22° 27' 20"	102° 26' 16"	F-48-37-B
bản Phìn Khò	DC	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 24' 18"	102° 24' 37"					F-48-37-B
suối Phìn Khò	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 22' 12"	102° 27' 30"	22° 24' 17"	102° 24' 33"	F-48-37-B
núi Sà Sí Ta	SV	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 28' 23"	102° 27' 29"					F-48-37-B
núi Sa Thành	SV	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 33' 15"	102° 30' 03"					F-48-25-D,B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Sang Thàng	SV	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 32' 37"	102° 28' 33"					F-48-25-D,B
bản Si Nê	DC	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 32' 01"	102° 30' 12"					F-48-26-A,C
phu Sỳ Ngài	SV	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 29' 31"	102° 28' 25"					F-48-37-B
suối Tả Ló Phi Ma	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 29' 54"	102° 20' 44"	22° 33' 29"	102° 19' 05"	F-48-25-D,B
suối Thé Ma	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 32' 28"	102° 22' 19"	22° 34' 09"	102° 21' 28"	F-48-25-D,B
bản Tó Khò	DC	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 34' 10"	102° 30' 48"					F-48-26-A,C
núi Vùi Cha	SV	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 27' 05"	102° 31' 42"					F-48-38-A
suối Xi Nế	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 32' 12"	102° 30' 27"	22° 32' 31"	102° 30' 12"	F-48-26-A,C
suối Xò Pà	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 29' 13"	102° 26' 57"	22° 28' 28"	102° 25' 38"	F-48-37-B
bản Bó	DC	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 29' 14"	102° 37' 17"					F-48-38-A
pu Chi	SV	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 29' 45"	102° 39' 23"					F-48-38-A
nậm Củm	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 33' 43"	102° 37' 04"	22° 28' 48"	102° 36' 38"	F-48-26-C,A F-48-38-A
sông Đà	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 34' 20"	102° 30' 52"	22° 26' 58"	102° 37' 39"	F-48-26-C,A F-48-38-A
bản Đon Lạt	DC	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 27' 39"	102° 37' 39"					F-48-38-A
bản Giẳng	DC	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 30' 04"	102° 37' 33"					F-48-26-C,A
nậm Hản	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 30' 52"	102° 42' 00"	22° 28' 08"	102° 40' 44"	F-48-38-A, F-48-26-C,A
bản Hát Hin	DC	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 32' 22"	102° 32' 56"					F-48-26-C,A
huổi Ít	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 28' 35"	102° 39' 29"	22° 27' 58"	102° 39' 19"	F-48-38-A
nậm Kha Á	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 26' 53"	102° 35' 51"	22° 27' 09"	102° 37' 26"	F-48-38-A
nậm Lăn	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 30' 40"	102° 39' 39"	22° 30' 12"	102° 37' 25"	F-48-26-C,A
nậm Lẹ	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 36' 40"	102° 32' 16"	22° 34' 22"	102° 30' 52"	F-48-26-C,A
huổi Lương	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 29' 35"	102° 40' 12"	22° 28' 03"	102° 40' 08"	F-48-38-A
nậm Luông Ma	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 29' 22"	102° 34' 31"	22° 29' 44"	102° 35' 40"	F-48-38-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
pu Ma	SV	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 30' 52"	102° 38' 38"					F-48-26-C,A
nậm Ma Nọi	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 31' 26"	102° 38' 45"	22° 30' 41"	102° 37' 28"	F-48-26-C,A
bản Mường Tè	DC	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 28' 22"	102° 37' 10"					F-48-38-A
bản Nậm Củm	DC	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 29' 04"	102° 36' 41"					F-48-38-A
bản Nậm Hản	DC	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 27' 33"	102° 38' 10"					F-48-38-A
ghềnh Nậm Hản	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 27' 04"	102° 37' 24"					F-48-38-A
bản Nậm Phìn	DC	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 28' 28"	102° 40' 11"					F-48-38-A
nậm Nga	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 36' 03"	102° 34' 43"	22° 33' 57"	102° 31' 36"	F-48-26-C,A
bản Pắc Ma	DC	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 34' 17"	102° 31' 05"					F-48-26-C,A
nậm Pặm	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 33' 44"	102° 34' 10"	22° 33' 10"	102° 31' 41"	F-48-26-C,A
nậm Pòm Pố	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 30' 39"	102° 35' 58"	22° 30' 36"	102° 37' 26"	F-48-26-C,A
pu Ta Na	SV	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 32' 34"	102° 34' 23"					F-48-26-C,A
pu Tạng Thủm	SV	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 31' 13"	102° 36' 40"					F-48-26-C,A
huổi Thé	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 30' 24"	102° 41' 18"	22° 28' 14"	102° 40' 47"	F-48-26-C,A F-48-38-A
nậm Thín	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 28' 48"	102° 34' 47"	22° 28' 46"	102° 36' 34"	F-48-38-A
huổi Vai	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 29' 33"	102° 39' 25"	22° 27' 58"	102° 38' 30"	F-48-38-A
huổi Văng Po	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 32' 04"	102° 37' 56"	22° 31' 15"	102° 37' 19"	F-48-26-C,A
nậm Viêng	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 29' 24"	102° 38' 40"	22° 28' 04"	102° 37' 26"	F-48-38-A
huổi Xạ	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 33' 37"	102° 35' 41"	22° 32' 44"	102° 35' 46"	F-48-26-C,A
suối À Lòng	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 25' 12"	102° 38' 51"	22° 25' 53"	102° 39' 47"	F-48-38-A
sông Đà	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 26' 58"	102° 37' 39"	22° 23' 08"	102° 43' 56"	F-48-38-A
huổi Đá Num	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 29' 03"	102° 41' 39"	22° 28' 35"	102° 41' 41"	F-48-38-A
suối Hán Lím	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 26' 20"	102° 40' 53"	22° 25' 31"	102° 40' 12"	F-48-38-A
huổi Hồ Cang	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 27' 23"	102° 41' 35"	22° 27' 33"	102° 40' 02"	F-48-38-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Hối Làng	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 26' 52"	102° 41' 59"	22° 25' 13"	102° 40' 47"	F-48-38-A
núi Huổi Đúng	SV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè	22° 29' 34"	102° 44' 28"					F-48-38-A
suối Huổi Khu	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 27' 16"	102° 39' 38"	22° 26' 58"	102° 37' 43"	F-48-38-A
bản Huổi Tát	DC	xã Nậm Khao	H. Mường Tè	22° 26' 14"	102° 39' 22"					F-48-38-A
núi Khao	SV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè	22° 29' 38"	102° 43' 37"					F-48-38-A
suối Khao Ứ	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 25' 00"	102° 36' 42"	22° 26' 24"	102° 38' 30"	F-48-38-A
suối Lắng Phiếu	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 24' 43"	102° 38' 32"	22° 25' 15"	102° 40' 37"	F-48-38-A
suối Nậm Hản	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 29' 15"	102° 44' 28"	22° 28' 07"	102° 40' 45"	F-48-38-A
bản Nậm Khao	DC	xã Nậm Khao	H. Mường Tè	22° 25' 04"	102° 40' 38"					F-48-38-A
bản Nậm Pục	DC	xã Nậm Khao	H. Mường Tè	22° 24' 34"	102° 42' 24"					F-48-38-A
suối Nhù Xằng	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 23' 26"	102° 41' 02"	22° 24' 33"	102° 42' 09"	F-48-38-A
suối Rừng Tén	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 23' 49"	102° 40' 37"	22° 24' 51"	102° 41' 14"	F-48-38-A
huổi Sáng	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 26' 25"	102° 40' 16"	22° 25' 58"	102° 39' 44"	F-48-38-A
khe Sơ Phiếu	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 25' 34"	102° 38' 50"	22° 26' 11"	102° 39' 32"	F-48-38-A
suối Tà Phìn	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 25' 49"	102° 43' 36"	22° 24' 38"	102° 43' 20"	F-48-38-A
huổi Tát	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 26' 53"	102° 40' 15"	22° 26' 14"	102° 39' 33"	F-48-38-A
Đồn Biên phòng 309	KX	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 34' 13"	102° 39' 45"					F-48-26-C,A
bản Cờ Lò 1	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 31' 56"	102° 41' 42"					F-48-38-A
bản Cờ Lò 2	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 31' 35"	102° 42' 03"					F-48-26-C,A
núi Há Lốt	SV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 32' 09"	102° 43' 05"					F-48-26-C,A
suối Hà Nê	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 39' 35"	102° 44' 33"	22° 38' 14"	102° 42' 15"	F-48-26-C,A
bản Hà Xi	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 38' 43"	102° 42' 25"					F-48-26-C,A
suối Hà Xi	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 40' 03"	102° 42' 40"	22° 38' 14"	102° 42' 15"	F-48-26-C,A
suối Khe Lô	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 32' 43"	102° 44' 38"	22° 35' 18"	102° 42' 36"	F-48-26-C,A
suối Khò Lơ	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 35' 18"	102° 42' 36"	22° 36' 52"	102° 42' 42"	F-48-26-C,A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khò Ma	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 41' 18"	102° 38' 28"	22° 40' 38"	102° 37' 38"	F-48-26-C,A
suối Khô Ma	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 37' 44"	102° 36' 29"	22° 33' 50"	102° 37' 15"	F-48-26-C,A
suối Lô Sa	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 42' 39"	102° 36' 27"	22° 42' 20"	102° 36' 04"	F-48-26-C,A
bản Mô Chi	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 32' 18"	102° 39' 39"					F-48-26-C,A
suối Nậm Củm	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 37' 35"	102° 40' 55"	22° 33' 44"	102° 37' 05"	F-48-26-C,A
suối Nậm Ma Nội	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 32' 49"	102° 41' 49"	22° 31' 26"	102° 38' 45"	F-48-26-C,A
núi Nậm Sâu	SV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 41' 58"	102° 38' 49"					F-48-26-C,A
suối Nậm Sâu	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 42' 19"	102° 37' 53"	22° 39' 43"	102° 37' 38"	F-48-26-C,A
núi Nhó Pó	SV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 41' 19"	102° 36' 04"					F-48-26-C,A
bản Nhú Ma	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 36' 33"	102° 38' 38"					F-48-26-C,A
bản Pa Ủ	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 33' 49"	102° 40' 40"					F-48-26-C,A
suối Pa Ủ	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 33' 48"	102° 40' 37"	22° 33' 25"	102° 40' 18"	F-48-26-C,A
bản Pha Bu	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 34' 58"	102° 37' 31"					F-48-26-C,A
suối Pha Bu	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 36' 18"	102° 37' 39"	22° 34' 54"	102° 37' 30"	F-48-26-C,A
núi Phu Si Lùng	SV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 37' 38"	102° 47' 07"					F-48-26-D
núi Pi Be Khô	SV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 41' 52"	102° 42' 03"					F-48-26-C,A
núi Pờ Mừ Khô	SV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 40' 09"	102° 44' 33"					F-48-26-C,A
núi Si Lùng	SV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 37' 19"	102° 46' 53"					F-48-26-D
bản Tân Biên	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 34' 13"	102° 39' 40"					F-48-26-C,A
bản Thăm Pa	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 35' 15"	102° 39' 02"					F-48-26-C,A
bản Trà Kế	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 33' 52"	102° 38' 28"					F-48-26-C,A
bản Ứ Ma	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 38' 52"	102° 39' 43"					F-48-26-C,A
bản Xà Hồ	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 35' 12"	102° 41' 24"					F-48-26-C,A
suối Xà Hồ	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 33' 46"	102° 42' 09"	22° 37' 16"	102° 41' 37"	F-48-26-C,A
Đồn Biên phòng 307	KX	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè	22° 26' 51"	102° 50' 59"					F-48-38-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản A Mại	DC	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè	22° 27' 09"	102° 51' 02"					F-48-38-B
núi A Mại	SV	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè	22° 28' 08"	102° 52' 10"					F-48-38-B
phu Đen Đin	SV	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè	22° 36' 53"	102° 50' 23"					F-48-26-D
suối Dèn Thàng	TV	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè			22° 32' 24"	102° 48' 29"	22° 32' 05"	102° 50' 15"	F-48-26-D
núi Huổi Đúng	SV	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè	22° 29' 34"	102° 44' 28"					F-48-38-A
núi Khao	SV	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè	22° 29' 38"	102° 43' 37"					F-48-38-A
bản Khoang Thèn	DC	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè	22° 28' 57"	102° 50' 31"					F-48-38-B
bản Pá Củm	DC	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè	22° 26' 38"	102° 51' 36"					F-48-38-B
suối Pá Hạ	TV	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè			22° 28' 54"	102° 54' 47"	22° 28' 43"	102° 50' 43"	F-48-38-B
bản Phí Chi A	DC	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè	22° 26' 50"	102° 50' 26"					F-48-38-B
bản Phí Chi B	DC	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè	22° 26' 29"	102° 49' 41"					F-48-38-B
bản Sà Phìn	DC	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè	22° 31' 26"	102° 50' 41"					F-48-26-D
nậm Sà Phìn	TV	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè			22° 32' 50"	102° 52' 55"	22° 32' 47"	102° 50' 41"	F-48-26-D
phu San Cang	SV	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè	22° 26' 03"	102° 50' 34"					F-48-38-B
bản Seo Thèn B	DC	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè	22° 29' 41"	102° 50' 57"					F-48-38-B
bản Sín Chải A	DC	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè	22° 32' 53"	102° 51' 44"					F-48-26-D
bản Sín Chải B	DC	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè	22° 33' 38"	102° 51' 45"					F-48-26-D
bản Sín Chải C	DC	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè	22° 33' 01"	102° 49' 43"					F-48-26-D
bản Thò Ma	DC	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè	22° 30' 49"	102° 50' 54"					F-48-26-D
suối Thò Ma	TV	xã Pa Vệ Sử	H. Mường Tè			22° 31' 07"	102° 53' 55"	22° 30' 53"	102° 50' 45"	F-48-26-D
suối A Phu	TV	xã Tá Bạ	H. Mường Tè			22° 41' 27"	102° 31' 55"	22° 41' 51"	102° 31' 11"	F-48-26-C,A
bản Là Pê 1	DC	xã Tá Bạ	H. Mường Tè	22° 39' 25"	102° 31' 35"					F-48-26-C,A
bản Là Pê 2	DC	xã Tá Bạ	H. Mường Tè	22° 38' 40"	102° 31' 28"					F-48-26-C,A
bản Là Si	DC	xã Tá Bạ	H. Mường Tè	22° 41' 37"	102° 30' 49"					F-48-26-C,A
suối Là Si	TV	xã Tá Bạ	H. Mường Tè			22° 41' 49"	102° 30' 35"	22° 39' 31"	102° 25' 38"	F-48-25-D,B, F-48-26-C,A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Lè Giàng	DC	xã Tá Bạ	H. Mường Tè	22° 40' 43"	102° 30' 52"					F-48-26-C,A
bản Ló Mé	DC	xã Tá Bạ	H. Mường Tè	22° 39' 39"	102° 29' 09"					F-48-25-D,B
suối Lô Sa	TV	xã Tá Bạ	H. Mường Tè			22° 43' 16"	102° 35' 49"	22° 43' 03"	102° 35' 25"	F-48-26-C,A
bản Nhóm Pó	DC	xã Tá Bạ	H. Mường Tè	22° 40' 09"	102° 35' 32"					F-48-26-C,A
bản Pạ Pù	DC	xã Tá Bạ	H. Mường Tè	22° 42' 02"	102° 35' 47"					F-48-26-C,A
suối Pạ Pù	TV	xã Tá Bạ	H. Mường Tè			22° 41' 11"	102° 35' 29"	22° 39' 57"	102° 36' 20"	F-48-26-C,A
nậm Sau	TV	xã Tá Bạ	H. Mường Tè			22° 43' 32"	102° 35' 16"	22° 41' 56"	102° 35' 50"	F-48-26-C,A
suối Si Lú	TV	xã Tá Bạ	H. Mường Tè			22° 42' 47"	102° 32' 31"	22° 41' 47"	102° 30' 34"	F-48-26-C,A
bản Tá Bạ	DC	xã Tá Bạ	H. Mường Tè	22° 38' 02"	102° 33' 34"					F-48-26-C,A
bản A Mé	DC	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 20' 21"	102° 33' 36"					F-48-38-A
nậm A Mé	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 18' 16"	102° 36' 14"	22° 20' 42"	102° 34' 15"	F-48-38-A
suối Cao Chải	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 18' 59"	102° 43' 32"	22° 20' 11"	102° 42' 28"	F-48-38-A
núi Chuông Gờ	SV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 21' 43"	102° 42' 30"					F-48-38-A
bản Cô Lô Hồ	DC	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 22' 05"	102° 37' 28"					F-48-38-A
núi Cô Lô Hồ	SV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 22' 26"	102° 38' 58"					F-48-38-A
suối Cô Lô Hồ	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 23' 11"	102° 36' 35"	22° 24' 45"	102° 36' 19"	F-48-38-A
núi Đề Đa Dòn	SV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 23' 00"	102° 28' 20"					F-48-37-B
nậm Dừa Và Xí	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 21' 40"	102° 39' 04"	22° 19' 57"	102° 40' 34"	F-48-38-A
bản Giàng Ly Cha	DC	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 22' 01"	102° 42' 43"					F-48-38-A
núi Kha Ứ	SV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 17' 32"	102° 32' 20"					F-48-38-A
suối Kha Ứ	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 15' 22"	102° 32' 03"	22° 25' 00"	102° 36' 42"	F-48-38-A
nậm Khao Á	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 25' 13"	102° 29' 37"	22° 25' 41"	102° 34' 12"	F-48-37-B, F-48-38-A
nậm Lai	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 18' 46"	102° 38' 29"	22° 20' 00"	102° 39' 38"	F-48-38-A
nậm Le	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 18' 13"	102° 41' 55"	22° 19' 48"	102° 41' 15"	F-48-38-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Lũ Né	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 23' 42"	102° 38' 08"	22° 25' 00"	102° 36' 42"	F-48-38-A
bản Nậm Dính	DC	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 17' 11"	102° 32' 52"					F-48-38-A
bản Nậm Khung	DC	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 15' 31"	102° 41' 10"					F-48-38-A
suối Nậm Luồng	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 18' 46"	102° 38' 29"	22° 19' 55"	102° 41' 28"	F-48-38-A
suối Nậm Mỳ	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 12' 12"	102° 38' 26"	22° 13' 34"	102° 41' 15"	F-48-38-C
bản Nậm Ngà	DC	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 16' 09"	102° 39' 18"					F-48-38-C
núi Nậm Ngà	SV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 16' 34"	102° 37' 30"					F-48-38-A
núi Nạng Nạ	SV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 16' 54"	102° 39' 56"					F-48-38-A
nậm Ngà	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 15' 48"	102° 40' 31"	22° 12' 29"	102° 45' 07"	F-48-38-A, F-48-38-C, F-48-38-D
bản Ngà Chồ	DC	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 22' 36"	102° 41' 17"					F-48-38-A
suối Ông Ma	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 16' 53"	102° 36' 10"	22° 17' 07"	102° 31' 38"	F-48-38-A
bản Pa Tết	DC	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 11' 39"	102° 39' 29"					F-48-38-C
núi Pa Tết	SV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 11' 16"	102° 38' 04"					F-48-38-C
núi Phứ Ma	SV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 24' 19"	102° 30' 13"					F-48-38-A
nậm Pù	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 19' 55"	102° 41' 28"	22° 22' 39"	102° 44' 02"	F-48-38-A
huổi Púng Chứ	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 21' 30"	102° 36' 30"	22° 20' 37"	102° 35' 22"	F-48-38-A
huổi Sìn Hồ	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 20' 45"	102° 37' 02"	22° 20' 05"	102° 35' 49"	F-48-38-A
bản Tà Tổng	DC	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 22' 41"	102° 39' 11"					F-48-38-A
suối Thư Lư	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 18' 01"	102° 34' 58"	22° 17' 28"	102° 31' 54"	F-48-38-A
bản U Ma	DC	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 16' 47"	102° 40' 19"					F-48-38-C
suối Xá Xưa Hù	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 20' 48"	102° 38' 11"	22° 20' 00"	102° 39' 38"	F-48-38-A
nậm Xê Ma	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 20' 28"	102° 29' 01"	22° 18' 21"	102° 31' 53"	F-48-37-B, F-48-38-A
suối Xí Né	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 18' 15"	102° 34' 33"	22° 18' 00"	102° 32' 08"	F-48-38-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Xứ Oi	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 18' 46"	102° 34' 41"	22° 19' 09"	102° 32' 36"	F-48-38-A
núi Xứ Trống	SV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 23' 22"	102° 38' 13"					F-48-38-A
Đồn Biên phòng 313	KX	xã Thu Lũm	H. Mường Tè	22° 42' 21"	102° 27' 18"					F-48-25-D,B
núi Cò Cú Sà Kha	SV	xã Thu Lũm	H. Mường Tè	22° 41' 15"	102° 24' 38"					F-48-25-D,B
bản Coòng Khà	DC	xã Thu Lũm	H. Mường Tè	22° 43' 59"	102° 28' 58"					F-48-25-D,B
bản Gò Khà	DC	xã Thu Lũm	H. Mường Tè	22° 41' 42"	102° 27' 20"					F-48-25-D,B
núi Khú Tú Thu Lũm	SV	xã Thu Lũm	H. Mường Tè	22° 44' 00"	102° 27' 16"					F-48-25-D,B
núi Là Phơ	SV	xã Thu Lũm	H. Mường Tè	22° 46' 14"	102° 28' 31"					F-48-25-D,B
suối Là Pơ	TV	xã Thu Lũm	H. Mường Tè			22° 43' 26"	102° 29' 14"	22° 39' 31"	102° 25' 40"	F-48-25-D,B
núi Là Si	SV	xã Thu Lũm	H. Mường Tè	22° 45' 10"	102° 32' 12"					F-48-26-C,A
suối Là Si	TV	xã Thu Lũm	H. Mường Tè			22° 44' 57"	102° 31' 53"	22° 41' 49"	102° 30' 35"	F-48-26-C,A
bản Ló Na	DC	xã Thu Lũm	H. Mường Tè	22° 43' 34"	102° 28' 25"					F-48-25-D,B
suối Ló Na Ló Khà	TV	xã Thu Lũm	H. Mường Tè			22° 40' 55"	102° 25' 23"	22° 39' 32"	102° 25' 25"	F-48-25-D,B
núi Mo Tho Cò	SV	xã Thu Lũm	H. Mường Tè	22° 45' 49"	102° 31' 34"					F-48-26-C,A
suối Nga Khí Ló Khà	TV	xã Thu Lũm	H. Mường Tè			22° 39' 55"	102° 24' 48"	22° 39' 26"	102° 24' 54"	F-48-25-D,B
bản Pa Thắng	DC	xã Thu Lũm	H. Mường Tè	22° 41' 07"	102° 26' 08"					F-48-25-D,B
suối Pu Ló Pà	TV	xã Thu Lũm	H. Mường Tè			22° 45' 40"	102° 28' 04"	22° 42' 14"	102° 29' 16"	F-48-25-D,B
bản Thu Lũm	DC	xã Thu Lũm	H. Mường Tè	22° 42' 06"	102° 27' 41"					F-48-25-D,B
bản U Ma Tu Khoòng	DC	xã Thu Lũm	H. Mường Tè	22° 45' 23"	102° 30' 19"					F-48-26-C,A
huổi Chán	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 20' 37"	102° 50' 59"	22° 21' 25"	102° 51' 14"	F-48-38-B
huổi Co Mì	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 20' 52"	102° 53' 15"	22° 20' 32"	102° 53' 03"	F-48-38-B
huổi Cuổng	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 20' 51"	102° 49' 19"	22° 21' 41"	102° 50' 37"	F-48-38-B
huổi Đán Đón	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 19' 07"	102° 53' 52"	22° 19' 53"	102° 54' 16"	F-48-38-B
bản Đán Đớn	DC	xã Vàng San	H. Mường Tè	22° 19' 31"	102° 51' 40"					F-48-38-B
huổi Đướng	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 20' 07"	102° 52' 21"	22° 20' 03"	102° 52' 34"	F-48-38-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Hiêm	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 20' 00"	102° 52' 48"	22° 20' 22"	102° 53' 21"	F-48-38-B
huổi Lạp	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 21' 03"	102° 50' 15"	22° 21' 40"	102° 50' 37"	F-48-38-B
bản Nà Phầy	DC	xã Vàng San	H. Mường Tè	22° 21' 48"	102° 50' 39"					F-48-38-B
núi Nậm Pồng	SV	xã Vàng San	H. Mường Tè	22° 21' 10"	102° 58' 55"					F-48-38-B
bản Nậm Sẻ	DC	xã Vàng San	H. Mường Tè	22° 18' 41"	102° 57' 16"					F-48-38-B
suối Nậm Sẻ	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 18' 06"	102° 58' 26"	22° 19' 21"	102° 56' 49"	F-48-38-B
bản Nậm Suống	DC	xã Vàng San	H. Mường Tè	22° 19' 54"	102° 57' 38"					F-48-38-B
huổi Nhá	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 21' 23"	102° 49' 23"	22° 21' 57"	102° 50' 29"	F-48-38-B
nậm Nhọ	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 19' 20"	102° 58' 21"	22° 22' 09"	102° 50' 37"	F-48-38-B
nậm Pạ	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 20' 38"	102° 54' 26"	22° 20' 16"	102° 53' 32"	F-48-38-B
bản Pắc Pạ	DC	xã Vàng San	H. Mường Tè	22° 20' 07"	102° 53' 35"					F-48-38-B
huổi Phầy	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 20' 15"	102° 52' 01"	22° 20' 40"	102° 52' 30"	F-48-38-B
nậm Pồng	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 21' 26"	102° 57' 44"	22° 19' 44"	102° 54' 55"	F-48-38-B
huổi Pú	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 20' 42"	102° 51' 11"	22° 21' 16"	102° 51' 35"	F-48-38-B
huổi Sá Phứ	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 18' 40"	102° 55' 23"	22° 19' 12"	102° 55' 41"	F-48-38-B
bản Sang Sui	DC	xã Vàng San	H. Mường Tè	22° 19' 11"	102° 55' 36"					F-48-38-B
huổi Sang Sui	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 18' 27"	102° 54' 22"	22° 19' 40"	102° 54' 47"	F-48-38-B
nậm Suống	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 20' 48"	102° 58' 07"	22° 19' 21"	102° 56' 49"	F-48-38-B
huổi Tum	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 20' 02"	102° 51' 17"	22° 20' 52"	102° 52' 22"	F-48-38-B
bản Vàng San	DC	xã Vàng San	H. Mường Tè	22° 20' 38"	102° 52' 24"					F-48-38-B
đường tỉnh 127	KX	TT. Nậm Nhùn	H. Nậm Nhùn			22° 08' 29"	102° 55' 44"	22° 06' 14"	103° 06' 04"	F-48-38-D, F-48-39-C
sông Đà	TV	TT. Nậm Nhùn	H. Nậm Nhùn			22° 08' 26"	102° 55' 41"	22° 06' 09"	103° 06' 02"	F-48-39-C, F-48-38-D
nậm Hàng	TV	TT. Nậm Nhùn	H. Nậm Nhùn			22° 11' 48"	103° 02' 03"	22° 08' 22"	103° 01' 05"	F-48-39-C
bản Huổi Héo	DC	TT. Nậm Nhùn	H. Nậm Nhùn	22° 07' 50"	103° 00' 02"					F-48-39-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nậm Hàng	DC	TT. Nậm Nhùn	H. Nậm Nhùn	22° 08' 35"	103° 00' 49"					F-48-39-C
ghềnh Nậm Nhạt	TV	TT. Nậm Nhùn	H. Nậm Nhùn	22° 08' 19"	102° 59' 25"					F-48-38-D
suối Nậm Nhạt	TV	TT. Nậm Nhùn	H. Nậm Nhùn			22° 07' 34"	102° 59' 90"	22° 08' 20"	102° 59' 23"	F-48-38-D
bản Nậm Nhùm	DC	TT. Nậm Nhùn	H. Nậm Nhùn	22° 09' 48"	102° 59' 25"					F-48-38-D
suối Nậm Nhùm	TV	TT. Nậm Nhùn	H. Nậm Nhùn			22° 14' 28"	103° 00' 25"	22° 08' 30"	102° 59' 40"	F-48-39-C, F-48-38-D
Đồn Biên phòng 305	KX	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn	22° 23' 43"	102° 58' 34"					F-48-38-B
nậm Bum	TV	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn			22° 26' 32"	103° 00' 45"	22° 23' 29"	102° 55' 09"	F-48-38-B, F-48-39-A
huổi Chá Cứ	TV	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn			22° 22' 32"	102° 58' 47"	22° 23' 49"	102° 58' 15"	F-48-38-B
bản Chang Chao Pá	DC	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn	22° 23' 48"	102° 58' 30"					F-48-38-B
nậm Cuổi	TV	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn			22° 19' 19"	103° 00' 28"	22° 17' 12"	103° 06' 03"	F-48-39-A
nậm Dền Thàng	TV	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn			22° 28' 07"	102° 58' 20"	22° 24' 20"	102° 58' 54"	F-48-38-B
huổi Hu Khù	TV	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn			22° 22' 47"	102° 58' 09"	22° 23' 42"	102° 57' 49"	F-48-38-B
nậm Lơn	TV	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn			22° 20' 26"	103° 05' 15"	22° 17' 38"	103° 04' 29"	F-48-39-A
suối Mỹ Đừ Ló Khà	TV	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn			22° 21' 35"	102° 59' 15"	22° 22' 25"	103° 02' 52"	F-48-38-B, F-48-39-A
bản Nạm Nghẹ	DC	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn	22° 25' 29"	102° 57' 36"					F-48-38-B
núi Nậm Nhà	SV	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn	22° 26' 27"	102° 55' 11"					F-48-38-B
núi Nậm Sẻ	SV	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn	22° 22' 48"	103° 00' 13"					F-48-39-A
nậm Nghẹ	TV	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn			22° 28' 37"	102° 57' 13"	22° 23' 42"	102° 56' 42"	F-48-38-B
bản Pa Cheo	DC	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn	22° 24' 55"	102° 59' 36"					F-48-38-B
núi Pá Đơn	SV	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn	22° 16' 12"	103° 03' 03"					F-48-39-A
bản Pa Mu	DC	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn	22° 23' 59"	102° 55' 30"					F-48-38-B
nậm Sảo	TV	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn			22° 26' 02"	102° 59' 42"	22° 24' 26"	102° 59' 36"	F-48-38-B
nậm Sập	TV	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn			22° 15' 30"	103° 02' 05"	22° 16' 51"	103° 06' 32"	F-48-39-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Tỳ	TV	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn			22° 22' 36"	102° 56' 02"	22° 23' 26"	102° 55' 52"	F-48-38-B
huổi Ước Pu Nó Khà	TV	xã Hua Bum	H. Nậm Nhùn			22° 23' 19"	102° 59' 18"	22° 23' 53"	102° 58' 19"	F-48-38-B
quốc lộ 12	KX	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn			22° 06' 44"	103° 10' 31"	22° 04' 34"	103° 10' 40"	F-48-39-C
đường tỉnh 127	KX	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn			22° 05' 52"	103° 07' 10"	22° 05' 07"	103° 09' 44"	F-48-39-C
bản Chang	DC	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn	22° 04' 17"	103° 08' 39"					F-48-39-C
bản Chợ	DC	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn	22° 06' 18"	103° 09' 36"					F-48-39-C
nậm Đoong	TV	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn			22° 07' 14"	103° 09' 14"	22° 04' 13"	103° 08' 27"	F-48-39-C
cầu Hang Tôm	KX	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn	22° 04' 44"	103° 10' 21"					F-48-39-C
suối Huổi Đỏ	TV	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn			22° 07' 08"	103° 09' 45"	22° 06' 21"	103° 10' 06"	F-48-39-C
bản Huổi Sáng	DC	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn	22° 07' 03"	103° 09' 17"					F-48-39-C
cầu Lai Hà	KX	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn	22° 05' 57"	103° 09' 51"					F-48-39-C
bia Lê Lợi	KX	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn	22° 05' 42"	103° 07' 30"					F-48-39-C
bản Pá Cuổi	DC	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn	22° 05' 41"	103° 08' 55"					F-48-39-C
bản Phiêng Ban	DC	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn	22° 06' 03"	103° 10' 00"					F-48-39-C
bản Phiêng Én	DC	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn	22° 06' 03"	103° 11' 05"					F-48-39-C
đường tỉnh 127	KX	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn			22° 13' 01"	102° 49' 41"	22° 08' 29"	102° 55' 44"	F-48-38-D
sông Đà	TV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn			22° 14' 41"	102° 48' 49"	22° 07' 56"	102° 56' 26"	F-48-38-D
pu Đen Đin	SV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn	22° 17' 15"	102° 54' 07"					F-48-38-B
bản Giẳng	DC	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn	22° 13' 53"	102° 55' 39"					F-48-38-D
huổi Hạ	TV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn			22° 13' 34"	102° 57' 21"	22° 12' 55"	102° 56' 33"	F-48-38-D
nậm Hài	TV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn			22° 11' 24"	102° 56' 57"	22° 12' 26"	102° 55' 11"	F-48-38-D
nậm Hính Luông	TV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn			22° 08' 55"	102° 47' 49"	22° 09' 34"	102° 47' 48"	F-48-38-D
nậm Hong	TV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn			22° 10' 22"	102° 52' 13"	22° 11' 46"	102° 51' 43"	F-48-38-D
núi Huổi Tung	SV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn	22° 08' 35"	102° 53' 02"					F-48-38-D
nậm Khăn	TV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn			22° 12' 55"	102° 56' 33"	22° 12' 25"	102° 54' 42"	F-48-38-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nậm Khao	TV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn			22° 13' 34"	102° 53' 02"	22° 12' 32"	102° 53' 24"	F-48-38-D
bản Km 41	DC	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn	22° 10' 08"	102° 55' 08"					F-48-38-D
pu Kỏi	SV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn	22° 09' 03"	102° 51' 44"					F-48-38-D
nậm Mô	TV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn			22° 17' 01"	102° 55' 34"	22° 12' 38"	102° 55' 26"	F-48-38-B F-48-38-D
bản Mường Mô	DC	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn	22° 12' 47"	102° 55' 27"					F-48-38-D
núi Nậm	SV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn	22° 06' 19"	102° 49' 18"					F-48-38-D
suối Nậm Khăn	TV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn			22° 16' 51"	102° 58' 14"	22° 16' 18"	102° 55' 55"	F-48-38-B
núi Nậm Lọ	SV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn	22° 14' 02"	102° 51' 22"					F-48-38-D
bản Pá Khao	DC	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn	22° 13' 44"	102° 53' 15"					F-48-38-D
cầu Pá Khao	KX	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn	22° 12' 33"	102° 53' 24"					F-48-38-D
bản Pa Mô	DC	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn	22° 12' 27"	102° 54' 38"					F-48-38-D
nậm Phin Luông	TV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn			22° 08' 58"	102° 54' 02"	22° 10' 21"	102° 54' 41"	F-48-38-D
nậm Phin Nọi	TV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn			22° 09' 27"	102° 52' 59"	22° 10' 24"	102° 54' 49"	F-48-38-D
huổi Pống	TV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn			22° 13' 09"	102° 51' 50"	22° 12' 02"	102° 52' 06"	F-48-38-D
huổi Sai Lương	TV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn			22° 10' 12"	102° 55' 39"	22° 10' 09"	102° 55' 03"	F-48-38-D
huổi Tông	TV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn			22° 11' 14"	102° 55' 26"	22° 10' 27"	102° 54' 57"	F-48-38-D
bản Tỏng Pịt	DC	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn	22° 10' 02"	102° 54' 00"					F-48-38-D
huổi Xạng	TV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn			22° 13' 31"	102° 56' 42"	22° 12' 53"	102° 55' 54"	F-48-38-D
nậm Xuân	TV	xã Mường Mô	H. Nậm Nhùn			22° 16' 13"	102° 54' 04"	22° 12' 13"	102° 54' 30"	F-48-38-B, F-48-38-D
bản Hua Pảng	DC	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn	22° 24' 18"	103° 04' 50"					F-48-39-A
suối Nậm Ban	TV	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn			22° 23' 57"	103° 02' 12"	22° 19' 47"	103° 09' 57"	F-48-39-A
suối Nậm Bông	TV	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn			22° 21' 54"	103° 05' 15"	22° 22' 35"	103° 08' 23"	F-48-39-A
suối Nậm Chẻ	TV	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn			22° 20' 11"	103° 05' 51"	22° 16' 57"	103° 07' 05"	F-48-39-A
suối Nậm Họ	TV	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn			22° 18' 38"	103° 07' 42"	22° 19' 07"	103° 09' 42"	F-48-39-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nậm Hon	TV	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn			22° 26' 13"	103° 04' 34"	22° 25' 36"	103° 04' 05"	F-48-39-A
bản Nậm Nó 1	DC	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn	22° 21' 43"	103° 08' 33"					F-48-39-A
bản Nậm Nó 2	DC	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn	22° 21' 07"	103° 09' 56"					F-48-39-A
bản Nậm Vạc 1	DC	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn	22° 19' 56"	103° 08' 03"					F-48-39-A
bản Nậm Vạc 2	DC	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn	22° 18' 57"	103° 09' 17"					F-48-39-A
suối Nậm Vảng	TV	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn			22° 22' 05"	103° 02' 43"	22° 23' 38"	103° 04' 09"	F-48-39-A
bản Pa Pảng	DC	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn	22° 24' 11"	103° 05' 15"					F-48-39-A
nậm Chà	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 10' 07"	102° 48' 26"	22° 05' 43"	102° 51' 56"	F-48-38-D
bản Hát Mé	DC	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn	22° 06' 37"	102° 53' 49"					F-48-38-D
suối Hát Trại	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 09' 03"	102° 48' 41"	22° 09' 40"	102° 49' 07"	F-48-38-D
nậm Hính Nọi	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 10' 09"	102° 46' 32"	22° 08' 53"	102° 46' 12"	F-48-38-D
bản Huổi Lính	DC	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn	22° 05' 13"	102° 51' 23"					F-48-38-D
bản Huổi Mắn A	DC	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn	22° 05' 56"	102° 54' 17"					F-48-38-D
bản Huổi Xó	DC	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn	22° 10' 38"	102° 50' 35"					F-48-38-D
huổi Lắn	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 09' 56"	102° 50' 33"	22° 09' 22"	102° 49' 25"	F-48-38-D
bản Nậm Chà	DC	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn	22° 06' 45"	102° 48' 30"					F-48-38-D
nậm Ngà	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 12' 29"	102° 45' 07"	22° 10' 07"	102° 48' 26"	F-48-38-D
huổi Nhạt	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 08' 59"	102° 56' 03"	22° 08' 27"	102° 55' 41"	F-48-38-D
nậm Nhạt	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 05' 43"	102° 51' 56"	22° 08' 25"	102° 55' 36"	F-48-38-D
nậm Nhè	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 07' 48"	102° 44' 46"	22° 10' 07"	102° 48' 26"	F-48-38-D F-48-38-C
bản Phiêng Lằn	DC	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn	22° 09' 20"	102° 51' 32"					F-48-38-D
huổi Sâu	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 05' 03"	102° 49' 16"	22° 05' 43"	102° 51' 24"	F-48-38-D
bản Táng Ngá	DC	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn	22° 10' 37"	102° 48' 16"					F-48-38-D
nậm Va	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 04' 08"	102° 48' 52"	22° 03' 55"	102° 51' 42"	F-48-38-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nậm Văng	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 05' 37"	102° 55' 27"	22° 04' 50"	102° 52' 39"	F-48-38-D
nậm Bắc	TV	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn			22° 10' 03"	103° 01' 28"	22° 08' 22"	103° 01' 09"	F-48-39-C
phu Đao	SV	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 12' 00"	103° 02' 15"					F-48-39-C
nậm Dòn	TV	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn			22° 10' 11"	103° 01' 53"	22° 08' 42"	103° 01' 49"	F-48-39-C
bản Huổi Đanh	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 09' 45"	102° 57' 19"					F-48-38-D
bản Huổi Pết	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 09' 23"	103° 02' 22"					F-48-39-C
bản Huổi Van I	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 13' 02"	102° 59' 17"					F-48-38-D
bản Huổi Van II	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 12' 59"	102° 59' 14"					F-48-38-D
huổi Kẹp	TV	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn			22° 10' 31"	103° 02' 53"	22° 08' 03"	103° 02' 13"	F-48-39-C
huổi Lai	TV	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn			22° 07' 11"	103° 06' 10"	22° 06' 10"	103° 06' 02"	F-48-39-C
bản Lồng Ngài	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 14' 02"	103° 04' 04"					F-48-39-C
bản Nậm Cầy	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 11' 05"	102° 59' 18"					F-48-38-D
suối Nậm Cầy	TV	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn			22° 11' 39"	102° 59' 58"	22° 11' 00"	102° 59' 10"	F-48-38-D
bản Nậm Lay	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 14' 47"	103° 03' 54"					F-48-39-C
bản Nậm Ty	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 07' 11"	103° 04' 24"					F-48-38-D
bản Pa Kéo	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 08' 28"	103° 01' 24"					F-48-39-C
bản Phiêng Luông I	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 08' 26"	103° 02' 08"					F-48-39-C
bản Phiêng Luông II	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 08' 39"	103° 02' 47"					F-48-39-C
nậm Tạo	TV	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn			22° 09' 24"	103° 03' 54"	22° 08' 23"	103° 02' 02"	F-48-39-C
huổi Tung	TV	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn			22° 08' 59"	102° 57' 15"	22° 07' 58"	102° 56' 45"	F-48-38-D
nậm Ty	TV	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn			22° 08' 41"	103° 05' 39"	22° 07' 31"	103° 03' 43"	F-48-39-C
thác Cạnh Mỏ	TV	xã Nậm Manh	H. Nậm Nhùn	22° 08' 18"	103° 00' 10"					F-48-39-C
sông Đà	TV	xã Nậm Manh	H. Nậm Nhùn			22° 08' 26"	102° 55' 41"	22° 06' 09"	103° 06' 02"	F-48-39-C, F-48-38-D
suối Huổi Bỉ	TV	xã Nậm Manh	H. Nậm Nhùn			22° 05' 36"	102° 57' 26"	22° 06' 19"	102° 58' 28"	F-48-38-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Huổi Chát	TV	xã Nậm Manh	H. Nậm Nhùn			22° 04' 44"	102° 59' 33"	22° 06' 19"	102° 58' 28"	F-48-38-D
bản Huổi Chát 1	DC	xã Nậm Manh	H. Nậm Nhùn	22° 06' 41"	102° 57' 57"					F-48-38-D
bản Huổi Chát 2	DC	xã Nậm Manh	H. Nậm Nhùn	22° 06' 11"	102° 58' 55"					F-48-38-D
suối Huổi Vắn	TV	xã Nậm Manh	H. Nậm Nhùn			22° 07' 19"	102° 55' 39"	22° 07' 54"	102° 56' 25"	F-48-38-D
đồi Kíu Hán	SV	xã Nậm Manh	H. Nậm Nhùn	22° 04' 43"	103° 01' 24"					F-48-39-C
bản Nậm Mành	DC	xã Nậm Manh	H. Nậm Nhùn	22° 08' 02"	103° 02' 00"					F-48-39-C
suối Nậm Mành	TV	xã Nậm Manh	H. Nậm Nhùn			22° 04' 48"	103° 00' 10"	22° 08' 08"	103° 01' 48"	F-48-39-C
bản Nậm Nàn	DC	xã Nậm Manh	H. Nậm Nhùn	22° 04' 58"	102° 56' 40"					F-48-38-D
núi Nậm Nàn	SV	xã Nậm Manh	H. Nậm Nhùn	22° 06' 55"	102° 57' 13"					F-48-38-D
suối Nậm Nàn	TV	xã Nậm Manh	H. Nậm Nhùn			22° 03' 40"	102° 58' 31"	22° 08' 19"	102° 59' 22"	F-48-38-D
suối Nậm Pồ	TV	xã Nậm Manh	H. Nậm Nhùn			22° 04' 09"	103° 01' 36"	22° 06' 21"	103° 05' 05"	F-48-39-C
nậm Đắc	TV	xã Nậm Pì	H. Nậm Nhùn							
nậm Hị	TV	xã Nậm Pì	H. Nậm Nhùn							
suối Huổi Bía	TV	xã Nậm Pì	H. Nậm Nhùn			22° 17' 52"	103° 07' 40"	22° 16' 55"	103° 07' 28"	F-48-39-A
suối Nậm Cỏi	TV	xã Nậm Pì	H. Nậm Nhùn			22° 16' 55"	103° 07' 28"	22° 18' 09"	103° 09' 31"	F-48-39-A
bản Nậm Pì	DC	xã Nậm Pì	H. Nậm Nhùn	22° 10' 48"	103° 09' 12"					F-48-39-C
suối Nặm Vời	TV	xã Nậm Pì	H. Nậm Nhùn			22° 14' 05"	103° 05' 44"	22° 14' 04"	103° 09' 32"	F-48-39-C
bản Pề Ngài 2	DC	xã Nậm Pì	H. Nậm Nhùn	22° 14' 59"	103° 05' 25"					F-48-39-C
nậm Pi	TV	xã Nậm Pì	H. Nậm Nhùn							
núi Pu Lông	SV	xã Nậm Pì	H. Nậm Nhùn	22° 10' 01"	103° 09' 04"					F-48-39-C
đường tỉnh 127	KX	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn			22° 06' 14"	103° 06' 04"	22° 05' 52"	103° 07' 10"	F-48-39-C
nậm Đắc	TV	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn			22° 07' 58"	103° 07' 25"	22° 10' 24"	103° 08' 46"	F-48-39-C
nậm Đắng	TV	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn			22° 08' 15"	103° 09' 07"	22° 07' 26"	103° 09' 20"	F-48-39-C
nậm Đứng	TV	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn			22° 07' 44"	103° 07' 45"	22° 07' 14"	103° 09' 14"	F-48-39-C
bản Hồng Ngài	DC	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn	22° 08' 10"	103° 09' 32"					F-48-39-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nậm Khao	TV	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn			22° 10' 36"	103° 04' 49"	22° 11' 11"	103° 08' 16"	F-48-39-C
nậm Long	TV	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn			22° 11' 59"	103° 04' 15"	22° 11' 10"	103° 08' 16"	F-48-39-C
bản Nậm Đắc	DC	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn	22° 08' 38"	103° 07' 03"					F-48-39-C
bản Nậm Đoong	DC	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn	22° 07' 13"	103° 07' 28"					F-48-39-C
bản Nậm Pì	DC	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn	22° 11' 59"	103° 07' 22"					F-48-39-C
núi Nậm Pì	SV	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn	22° 11' 25"	103° 06' 07"					F-48-39-C
núi Pú Đao	SV	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn	22° 07' 06"	103° 07' 07"					F-48-39-C
bản Chung Trải 1	DC	xã Trung Chải	H. Nậm Nhùn	22° 23' 12"	103° 09' 47"					F-48-39-A
bản Chung Trải 2	DC	xã Trung Chải	H. Nậm Nhùn	22° 24' 13"	103° 10' 29"					F-48-39-A
suối Kênh Va	TV	xã Trung Chải	H. Nậm Nhùn			22° 22' 52"	103° 09' 28"	22° 22' 38"	103° 10' 25"	F-48-39-A
suối Nậm Na	TV	xã Trung Chải	H. Nậm Nhùn			22° 25' 49"	103° 11' 28"	22° 18' 23"	103° 09' 51"	F-48-39-A
bản Nậm Ô	DC	xã Trung Chải	H. Nậm Nhùn	22° 23' 49"	103° 07' 22"					F-48-39-A
bản Nậm Sảo 2	DC	xã Trung Chải	H. Nậm Nhùn	22° 25' 22"	103° 10' 54"					F-48-39-A
đội 5	DC	TT. Phong Thổ	H. Phong Thổ	22° 33' 12"	103° 16' 35"					F-48-27-D
quốc lộ 12	KX	TT. Phong Thổ	H. Phong Thổ			22° 33' 24"	103° 16' 24"	22° 30' 10"	103° 15' 31"	F-48-27-D
quốc lộ 4D	KX	TT. Phong Thổ	H. Phong Thổ			22° 32' 39"	103° 17' 08"	22° 30' 52"	103° 19' 41"	F-48-27-D
núi Nà Ngào	SV	TT. Phong Thổ	H. Phong Thổ	22° 32' 01"	103° 19' 55"					F-48-27-D
sông Nậm Na	TV	TT. Phong Thổ	H. Phong Thổ			22° 33' 22"	103° 16' 21"	22° 30' 14"	103° 15' 25"	F-48-27-D
thôn Nậm Pậy	DC	TT. Phong Thổ	H. Phong Thổ	22° 30' 34"	103° 15' 54"					F-48-27-D
suối Nậm Pậy	TV	TT. Phong Thổ	H. Phong Thổ			22° 29' 45"	103° 16' 53"	22° 30' 34"	103° 15' 47"	F-48-27-D, F-48-39-B
sông Nậm So	TV	TT. Phong Thổ	H. Phong Thổ			22° 32' 40"	103° 16' 59"	22° 31' 24"	103° 20' 02"	F-48-27-D
thôn Pa So	DC	TT. Phong Thổ	H. Phong Thổ	22° 32' 41"	103° 17' 13"					F-48-27-D
cầu Pa So	KX	TT. Phong Thổ	H. Phong Thổ	22° 32' 44"	103° 17' 08"					F-48-27-D
thôn Thẩm Bú	DC	TT. Phong Thổ	H. Phong Thổ	22° 31' 41"	103° 19' 33"					F-48-27-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thèn Chồ	DC	TT. Phong Thổ	H. Phong Thổ	22° 32' 53"	103° 16' 37"					F-48-27-D
thôn Vàng Bó	DC	TT. Phong Thổ	H. Phong Thổ	22° 31' 50"	103° 19' 13"					F-48-27-D
thôn Vàng Khon	DC	TT. Phong Thổ	H. Phong Thổ	22° 31' 31"	103° 19' 28"					F-48-27-D
đường tỉnh 132	KX	xã Bản Lang	H. Phong Thổ			22° 37' 39"	103° 21' 15"	22° 34' 11"	103° 21' 56"	F-48-27-D
núi Hồ Sao Chải	SV	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 35' 53"	103° 21' 07"					F-48-27-D
bản Lang 1	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 35' 33"	103° 22' 46"					F-48-27-D
bản Lang 2	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 35' 18"	103° 22' 28"					F-48-27-D
suối Ma Can	TV	xã Bản Lang	H. Phong Thổ			22° 37' 30"	103° 27' 52"	22° 37' 55"	103° 26' 56"	F-48-27-D
bản Má Nghé	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 35' 10"	103° 21' 28"					F-48-27-D
bản Má Tiển	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 37' 37"	103° 20' 58"					F-48-27-D
núi Mó Quạ	SV	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 37' 53"	103° 25' 06"					F-48-27-D
bản Nà Cúng	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 35' 52"	103° 22' 53"					F-48-27-D
bản Nà Đoong	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 35' 51"	103° 27' 08"					F-48-27-D
bản Nà Giang	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 36' 19"	103° 24' 46"					F-48-27-D
bản Nà Vàng	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 34' 33"	103° 21' 51"					F-48-27-D
suối Nậm Lòn	TV	xã Bản Lang	H. Phong Thổ			22° 35' 19"	103° 25' 37"	22° 35' 41"	103° 24' 47"	F-48-27-D
suối Nậm Lụn	TV	xã Bản Lang	H. Phong Thổ			22° 38' 29"	103° 23' 38"	22° 35' 01"	103° 22' 36"	F-48-27-D
bản Nậm Lùng	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 36' 27"	103° 22' 13"					F-48-27-D
núi Pụ Khu Luông	SV	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 36' 51"	103° 27' 10"					F-48-27-D
núi Pụ Ngừu San	SV	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 37' 31"	103° 26' 15"					F-48-27-D
bản Sàng Giang	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 34' 25"	103° 24' 28"					F-48-27-D
bản Tả Lèng Sung	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 36' 17"	103° 21' 11"					F-48-27-D
bản Thèn Thầu	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 35' 11"	103° 24' 03"					F-48-27-D
đường tỉnh 132	KX	xã Dào San	H. Phong Thổ			22° 40' 56"	103° 21' 33"	22° 37' 39"	103° 21' 15"	F-48-27-D
Đồn Biên phòng 281	KX	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 18"	103° 21' 32"					F-48-27-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Bản Pho	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 37' 33"	103° 22' 07"					F-48-27-D
suối Can	TV	xã Dào San	H. Phong Thổ			22° 41' 42"	103° 20' 36"	22° 41' 51"	103° 20' 10"	F-48-27-D
bản Cao Sín Chải	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 17"	103° 20' 17"					F-48-27-D
bản Dền Sang	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 38' 36"	103° 20' 22"					F-48-27-D
bản Dền Thàng A	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 39' 45"	103° 21' 36"					F-48-27-D
bản Dền Thàng B	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 09"	103° 21' 41"					F-48-27-D
bản Hà Nhì	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 56"	103° 21' 47"					F-48-27-D
bản Hợp 1	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 53"	103° 21' 31"					F-48-27-D
bản Hợp 2	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 35"	103° 21' 37"					F-48-27-D
bản Hợp 3	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 42"	103° 21' 20"					F-48-27-D
bản Lèng Chư	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 34"	103° 20' 41"					F-48-27-D
nậm Lon	TV	xã Dào San	H. Phong Thổ			22° 38' 45"	103° 26' 14"	22° 38' 29"	103° 23' 38"	F-48-27-D
núi Lý Chải	SV	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 41' 03"	103° 22' 13"					F-48-27-D
bản Ma Can	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 38' 15"	103° 24' 31"					F-48-27-D
suối Sam Tra	TV	xã Dào San	H. Phong Thổ			22° 40' 18"	103° 26' 37"	22° 38' 59"	103° 25' 35"	F-48-27-D
bản San Tra	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 39' 13"	103° 23' 31"					F-48-27-D
bản Sì Phài	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 39' 39"	103° 19' 53"					F-48-27-D
bản Sín Sáng A	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 06"	103° 22' 44"					F-48-27-D
bản Sín Sáng B	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 39' 47"	103° 22' 12"					F-48-27-D
bản Xin Chải	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 28"	103° 21' 19"					F-48-27-D
quốc lộ 12	KX	xã Hoang Thèn	H. Phong Thổ			22° 35' 42"	103° 15' 34"	22° 33' 08"	103° 16' 36"	F-48-27-D
nậm Cát	TV	xã Hoang Thèn	H. Phong Thổ			22° 36' 00"	103° 17' 00"	22° 35' 46"	103° 15' 32"	F-48-27-D
bản Hoang Thèn	DC	xã Hoang Thèn	H. Phong Thổ	22° 36' 51"	103° 18' 03"					F-48-27-D
bản Huổi Luông	DC	xã Hoang Thèn	H. Phong Thổ	22° 33' 25"	103° 19' 46"					F-48-27-D
bản Lèng Suôi Chin	DC	xã Hoang Thèn	H. Phong Thổ	22° 35' 46"	103° 19' 30"					F-48-27-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Mồ Sì Câu	DC	xã Hoang Thèn	H. Phong Thổ	22° 34' 53"	103° 16' 56"					F-48-27-D
bản Nậm Cáy	DC	xã Hoang Thèn	H. Phong Thổ	22° 35' 39"	103° 15' 35"					F-48-27-D
bản Sàng Cải	DC	xã Hoang Thèn	H. Phong Thổ	22° 38' 05"	103° 18' 05"					F-48-27-D
bản Séo Lẻn	DC	xã Hoang Thèn	H. Phong Thổ	22° 34' 11"	103° 19' 32"					F-48-27-D
suối Sì Câu	TV	xã Hoang Thèn	H. Phong Thổ			22° 35' 47"	103° 19' 10"	22° 35' 31"	103° 16' 18"	F-48-27-D
bản Sin Chải	DC	xã Hoang Thèn	H. Phong Thổ	22° 36' 55"	103° 19' 51"					F-48-27-D
bản Tả Lèng	DC	xã Hoang Thèn	H. Phong Thổ	22° 37' 32"	103° 19' 28"					F-48-27-D
Trạm Biên phòng 299	KX	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 34' 25"	103° 10' 22"					F-48-27-C
bản Can Thàng	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 33' 50"	103° 12' 51"					F-48-27-C
suối Can Thàng	TV	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ			22° 34' 03"	103° 11' 40"	22° 34' 14"	103° 12' 58"	F-48-27-C
bản Chang Hỏng 1	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 35' 11"	103° 11' 49"					F-48-27-C
bản Chang Hỏng 2	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 35' 11"	103° 12' 31"					F-48-27-C
bản Hồ Thầu	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 32' 43"	103° 10' 44"					F-48-27-C
bản Hoàng Chù Sào	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 30' 59"	103° 12' 56"					F-48-27-C
suối Huổi Luông	TV	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ			22° 32' 12"	103° 08' 26"	22° 30' 02"	103° 10' 50"	F-48-27-C
bản Huổi Luông 1	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 31' 57"	103° 11' 06"					F-48-27-C
bản Huổi Luông 2	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 31' 06"	103° 10' 16"					F-48-27-C
bản La Vân	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 35' 55"	103° 13' 03"					F-48-27-C
bản Làng Vây 1	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 31' 55"	103° 13' 37"					F-48-27-C
bản Làng Vây 2	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 31' 43"	103° 15' 49"					F-48-27-D
bản Làng Vây 3	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 32' 58"	103° 14' 52"					F-48-27-C
bản Ma Lù Thàng 1	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 34' 04"	103° 11' 07"					F-48-27-C
bản Ma Lù Thàng 2	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 34' 30"	103° 11' 13"					F-48-27-C
suối Nậm Hàng	TV	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ			22° 34' 14"	103° 12' 58"	22° 34' 22"	103° 15' 47"	F-48-27-C F-48-39-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nậm Lé	TV	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ			22° 32' 37"	103° 08' 57"	22° 33' 39"	103° 10' 52"	F-48-27-C
suối Nậm Mạ	TV	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ			22° 32' 38"	103° 12' 01"	22° 29' 46"	103° 11' 32"	F-48-27-C, F-48-39-A
sông Nậm Na	TV	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ			22° 35' 59"	103° 09' 29"	22° 28' 40"	103° 12' 49"	F-48-27-C, F-48-27-D, F-48-39-A
núi Nậm Sa	SV	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 35' 17"	103° 10' 17"					F-48-27-C
suối Nậm Then	TV	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ			22° 32' 00"	103° 10' 47"	22° 30' 20"	103° 10' 47"	F-48-27-C
bản Ngài Chồ	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 33' 15"	103° 14' 32"					F-48-27-C
bản Nhiều Sáng	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 32' 13"	103° 13' 23"					F-48-27-C
bản Pô Tô	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 33' 10"	103° 11' 20"					F-48-27-C
bản Thèn Thầu	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 35' 52"	103° 11' 06"					F-48-27-C
bản U Gia	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 36' 01"	103° 13' 43"					F-48-27-C
bản Bản Cang	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 32' 09"	103° 21' 18"					F-48-27-D
bản Bản Đớ	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 32' 51"	103° 20' 42"					F-48-27-D
bản Chi Bú	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 32' 21"	103° 21' 06"					F-48-27-D
bản Ho Sao Chải	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 35' 08"	103° 20' 33"					F-48-27-D
bản Huổi Lỏng	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 32' 35"	103° 21' 46"					F-48-27-D
bản Huổi Nả	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 33' 03"	103° 20' 24"					F-48-27-D
bản Huổi Phặc	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 33' 15"	103° 20' 05"					F-48-27-D
bản Nậm Khay	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 34' 08"	103° 20' 45"					F-48-27-D
nậm Nậm Khay	TV	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ			22° 35' 23"	103° 20' 22"	22° 33' 38"	103° 21' 36"	F-48-27-D
nậm Nậm Lùm	TV	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ			22° 34' 10"	103° 21' 57"	22° 32' 03"	103° 21' 20"	F-48-27-D
suối Nậm Phe	TV	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ			22° 33' 16"	103° 23' 18"	22° 32' 27"	103° 22' 15"	F-48-27-D
bản Phai Cát I	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 32' 56"	103° 21' 44"					F-48-27-D
bản Phai Cát II	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 32' 45"	103° 21' 46"					F-48-27-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 4D	KX	xã Lản Nhì Thàng	H. Phong Thổ			22° 30' 13"	103° 20' 16"	22° 25' 37"	103° 24' 52"	F-48-39-B
khu Can Tỷ	DC	xã Lản Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 28' 24"	103° 20' 36"					F-48-39-B
khu Chăn Nuôi	DC	xã Lản Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 27' 39"	103° 25' 07"					F-48-39-B
núi Chiêu Pao	SV	xã Lản Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 29' 32"	103° 22' 11"					F-48-39-B
bản Cung Mu Phìn	DC	xã Lản Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 29' 40"	103° 18' 29"					F-48-39-B
bản Hồng Thu	DC	xã Lản Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 26' 02"	103° 24' 41"					F-48-39-B
bản Hồng Thu Mán	DC	xã Lản Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 26' 31"	103° 23' 44"					F-48-39-B
bản Lản Nhì Thàng	DC	xã Lản Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 27' 54"	103° 22' 06"					F-48-39-B
bản Lùng Cù - Séo Pả	DC	xã Lản Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 26' 10"	103° 25' 08"					F-48-39-B
núi Nhiều Sáng	SV	xã Lản Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 28' 17"	103° 25' 17"					F-48-39-B
bản Séo Siên Pho	DC	xã Lản Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 27' 19"	103° 22' 52"					F-48-39-B
bản Sì Lèng Chải	DC	xã Lản Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 28' 30"	103° 22' 07"					F-48-39-B
bản Sin Chải	DC	xã Lản Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 29' 54"	103° 20' 33"					F-48-39-B
bản Tô Y Phìn	DC	xã Lản Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 27' 30"	103° 23' 54"					F-48-39-B
suối Là Hu Si	TV	xã Ma Ly Chải	H. Phong Thổ			22° 44' 37"	103° 18' 22"	22° 43' 41"	103° 18' 56"	F-48-27-D
bản Mới	DC	xã Ma Ly Chải	H. Phong Thổ	22° 43' 45"	103° 17' 56"					F-48-27-D
bản Sin Chải	DC	xã Ma Ly Chải	H. Phong Thổ	22° 44' 27"	103° 17' 50"					F-48-27-D
bản Tả Chải	DC	xã Ma Ly Chải	H. Phong Thổ	22° 44' 10"	103° 17' 53"					F-48-27-D
sông Tả Páo Sung	TV	xã Ma Ly Chải	H. Phong Thổ			22° 44' 50"	103° 17' 33"	22° 42' 31"	103° 17' 09"	F-48-27-D
bản Tỷ Phù	DC	xã Ma Ly Chải	H. Phong Thổ	22° 43' 56"	103° 17' 47"					F-48-27-D
quốc lộ 12	KX	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ			22° 36' 31"	103° 09' 48"	22° 35' 42"	103° 15' 34"	F-48-27-C, F-48-27-D
Trạm Biên phòng Cửa khẩu Ma Lù Thàng	KX	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 36' 27"	103° 09' 50"					F-48-27-C
nậm Cúm	TV	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ			22° 39' 34"	103° 13' 58"	22° 35' 59"	103° 09' 29"	F-48-27-C
cầu Hữu nghị Việt - Trung	KX	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 36' 31"	103° 09' 48"					F-48-27-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Ma Ly Pho	DC	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 38' 12"	103° 12' 18"					F-48-27-C
suối Ma Ly Pho	TV	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ			22° 37' 24"	103° 14' 23"	22° 36' 24"	103° 13' 47"	F-48-27-C
núi Ma Quai Thang	SV	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 38' 21"	103° 13' 53"					F-48-27-C
cầu Nậm Cáy	KX	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 35' 42"	103° 15' 34"					F-48-27-D
bản Pa Nậm Cúm	DC	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 36' 17"	103° 09' 50"					F-48-27-C
suối Pơ Ma Hồ	TV	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ			22° 38' 10"	103° 15' 19"	22° 36' 05"	103° 15' 00"	F-48-27-D
bản Pờ Ma Hồ	DC	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 37' 45"	103° 15' 31"					F-48-27-D
bản Sòn Thầu I	DC	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 37' 00"	103° 15' 12"					F-48-27-D
bản Sòn Thầu II	DC	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 36' 53"	103° 12' 43"					F-48-27-C
bản Tả Phìn	DC	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 37' 32"	103° 16' 44"					F-48-27-D
bản Thèn Xin	DC	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 37' 55"	103° 14' 53"					F-48-27-C
suối Chu Séo Tỷ	TV	xã Mồ Sì San	H. Phong Thổ			22° 44' 28"	103° 20' 30"	22° 44' 32"	103° 19' 55"	F-48-27-D
bản Mồ Sỉ San	DC	xã Mồ Sì San	H. Phong Thổ	22° 44' 33"	103° 21' 13"					F-48-27-D
bản Seo Hồ Thầu	DC	xã Mồ Sì San	H. Phong Thổ	22° 44' 58"	103° 21' 11"					F-48-27-D
suối Séo Hồ Thầu	TV	xã Mồ Sì San	H. Phong Thổ			22° 44' 17"	103° 21' 32"	22° 44' 05"	103° 19' 34"	F-48-27-D
suối Tả Hồ Thầu	TV	xã Mồ Sì San	H. Phong Thổ			22° 45' 34"	103° 23' 05"	22° 45' 41"	103° 22' 27"	F-48-27-B
suối Tả Páo Hồ	TV	xã Mồ Sì San	H. Phong Thổ			22° 45' 24"	103° 25' 24"	22° 45' 05"	103° 24' 59"	F-48-27-B
bản Tân Séo Phìn	DC	xã Mồ Sì San	H. Phong Thổ	22° 44' 52"	103° 20' 54"					F-48-27-D
bản Tô Y Phìn	DC	xã Mồ Sì San	H. Phong Thổ	22° 44' 41"	103° 21' 00"					F-48-27-D
bản Cang Chu Dao	DC	xã Mù Sang	H. Phong Thổ	22° 38' 58"	103° 17' 10"					F-48-27-D
bản Khoa San	DC	xã Mù Sang	H. Phong Thổ	22° 39' 08"	103° 17' 40"					F-48-27-D
bản Lảng Thang	DC	xã Mù Sang	H. Phong Thổ	22° 38' 34"	103° 16' 36"					F-48-27-D
bản Lùng Than	DC	xã Mù Sang	H. Phong Thổ	22° 40' 40"	103° 17' 15"					F-48-27-D
suối Lùng Than	TV	xã Mù Sang	H. Phong Thổ			22° 40' 03"	103° 17' 26"	22° 40' 46"	103° 17' 20"	F-48-27-D
bản Mù Sang	DC	xã Mù Sang	H. Phong Thổ	22° 39' 02"	103° 16' 07"					F-48-27-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Mù Sang	SV	xã Mù Sang	H. Phong Thổ	22° 39' 23"	103° 15' 19"					F-48-27-D
bản Xin Chải	DC	xã Mù Sang	H. Phong Thổ	22° 39' 07"	103° 18' 09"					F-48-27-D
núi Hang Dơi	SV	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 05"	103° 19' 46"					F-48-27-D
bản Hổi Bảo	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 49"	103° 22' 15"					F-48-27-D
bản Hổi Én	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 35"	103° 22' 37"					F-48-27-D
bản Huổi Sen	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 32' 39"	103° 22' 18"					F-48-27-D
bản Nà Củng	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 15"	103° 22' 11"					F-48-27-D
bản Nậm Cung	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 03"	103° 20' 35"					F-48-27-D
suối Nậm Lùm	TV	xã Mường So	H. Phong Thổ			22° 32' 03"	103° 21' 20"	22° 31' 24"	103° 20' 02"	F-48-27-D
suối Nậm Nhịp	TV	xã Mường So	H. Phong Thổ	-		22° 32' 16"	103° 23' 53"	22° 31' 39"	103° 23' 22"	F-48-27-D F-48-39-B
suối Nậm So	TV	xã Mường So	H. Phong Thổ			22° 31' 21"	103° 23' 36"	22° 32' 41"	103° 17' 00"	F-48-27-D
bản Phiêng Đanh	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 16"	103° 20' 24"					F-48-27-D
cầu Phiêng Đanh	KX	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 19"	103° 20' 35"					F-48-27-D
thôn Tây An	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 56"	103° 21' 41"					F-48-27-D
thôn Tây Nguyên	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 52"	103° 21' 13"					F-48-27-D
thôn Tây Sơn	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 51"	103° 20' 59"					F-48-27-D
bản Vàng Bầu	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 09"	103° 23' 22"					F-48-27-D
bản Vàng Pheo	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 40"	103° 21' 14"					F-48-27-D
Đồn Biên phòng 277	KX	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 31' 19"	103° 26' 38"					F-48-27-D
suối Bản Màu	TV	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ			22° 34' 19"	103° 27' 57"	22° 33' 25"	103° 26' 50"	F-48-27-D
suối Căn Câu	TV	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ			22° 36' 18"	103° 29' 48"	22° 35' 56"	103° 29' 26"	F-48-27-D
bản Dền Thàng	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 29' 37"	103° 25' 51"					F-48-39-B
bản Hoàng Liên Sơn 1	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 33' 31"	103° 25' 01"					F-48-27-D
bản Hoàng Liên Sơn 2	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 33' 49"	103° 26' 09"					F-48-27-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khăn To	SV	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 31' 37"	103° 27' 28"					F-48-27-D
núi Khang Chu Văn	SV	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 34' 00"	103° 32' 25"					F-48-28-C,A
pu Kho Luông	SV	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 36' 12"	103° 28' 43"					F-48-27-D
bản Mấn 1	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 30' 53"	103° 24' 26"					F-48-27-D
bản Mấn 2	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 30' 27"	103° 24' 43"					F-48-27-D
bản Màu	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 31' 06"	103° 26' 43"					F-48-27-D
bản Mỏ	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 31' 09"	103° 27' 07"					F-48-27-D
bản Nậm Xe	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 31' 00"	103° 28' 09"					F-48-27-D
bản Ngài Trò	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 32' 23"	103° 24' 09"					F-48-27-D
bản Pà Chải	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 31' 41"	103° 24' 42"					F-48-27-D
nậm Pạt	TV	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ			22° 32' 22"	103° 29' 26"	22° 31' 01"	103° 27' 04"	F-48-27-D
bản Po Chà	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 32' 37"	103° 26' 24"					F-48-27-D
bản San Dì	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 33' 17"	103° 23' 38"					F-48-27-D
suối Van Hồ	TV	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ			22° 35' 10"	103° 30' 02"	22° 32' 22"	103° 29' 26"	F-48-28-C,A F-48-27-D
bản Van Hồ 2	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 29' 33"	103° 27' 53"					F-48-39-B
bản Vẳng Thẳm	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 30' 59"	103° 25' 27"					F-48-27-D
nậm Xe	TV	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ			22° 30' 15"	103° 28' 43"	22° 30' 53"	103° 28' 07"	F-48-27-D
bản Chung Chải	DC	xã Pa Vây Sử	H. Phong Thổ	22° 43' 30"	103° 21' 27"					F-48-27-D
bản Hàng É	DC	xã Pa Vây Sử	H. Phong Thổ	22° 43' 46"	103° 21' 41"					F-48-27-D
bản Khu Chu Lìn	DC	xã Pa Vây Sử	H. Phong Thổ	22° 43' 18"	103° 20' 55"					F-48-27-D
bản Ngài Thầu	DC	xã Pa Vây Sử	H. Phong Thổ	22° 42' 57"	103° 22' 33"					F-48-27-D
suối Páo Hồ	TV	xã Pa Vây Sử	H. Phong Thổ			22° 45' 05"	103° 24' 59"	22° 44' 36"	103° 24' 13"	F-48-27-D
bản Pờ Xa	DC	xã Pa Vây Sử	H. Phong Thổ	22° 44' 15"	103° 23' 09"					F-48-27-D
bản Sin Chải	DC	xã Pa Vây Sử	H. Phong Thổ	22° 42' 45"	103° 22' 29"					F-48-27-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Thèn Thèo Hồ	TV	xã Pa Vây Sử	H. Phong Thổ			22° 44' 09"	103° 24' 07"	22° 42' 25"	103° 21' 02"	F-48-27-D
Đồn Biên phòng 289	KX	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ	22° 44' 37"	103° 18' 36"					F-48-27-D
suối Chàng Ngày Hồ	TV	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ			22° 46' 43"	103° 21' 58"	22° 45' 49"	103° 21' 11"	F-48-27-B
bản Gia Khâu	DC	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ	22° 46' 01"	103° 19' 24"					F-48-27-B
bản Lả Nhì Thàng	DC	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ	22° 46' 25"	103° 21' 07"					F-48-27-B
bản Lao Chải	DC	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ	22° 46' 06"	103° 19' 46"					F-48-27-B
suối Mu Khì Hồ	TV	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ			22° 45' 54"	103° 18' 28"	22° 45' 11"	103° 17' 56"	F-48-27-B
suối Na Mu Chu Hồ	TV	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ			22° 46' 43"	103° 18' 40"	22° 45' 54"	103° 18' 28"	F-48-27-B
suối Pèn Ngài Hồ	TV	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ			22° 47' 37"	103° 21' 28"	22° 46' 57"	103° 20' 34"	F-48-27-B
bản Phố Vây	DC	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ	22° 44' 38"	103° 19' 18"					F-48-27-D
suối Tả Páo Sừng	TV	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ			22° 46' 11"	103° 19' 04"	22° 45' 26"	103° 19' 52"	F-48-27-B
bản Thà Giàng	DC	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ	22° 45' 09"	103° 18' 38"					F-48-27-B
suối Xéo Phìn Hồ	TV	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ			22° 47' 36"	103° 19' 49"	22° 46' 53"	103° 20' 13"	F-48-27-B
bản Xín Chải	DC	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ	22° 45' 24"	103° 18' 51"					F-48-27-B
bản Căn Câu	DC	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 28' 49"	103° 29' 20"					F-48-39-B
núi Can Hồ	SV	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 30' 15"	103° 29' 50"					F-48-27-D
bản Chí Sáng	DC	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 30' 05"	103° 30' 43"					F-48-28-C,A
bản Chí Sáng Thầu	DC	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 30' 13"	103° 30' 53"					F-48-28-C,A
bản Dền Sung	DC	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 31' 15"	103° 30' 40"					F-48-28-C,A
suối Dền Sung	TV	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ			22° 31' 08"	103° 33' 46"	22° 31' 03"	103° 32' 01"	F-48-28-C,A
suối Hồng Ngài	TV	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ			22° 36' 21"	103° 30' 17"	22° 35' 44"	103° 31' 42"	F-48-28-C,A
núi Pan Khèo	SV	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 27' 56"	103° 31' 12"					F-48-40-A
bản Sân Bay	DC	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 29' 29"	103° 30' 45"					F-48-40-A
bản Sàng Mào Phô	DC	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 32' 16"	103° 33' 10"					F-48-28-C,A
suối Séo Lèng	TV	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ			22° 31' 50"	103° 33' 03"	22° 31' 03"	103° 32' 01"	F-48-28-C,A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Sì Cha Chải	DC	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 29' 08"	103° 29' 36"					F-48-39-B
bản Trung Hồ	DC	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 30' 53"	103° 31' 22"					F-48-28-C,A
suối Van Hồ	TV	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ			22° 28' 49"	103° 31' 14"	22° 28' 52"	103° 30' 00"	F-48-40-A
bản Căng Há	DC	xã Tung Qua Lìn	H. Phong Thổ	22° 41' 34"	103° 22' 02"					F-48-27-D
bản Căng Ký	DC	xã Tung Qua Lìn	H. Phong Thổ	22° 41' 35"	103° 22' 27"					F-48-27-D
núi Dốc Đá	SV	xã Tung Qua Lìn	H. Phong Thổ	22° 41' 29"	103° 24' 57"					F-48-27-D
bản Hà Nhì	DC	xã Tung Qua Lìn	H. Phong Thổ	22° 41' 11"	103° 22' 24"					F-48-27-D
bản Hờ Mèo	DC	xã Tung Qua Lìn	H. Phong Thổ	22° 41' 25"	103° 22' 10"					F-48-27-D
suối Húy Hao	TV	xã Tung Qua Lìn	H. Phong Thổ			22° 41' 07"	103° 24' 02"	22° 39' 57"	103° 23' 34"	F-48-27-D
bản Khấu Dào	DC	xã Tung Qua Lìn	H. Phong Thổ	22° 41' 22"	103° 22' 27"					F-48-27-D
núi Ma Căng	SV	xã Tung Qua Lìn	H. Phong Thổ	22° 40' 54"	103° 22' 42"					F-48-27-D
suối Panh Hồ	TV	xã Tung Qua Lìn	H. Phong Thổ			22° 41' 59"	103° 23' 29"	22° 42' 38"	103° 21' 22"	F-48-27-D
bản Khoa San	DC	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ	22° 41' 49"	103° 18' 16"					F-48-27-D
suối Lùng Thàn	TV	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ			22° 40' 40"	103° 17' 58"	22° 40' 52"	103° 16' 35"	F-48-27-D
bản Nhóm I	DC	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ	22° 42' 57"	103° 20' 16"					F-48-27-D
bản Nhóm II	DC	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ	22° 42' 48"	103° 19' 28"					F-48-27-D
bản Nhóm III	DC	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ	22° 42' 43"	103° 19' 46"					F-48-27-D
suối Séo Hồ Thầu	TV	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ			22° 42' 31"	103° 17' 09"	22° 40' 52"	103° 16' 35"	F-48-27-D
bản Sì Choang	DC	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ	22° 42' 13"	103° 19' 08"					F-48-27-D
bản Tả Chu Phùng	DC	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ	22° 41' 33"	103° 18' 09"					F-48-27-D
bản Tả Ô	DC	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ	22° 41' 47"	103° 17' 46"					F-48-27-D
suối Tả Páo Hồ	TV	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ			22° 44' 05"	103° 19' 34"	22° 42' 31"	103° 17' 09"	F-48-27-D
suối Thèn Thèo Hồ	TV	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ			22° 42' 25"	103° 21' 02"	22° 40' 40"	103° 17' 58"	F-48-27-D
khu 1	DC	TT. Sìn Hồ	H. Sìn Hồ	22° 20' 59"	103° 14' 57"					F-48-39-B
khu 2	DC	TT. Sìn Hồ	H. Sìn Hồ	22° 21' 23"	103° 14' 46"					F-48-39-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu 3	DC	TT. Sìn Hồ	H. Sìn Hồ	22° 21' 33"	103° 14' 58"					F-48-39-A
khối 4	DC	TT. Sìn Hồ	H. Sìn Hồ	22° 21' 32"	103° 14' 42"					F-48-39-A
khu 5	DC	TT. Sìn Hồ	H. Sìn Hồ	22° 21' 41"	103° 14' 50"					F-48-39-A
khu 6	DC	TT. Sìn Hồ	H. Sìn Hồ	22° 21' 43"	103° 14' 59"					F-48-39-A
bản Hoàng Hồ	DC	TT. Sìn Hồ	H. Sìn Hồ	22° 21' 33"	103° 15' 24"					F-48-39-B
suối Hoàng Hồ	TV	TT. Sìn Hồ	H. Sìn Hồ			22° 20' 08"	103° 14' 34"	22° 21' 59"	103° 15' 21"	F-48-39-A, F-48-39-B
suối Hồng Hồ	TV	TT. Sìn Hồ	H. Sìn Hồ			22° 20' 56"	103° 14' 19"	22° 21' 30"	103° 15' 13"	F-48-39-A, F-48-39-B
suối Sìn Hồ	TV	TT. Sìn Hồ	H. Sìn Hồ			22° 21' 24"	103° 14' 13"	22° 22' 15"	103° 14' 51"	F-48-39-A
bản Sìn Hồ Dao	DC	TT. Sìn Hồ	H. Sìn Hồ	22° 21' 30"	103° 14' 48"					F-48-39-A
bản Sìn Hồ Vây	DC	TT. Sìn Hồ	H. Sìn Hồ	22° 21' 57"	103° 14' 44"					F-48-39-A
bản Căn Co	DC	xã Căn Co	H. Sìn Hồ	22° 09' 16"	103° 27' 36"					F-48-39-D
suối Căn Co	TV	xã Căn Co	H. Sìn Hồ			22° 09' 44"	103° 28' 52"	22° 10' 26"	103° 26' 49"	F-48-39-D
suối Cuôi	TV	xã Căn Co	H. Sìn Hồ			22° 07' 34"	103° 27' 37"	22° 11' 59"	103° 25' 24"	F-48-39-D
sông Đà	TV	xã Căn Co	H. Sìn Hồ			22° 07' 34"	103° 24' 14"	22° 05' 30"	103° 24' 46"	F-48-39-D
bản Là Cuổi	DC	xã Căn Co	H. Sìn Hồ	22° 12' 26"	103° 26' 22"					F-48-39-D
bản Lao Hu San	DC	xã Căn Co	H. Sìn Hồ	22° 10' 06"	103° 25' 05"					F-48-39-D
bản Nậm Bành	DC	xã Căn Co	H. Sìn Hồ	22° 12' 27"	103° 25' 40"					F-48-39-D
bản Nậm Kinh	DC	xã Căn Co	H. Sìn Hồ	22° 06' 54"	103° 26' 14"					F-48-39-D
suối Nậm Kinh	TV	xã Căn Co	H. Sìn Hồ			22° 06' 52"	103° 26' 18"	22° 07' 04"	103° 27' 18"	F-48-39-D
bản Nậm Ngã	DC	xã Căn Co	H. Sìn Hồ	22° 08' 39"	103° 27' 13"					F-48-39-D
suối Nậm Ngã	TV	xã Căn Co	H. Sìn Hồ			22° 08' 29"	103° 28' 53"	22° 08' 37"	103° 27' 16"	F-48-39-D
bản Nậm Phìn 1	DC	xã Căn Co	H. Sìn Hồ	22° 08' 22"	103° 25' 00"					F-48-39-D
bản Nậm Phìn 2	DC	xã Căn Co	H. Sìn Hồ	22° 08' 47"	103° 24' 57"					F-48-39-D
suối Nậm Pung	TV	xã Căn Co	H. Sìn Hồ			22° 09' 04"	103° 26' 23"	22° 11' 05"	103° 25' 19"	F-48-39-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nậm Suôn	TV	xã Căn Co	H. Sìn Hồ			22° 06' 01"	103° 27' 27"	22° 07' 34"	103° 27' 37"	F-48-39-D
bản Ngài Thầu	DC	xã Căn Co	H. Sìn Hồ	22° 09' 20"	103° 26' 18"					F-48-39-D
quốc lộ 12	KX	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ			22° 14' 33"	103° 09' 42"	22° 06' 44"	103° 10' 31"	F-48-39-C
bản Cại	DC	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ							
nậm Cầy	TV	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ							
bản Chiềng Chăn	DC	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ	22° 10' 57"	103° 10' 26"					F-48-39-C
bản Chiềng Nưa	DC	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ	22° 10' 25"	103° 10' 03"					F-48-39-C
sông Đà	TV	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ			22° 04' 14"	103° 11' 20"	22° 03' 42"	103° 13' 34"	F-48-39-C
ghềnh Hát Pí	TV	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ	22° 11' 28"	103° 09' 17"					F-48-39-C
suối Huổi Én	TV	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ			22° 06' 32"	103° 11' 46"	22° 06' 45"	103° 10' 28"	F-48-39-C
bản Nậm Cầy	DC	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ	22° 13' 03"	103° 10' 04"					F-48-39-C
suối Nậm Khăm	TV	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ			22° 10' 24"	103° 08' 46"	22° 10' 48"	103° 09' 19"	F-48-39-C
cầu Nậm Mô	KX	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ	22° 10' 55"	103° 10' 31"					F-48-39-C
suối Nậm Mô	TV	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ			22° 11' 38"	103° 12' 03"	22° 10' 31"	103° 10' 28"	F-48-39-C
sông Nậm Na	TV	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ			22° 18' 23"	103° 09' 51"	22° 06' 47"	103° 10' 24"	F-48-39-A, F-48-39-C
bản Nậm Vời	DC	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ	22° 14' 34"	103° 06' 48"					F-48-39-C
bản Pề Ngài	DC	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ	22° 15' 22"	103° 08' 59"					F-48-39-A
bản Phi Én	DC	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ	22° 05' 59"	103° 11' 47"					F-48-39-C
núi Phu San Sao	SV	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ	22° 07' 49"	103° 13' 55"					F-48-39-C
bản Pu Kay	DC	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ	22° 13' 50"	103° 08' 16"					F-48-39-C
núi Pu Kay	SV	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ	22° 13' 06"	103° 08' 04"					F-48-39-C
núi Pu Pâu	SV	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ	22° 12' 11"	103° 09' 35"					F-48-39-C
núi Pu Tre	SV	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ	22° 11' 32"	103° 09' 42"					F-48-39-C
nậm Ta Na	TV	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Tân Hưng	DC	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ							
huổi Vai	TV	xã Chăn Nưa	H. Sìn Hồ							
quốc lộ 12	KX	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ			22° 25' 49"	103° 11' 31"	22° 22' 28"	103° 10' 37"	F-48-39-A
bản Hồng Thu	DC	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ	22° 25' 16"	103° 13' 20"					F-48-39-A
bản Hồng Thu Chồ 1	DC	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ	22° 26' 08"	103° 13' 00"					F-48-39-A
bản Hồng Thu Chồ 2	DC	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ	22° 25' 55"	103° 12' 40"					F-48-39-A
bản Làng Xảng	DC	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ	22° 23' 27"	103° 13' 46"					F-48-39-A
bản Lò Tồ Phìn	DC	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ	22° 24' 11	103° 15' 10"					F-48-39-B
suối Màu Leng	TV	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ			22° 22' 09"	103° 11' 29"	22° 22' 29"	103° 10' 26"	F-48-39-A
bản Nả Kế 1	DC	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ	22° 25' 40"	103° 15' 11"					F-48-39-B
bản Nả Kế 2	DC	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ	22° 25' 20"	103° 15' 10"					F-48-39-B
bản Nả Kế 3	DC	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ	22° 26' 08"	103° 14' 58"					F-48-39-A
suối Nậm Củng	TV	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ			22° 26' 16"	103° 15' 51"	22° 24' 48"	103° 16' 38"	F-48-39-B
bản Pa Chao Ô	DC	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ	22° 22' 46"	103° 13' 05"					F-48-39-A
bản Pề Cơ	DC	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ	22° 25' 15"	103° 16' 10"					F-48-39-B
bản Phìn Than	DC	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ	22° 26' 14"	103° 14' 05"					F-48-39-A
bản Phong Ngảo	DC	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ	22° 24' 05"	103° 13' 39"					F-48-39-A
bản Sa Chải	DC	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ	22° 24' 20"	103° 16' 40"					F-48-39-B
bản Sin Chải	DC	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ	22° 23' 05"	103° 13' 39"					F-48-39-A
bản Tả Thàng	DC	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ	22° 24' 39"	103° 13' 48"					F-48-39-A
bản Tung Xung A	DC	xã Hồng Thu	H. Sìn Hồ	22° 25' 05"	103° 14' 59"					F-48-39-B
nậm Cẩu	TV	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ			22° 13' 39"	103° 19' 02"	22° 12' 20"	103° 20' 09"	F-48-39-D
bản Cha Pa Phồng	DC	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ	22° 14' 46"	103° 14' 42"					F-48-39-C
bản Chinh Chu Phìn	DC	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ	22° 11' 07"	103° 17' 33"					F-48-39-D
pu Chù Phìn	SV	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ	22° 11' 13"	103° 17' 13"					F-48-39-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Dìn Thàng	DC	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ	22° 14' 19"	103° 18' 43"					F-48-39-D
núi Hồi Văn La	SV	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ	22° 13' 33"	103° 12' 10"					F-48-39-C
nậm Hỳ	TV	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ			22° 10' 47"	103° 14' 29"	22° 10' 26"	103° 12' 42"	F-48-39-C
nậm In	TV	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ			22° 12' 38"	103° 14' 45"	22° 11' 38"	103° 12' 03"	F-48-39-C
bản Làng Mô	DC	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ	22° 13' 42"	103° 14' 14"					F-48-39-C
đèo Làng Mô	SV	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ	22° 15' 18"	103° 14' 15"					F-48-39-A
bản Lù Suối Tổng	DC	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ	22° 12' 01"	103° 16' 03"					F-48-39-D
bản Nậm Chản	DC	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ	22° 14' 26"	103° 18' 11"					F-48-39-D
suối Nậm Cởi	TV	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ			22° 14' 50"	103° 14' 02"	22° 13' 36"	103° 10' 30"	F-48-39-C
suối Nậm Dôn	TV	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ			22° 11' 25"	103° 18' 55"	22° 10' 52"	103° 20' 06"	F-48-39-D
suối Nậm Ta Na	TV	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ			22° 13' 43"	103° 13' 43"	22° 12' 45"	103° 11' 26"	F-48-39-C
nậm Nguyên	TV	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ			22° 15' 23"	103° 17' 59"	22° 14' 43"	103° 20' 01"	F-48-39-B, F-48-39-D
bản Nhiều Sáng 1	DC	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ	22° 13' 19"	103° 15' 12"					F-48-39-D
bản Nhiều Sáng 2	DC	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ	22° 12' 48"	103° 15' 13"					F-48-39-D
bản Pề Sì Ngài	DC	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ	22° 13' 47"	103° 15' 57"					F-48-39-D
nậm Sam	TV	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ			22° 12' 39"	103° 16' 22"	22° 13' 02"	103° 17' 04"	F-48-39-D
bản Sang Sông Hồ	DC	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ	22° 12' 22"	103° 15' 26"					F-48-39-D
bản Tả San 1	DC	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ	22° 13' 28"	103° 16' 43"					F-48-39-D
bản Tả San 2	DC	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ	22° 13' 58"	103° 18' 20"					F-48-39-D
bản Tò Cù Nhè	DC	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ	22° 14' 15"	103° 13' 55"					F-48-39-C
bản Tù Cù Phìn	DC	xã Làng Mô	H. Sìn Hồ	22° 11' 06"	103° 15' 30"					F-48-39-D
bản Can Hồ	DC	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ	22° 21' 17"	103° 19' 45"					F-48-39-B
suối Chi Van	TV	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ			22° 20' 23"	103° 17' 33"	22° 21' 31"	103° 19' 05"	F-48-39-B
bản Co Coóc	DC	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ	22° 19' 49"	103° 21' 13"					F-48-39-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nậm Cù	TV	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ			22° 23' 10"	103° 22' 07"	22° 21' 05"	103° 21' 08"	F-48-39-B
núi Gió Ma Hồ	SV	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ	22° 18' 16"	103° 19' 59"					F-48-39-B
bản Háng Lìa	DC	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ	22° 17' 44"	103° 18' 44"					F-48-39-B
nậm Lúc	TV	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ			22° 21' 58"	103° 18' 21"	22° 19' 08"	103° 21' 39"	F-48-39-B
bản Lùng Cù	DC	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ	22° 21' 23"	103° 21' 13"					F-48-39-B
bản Lùng Thàng	DC	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ	22° 21' 29"	103° 19' 03"					F-48-39-B
bản Nậm Bó	DC	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ	22° 19' 20"	103° 19' 38"					F-48-39-B
suối Nậm Bó	TV	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ			22° 19' 01"	103° 18' 27"	22° 20' 28"	103° 20' 29"	F-48-39-B
suối Nậm Ho	TV	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ			22° 22' 01"	103° 22' 35"	22° 21' 24"	103° 21' 20"	F-48-39-B
suối Nậm Mạ	TV	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ			22° 25' 42"	103° 18' 26"	22° 19' 08"	103° 21' 39"	F-48-39-B
bản Pá Pao	DC	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ	22° 20' 30"	103° 19' 14"					F-48-39-B
núi Pá Pao	SV	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ	22° 20' 03"	103° 18' 40"					F-48-39-B
núi Sai	SV	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ	22° 19' 44"	103° 19' 02"					F-48-39-B
núi Seo Thèn	SV	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ	22° 19' 47"	103° 19' 53"					F-48-39-B
bản Thà Giàng Chải	DC	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ	22° 18' 55"	103° 17' 44"					F-48-39-B
bản Vàng Bon	DC	xã Lùng Thàng	H. Sìn Hồ	22° 20' 21"	103° 20' 47"					F-48-39-B
bản Can Tỷ 1	DC	xã Ma Quai	H. Sìn Hồ	22° 26' 01"	103° 19' 40"					F-48-39-B
bản Can Tỷ 2	DC	xã Ma Quai	H. Sìn Hồ	22° 26' 38"	103° 20' 58"					F-48-39-B
núi Còng Lầu Sàn	SV	xã Ma Quai	H. Sìn Hồ	22° 25' 19"	103° 17' 38"					F-48-39-B
bản Đin Đanh	DC	xã Ma Quai	H. Sìn Hồ	22° 23' 22"	103° 19' 43"					F-48-39-B
suối Hoàng Hồ	TV	xã Ma Quai	H. Sìn Hồ			22° 24' 22"	103° 20' 30"	22° 23' 44"	103° 19' 02"	F-48-39-B
suối Khù Khò	TV	xã Ma Quai	H. Sìn Hồ			22° 24' 42"	103° 19' 55"	22° 23' 54"	103° 18' 57"	F-48-39-B
bản Ma Quai Thàng	DC	xã Ma Quai	H. Sìn Hồ	22° 23' 52"	103° 17' 38"					F-48-39-B
suối Nậm Củng	TV	xã Ma Quai	H. Sìn Hồ			22° 25' 44"	103° 19' 10"	22° 25' 08"	103° 18' 26"	F-48-39-B
nậm Nậm Khằm	TV	xã Ma Quai	H. Sìn Hồ			22° 18' 51"	103° 17' 50"	22° 19' 01"	103° 18' 27"	F-48-39-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nậm Mạ Thái	DC	xã Ma Quai	H. Sìn Hồ	22° 24' 29"	103° 18' 57"					F-48-39-B
bản Phìn Hồ	DC	xã Ma Quai	H. Sìn Hồ	22° 23' 57"	103° 18' 48"					F-48-39-B
bản Song Cón	DC	xã Ma Quai	H. Sìn Hồ	22° 22' 34"	103° 20' 24"					F-48-39-B
núi Tả Cao	SV	xã Ma Quai	H. Sìn Hồ	22° 23' 53"	103° 22' 18"					F-48-39-B
bản Thang Ky Hồ	DC	xã Ma Quai	H. Sìn Hồ	22° 24' 43"	103° 16' 59"					F-48-39-B
suối Thang Ky Hồ	TV	xã Ma Quai	H. Sìn Hồ			22° 24' 59"	103° 17' 10"	22° 22' 27"	103° 18' 22"	F-48-39-B
suối Bá Trăng	TV	xã Nậm Cha	H. Sìn Hồ			22° 12' 44"	103° 22' 26"	22° 10' 59"	103° 22' 07"	F-48-39-D
núi Đá Đỏ	SV	xã Nậm Cha	H. Sìn Hồ	22° 11' 49"	103° 21' 04"					F-48-39-D
bản Lùng Khoai	DC	xã Nậm Cha	H. Sìn Hồ	22° 11' 17"	103° 22' 17"					F-48-39-D
nậm Mạ	TV	xã Nậm Cha	H. Sìn Hồ			22° 14' 09"	103° 22' 10"	22° 14' 53"	103° 23' 28"	F-48-39-D
bản Nậm Cha	DC	xã Nậm Cha	H. Sìn Hồ	22° 12' 09"	103° 24' 56"					F-48-39-D
suối Nậm Cha	TV	xã Nậm Cha	H. Sìn Hồ			22° 13' 05"	103° 22' 48"	22° 11' 57"	103° 25' 19"	F-48-39-D
suối Nậm Chu	TV	xã Nậm Cha	H. Sìn Hồ			22° 15' 39"	103° 22' 14"	22° 14' 53"	103° 23' 28"	F-48-39-B, F-48-39-D
suối Nậm Khăm	TV	xã Nậm Cha	H. Sìn Hồ			22° 14' 43"	103° 20' 05"	22° 11' 30"	103° 20' 40"	F-48-39-D
suối Nậm Mạ	TV	xã Nậm Cha	H. Sìn Hồ			22° 15' 23"	103° 24' 37"	22° 10' 39"	103° 23' 19"	F-48-39-B, F-48-39-D
bản Nậm Ngập Dạo	DC	xã Nậm Cha	H. Sìn Hồ	22° 14' 09"	103° 23' 42"					F-48-39-D
bản Nậm Pẻ	DC	xã Nậm Cha	H. Sìn Hồ	22° 13' 09"	103° 20' 37"					F-48-39-D
pu Nam Tông	SV	xã Nậm Cha	H. Sìn Hồ	22° 14' 01"	103° 21' 40"					F-48-39-D
bản Nậm Trăng	DC	xã Nậm Cha	H. Sìn Hồ	22° 12' 55"	103° 22' 30"					F-48-39-D
bản Ngài Trồ	DC	xã Nậm Cha	H. Sìn Hồ	22° 11' 20"	103° 21' 44"					F-48-39-D
bản Riềng Thàng	DC	xã Nậm Cha	H. Sìn Hồ	22° 11' 00"	103° 24' 06"					F-48-39-D
bản Seo Phìn	DC	xã Nậm Cha	H. Sìn Hồ	22° 14' 52"	103° 21' 36"					F-48-39-D
huổi Chạng	TV	xã Nậm Cuổi	H. Sìn Hồ			22° 10' 30"	103° 31' 04"	22° 10' 24"	103° 30' 12"	F-48-40-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hua Cọ	TV	xã Nậm Cuổi	H. Sìn Hồ			22° 07' 53"	103° 31' 46"	22° 06' 35"	103° 29' 22"	F-48-40-C, F-48-39-D
nậm Cuổi	TV	xã Nậm Cuổi	H. Sìn Hồ			22° 09' 39"	103° 33' 27"	22° 07' 53"	103° 31' 46"	F-48-40-C
suối Cuổi	TV	xã Nậm Cuổi	H. Sìn Hồ			22° 04' 13"	103° 31' 29"	22° 07' 34"	103° 27' 37"	F-48-40-C, F-48-39-D
bản Cuổi Nưa	DC	xã Nậm Cuổi	H. Sìn Hồ	22° 06' 44"	103° 29' 22"					F-48-39-D
bản Cuổi Tở 1	DC	xã Nậm Cuổi	H. Sìn Hồ	22° 06' 59"	103° 29' 00"					F-48-39-D
bản Cuổi Tở 2	DC	xã Nậm Cuổi	H. Sìn Hồ	22° 07' 07"	103° 29' 31"					F-48-39-D
nậm Đo	TV	xã Nậm Cuổi	H. Sìn Hồ			22° 04' 59"	103° 31' 46"	22° 06' 10"	103° 29' 57"	F-48-40-C, F-48-39-D
bản Hua Cuổi	DC	xã Nậm Cuổi	H. Sìn Hồ	22° 07' 43"	103° 31' 01"					F-48-40-C
nậm Ná	TV	xã Nậm Cuổi	H. Sìn Hồ			22° 08' 21"	103° 30' 59"	22° 08' 29"	103° 28' 53"	F-48-40-C, F-48-39-D
bản Ná Lạnh	DC	xã Nậm Cuổi	H. Sìn Hồ	22° 06' 40"	103° 29' 40"					F-48-39-D
núi Nậm Cai	SV	xã Nậm Cuổi	H. Sìn Hồ	22° 06' 02"	103° 28' 46"					F-48-39-D
bản Nậm Cọ	DC	xã Nậm Cuổi	H. Sìn Hồ	22° 08' 56"	103° 32' 13"					F-48-40-C
bản Nậm Coóng 1	DC	xã Nậm Cuổi	H. Sìn Hồ	22° 09' 32"	103° 30' 49"					F-48-40-C
bản Nậm Coóng 2	DC	xã Nậm Cuổi	H. Sìn Hồ	22° 09' 29"	103° 31' 03"					F-48-40-C
bản Phiêng Phai	DC	xã Nậm Cuổi	H. Sìn Hồ	22° 06' 37"	103° 29' 15"					F-48-39-D
bản Can Ma	DC	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ	22° 03' 41"	103° 30' 10"					F-48-40-C
nậm Chắt	TV	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ			22° 01' 47"	103° 31' 08"	22° 01' 34"	103° 28' 02"	F-48-40-C. F-48-39-D
bản Co Sản	DC	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ	22° 03' 24"	103° 28' 40"					F-48-39-D
sông Đà	TV	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ			22° 05' 30"	103° 24' 46"	21° 58' 14"	103° 29' 42"	F-48-39-D, F-48-51-B
bản Đo Luông	DC	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ	22° 04' 48"	103° 29' 12"					F-48-39-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Đo Nọi	DC	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ	22° 04' 57"	103° 28' 42"					F-48-39-D
bản Hua Pha	DC	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ	22° 04' 01"	103° 27' 52"					F-48-39-D
bản Huổi Lá	DC	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ	21° 58' 52"	103° 28' 42"					F-48-51-B
suối Huổi Pha	TV	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ			21° 59' 20"	103° 29' 41"	21° 58' 17"	103° 29' 43"	F-48-51-B
bản Huổi Pha I	DC	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ	21° 58' 38"	103° 29' 42"					F-48-51-B
bản Nậm Chắt Dạo	DC	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ	22° 01' 03"	103° 28' 11"					F-48-39-D
bản Nậm Chắt Thái	DC	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ	22° 01' 07"	103° 28' 54"					F-48-39-D
suối Nậm Đo	TV	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ			22° 04' 49"	103° 29' 16"	22° 05' 40"	103° 27' 19"	F-48-39-D
suối Nậm Hăn	TV	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ			22° 02' 25"	103° 31' 54"	22° 02' 02"	103° 27' 55"	F-48-40-C, F-48-39-D
bản Nậm Kha	DC	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ	22° 05' 00"	103° 26' 15"					F-48-39-D
bản Nậm Lốt	DC	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ	22° 05' 24"	103° 25' 47"					F-48-39-D
bản Pá Hăn I	DC	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ	22° 02' 14"	103° 28' 11"					F-48-39-D
bản Pá Pha	DC	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ	22° 03' 01"	103° 27' 30"					F-48-39-D
suối Pá Pha	TV	xã Nậm Hăn	H. Sìn Hồ			22° 04' 29"	103° 27' 48"	22° 03' 00"	103° 27' 24"	F-48-39-D
bản Co Đớ	DC	xã Nậm Mạ	H. Sìn Hồ	22° 09' 36"	103° 23' 20"					F-48-39-D
bản Co Lẹ	DC	xã Nậm Mạ	H. Sìn Hồ	22° 08' 46"	103° 23' 55"					F-48-39-D
sông Đà	TV	xã Nậm Mạ	H. Sìn Hồ			22° 09' 15"	103° 19' 50"	22° 07' 34"	103° 24' 14"	F-48-39-D
bản Huổi Ca	DC	xã Nậm Mạ	H. Sìn Hồ	22° 09' 27"	103° 23' 55"					F-48-39-D
suối Nậm Khăn	TV	xã Nậm Mạ	H. Sìn Hồ			22° 11' 30"	103° 20' 40"	22° 09' 19"	103° 19' 52"	F-48-39-D
bản Nậm Mạ	DC	xã Nậm Mạ	H. Sìn Hồ	22° 09' 50"	103° 23' 17"					F-48-39-D
suối Nậm Sâm	TV	xã Nậm Mạ	H. Sìn Hồ			22° 08' 58"	103° 24' 42"	22° 09' 24"	103° 23' 24"	F-48-39-D
bản Bản Pậu	DC	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ	22° 16' 49"	103° 23' 18"					F-48-39-B
nậm Kinh	TV	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ			22° 19' 54	103° 24' 51"	22° 17' 21"	103° 23' 23"	F-48-39-B
bản Nà Tăm 1	DC	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ	22° 17' 50"	103° 24' 15"					F-48-39-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Tăm 2	DC	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ	22° 16' 26"	103° 24' 54"					F-48-39-B
bản Nà Tăm 3	DC	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ	22° 19' 18"	103° 27' 49"					F-48-39-B
bản Nậm Kinh	DC	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ	22° 18' 02"	103° 23' 59"					F-48-39-B
núi Nậm Kinh	SV	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ	22° 19' 14"	103° 25' 54"					F-48-39-B
bản Nậm Lò	DC	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ	22° 18' 37"	103° 21' 22"					F-48-39-B
suối Nậm Mạ	TV	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ			22° 19' 08"	103° 21' 39"	22° 15' 11"	103° 24' 34"	F-48-39-B
bản Nậm Nghập	DC	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ	22° 15' 51"	103° 23' 03"					F-48-39-B
suối Nậm Ớt	TV	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ			22° 20' 10"	103° 23' 27"	22° 18' 19"	103° 21' 55"	F-48-39-B
suối Nậm Tăm	TV	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ			22° 17' 39"	103° 26' 20"	22° 15' 50"	103° 24' 18"	F-48-39-B
nậm Ngập	TV	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ			22° 14' 53"	103° 23' 28"	22° 15' 07"	103° 24' 35"	F-48-39-D
bản Pá Khôm 1	DC	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ	22° 18' 01"	103° 23' 08"					F-48-39-B
bản Pá Khôm 2	DC	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ	22° 18' 07"	103° 23' 20"					F-48-39-B
nậm Pậu	TV	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ			22° 16' 50"	103° 22' 48"	22° 17' 04"	103° 23' 35"	F-48-39-B
núi Pha Bồ	SV	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ	22° 16' 15"	103° 22' 19"					F-48-39-B
núi Pha Nam Đàn	SV	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ	22° 15' 47"	103° 21' 11"					F-48-39-B
bản Phiêng Chá	DC	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ	22° 17' 53"	103° 24' 01"					F-48-39-B
bản Phiêng Lót	DC	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ	22° 17' 43"	103° 23' 51"					F-48-39-B
bản Tả Tủ 1	DC	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ	22° 18' 59"	103° 22' 01"					F-48-39-B
bản Tả Tủ 2	DC	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ	22° 18' 54"	103° 21' 40"					F-48-39-B
nậm Tham	TV	xã Nậm Tăm	H. Sìn Hồ			22° 18' 32"	103° 28' 43"	22° 17' 39"	103° 26' 20"	F-48-39-B
bản Nà Đốm	DC	xã Noong Hẻo	H. Sìn Hồ	22° 12' 08"	103° 27' 59"					F-48-39-D
bản Ná Sái	DC	xã Noong Hẻo	H. Sìn Hồ	22° 11' 08"	103° 28' 39"					F-48-39-D
suối Ná Sái	TV	xã Noong Hẻo	H. Sìn Hồ			22° 12' 02"	103° 28' 03"	22° 13' 07"	103° 27' 04"	F-48-39-D
suối Nậm Cộng	TV	xã Noong Hẻo	H. Sìn Hồ			22° 10' 05"	103° 29' 52"	22° 12' 02"	103° 28' 03"	F-48-39-D
suối Nậm Đấu	TV	xã Noong Hẻo	H. Sìn Hồ			22° 12' 32"	103° 29' 59"	22° 12' 02"	103° 28' 03"	F-48-39-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nậm Há	DC	xã Noong Hẻo	H. Sìn Hồ	22° 11' 22"	103° 28' 54"					F-48-39-D
suối Nậm Há	TV	xã Noong Hẻo	H. Sìn Hồ			22° 11' 56"	103° 31' 04"	22° 11' 19"	103° 28' 16"	F-48-40-C, F-48-39-D
bản Noong Hẻo	DC	xã Noong Hẻo	H. Sìn Hồ	22° 12' 32"	103° 28' 26"					F-48-39-D
bản Noong Om	DC	xã Noong Hẻo	H. Sìn Hồ	22° 13' 02"	103° 27' 43"					F-48-39-D
bản Pắn Ngọi	DC	xã Noong Hẻo	H. Sìn Hồ	22° 11' 58"	103° 28' 10"					F-48-39-D
bản Phiêng Chạng	DC	xã Noong Hẻo	H. Sìn Hồ	22° 10' 52"	103° 29' 23"					F-48-39-D
suối Phiêng Chạng	TV	xã Noong Hẻo	H. Sìn Hồ			22° 10' 24"	103° 30' 12"	22° 10' 21"	103° 29' 24"	F-48-40-C, F-48-39-D
bản Phiêng Én	DC	xã Noong Hẻo	H. Sìn Hồ	22° 12' 48"	103° 25' 22"					F-48-39-D
suối Sai Đương	TV	xã Noong Hẻo	H. Sìn Hồ			22° 13' 05"	103° 28' 57"	22° 13' 01"	103° 27' 13"	F-48-39-D
bản Ta Đanh	DC	xã Noong Hẻo	H. Sìn Hồ	22° 12' 40"	103° 27' 49"					F-48-39-D
bản Ta Pả	DC	xã Noong Hẻo	H. Sìn Hồ	22° 12' 40"	103° 28' 58"					F-48-39-D
bản Ta Pưn	DC	xã Noong Hẻo	H. Sìn Hồ	22° 11' 30"	103° 28' 12"					F-48-39-D
bản Văng Pí	DC	xã Noong Hẻo	H. Sìn Hồ	22° 12' 51"	103° 27' 50"					F-48-39-D
bản Hồng Quảng 1	DC	xã Pa Khóa	H. Sìn Hồ	22° 13' 25"	103° 25' 16"					F-48-39-D
bản Hồng Quảng 2	DC	xã Pa Khóa	H. Sìn Hồ	22° 14' 56"	103° 24' 53"					F-48-39-D
bản Hua Ná	DC	xã Pa Khóa	H. Sìn Hồ	22° 15' 53"	103° 24' 53"					F-48-39-B
nậm Múng	TV	xã Pa Khóa	H. Sìn Hồ			22° 15' 59"	103° 27' 46"	22° 15' 23"	103° 24' 37"	F-48-39-B
bản Phiêng Phai	DC	xã Pa Khóa	H. Sìn Hồ	22° 13' 02"	103° 25' 53"					F-48-39-D
Đồn Biên phòng 303	KX	xã Pa Tần	H. Sìn Hồ	22° 27' 59"	103° 11' 45"					F-48-39-A
bản An Tần	DC	xã Pa Tần	H. Sìn Hồ	22° 26' 41"	103° 11' 32"					F-48-39-A
nậm Le	TV	xã Pa Tần	H. Sìn Hồ			22° 30' 54"	103° 09' 21"	22° 29' 45"	103° 10' 15"	F-48-27-C, F-48-39-A
nậm Mạ	TV	xã Pa Tần	H. Sìn Hồ			22° 29' 46"	103° 11' 32"	22° 29' 08"	103° 11' 40"	F-48-39-A
bản Nậm Sảo	DC	xã Pa Tần	H. Sìn Hồ	22° 26' 33"	103° 10' 27"					F-48-39-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nậm Tần Mông 1	DC	xã Pa Tần	H. Sìn Hồ	22° 30' 45"	103° 06' 31"					F-48-27-C
bản Nậm Tần Mông 2	DC	xã Pa Tần	H. Sìn Hồ	22° 30' 08"	103° 06' 42"					F-48-27-C
suối Nậm Tiến	TV	xã Pa Tần	H. Sìn Hồ			22° 27' 40"	103° 09' 10"	22° 29' 00"	103° 11' 39"	F-48-39-A
bản Nậm Tiến 1	DC	xã Pa Tần	H. Sìn Hồ	22° 27' 25"	103° 08' 24"					F-48-39-A
bản Nậm Tiến 2	DC	xã Pa Tần	H. Sìn Hồ	22° 29' 08"	103° 08' 27"					F-48-39-A
bản Pa Tần 1	DC	xã Pa Tần	H. Sìn Hồ	22° 28' 06"	103° 11' 47"					F-48-39-A
bản Pa Tần 2	DC	xã Pa Tần	H. Sìn Hồ	22° 27' 55"	103° 11' 40"					F-48-39-A
bản Pa Tần 3	DC	xã Pa Tần	H. Sìn Hồ	22° 27' 47"	103° 11' 38"					F-48-39-A
bản Pho 1	DC	xã Pa Tần	H. Sìn Hồ	22° 28' 57"	103° 10' 50"					F-48-39-A
bản Pho 2	DC	xã Pa Tần	H. Sìn Hồ	22° 28' 32"	103° 10' 19"					F-48-39-A
nậm Tần	TV	xã Pa Tần	H. Sìn Hồ			22° 27' 23"	103° 06' 27"	22° 28' 13"	103° 11' 37"	F-48-39-A
bản Nậm Lúc 1	DC	xã Phăng Xô Lin	H. Sìn Hồ	22° 21' 21"	103° 17' 18"					F-48-39-B
bản Nậm Lúc 2	DC	xã Phăng Xô Lin	H. Sìn Hồ	22° 21' 50"	103° 17' 17"					F-48-39-B
bản Phăng Sô Lin 1	DC	xã Phăng Xô Lin	H. Sìn Hồ	22° 22' 31"	103° 14' 01"					F-48-39-A
bản Phăng Sô Lin 2	DC	xã Phăng Xô Lin	H. Sìn Hồ	22° 22' 23"	103° 14' 06"					F-48-39-A
bản Sang Tăng Ngai 1	DC	xã Phăng Xô Lin	H. Sìn Hồ	22° 23' 47"	103° 14' 41"					F-48-39-A
bản Sang Tăng Ngai 2	DC	xã Phăng Xô Lin	H. Sìn Hồ	22° 23' 35"	103° 14' 36"					F-48-39-A
bản Tà Sử Trồ	DC	xã Phăng Xô Lin	H. Sìn Hồ	22° 22' 03"	103° 13' 58"					F-48-39-A
núi Tầm Trong	SV	xã Phăng Xô Lin	H. Sìn Hồ	22° 23' 25"	103° 14' 50"					F-48-39-A
quốc lộ 12	KX	xã Phìn Hồ	H. Sìn Hồ			22° 30' 10"	103° 15' 31"	22° 28' 24"	103° 12' 24"	F-48-27-D, F-48-27-C, F-48-39-A
bản Nậm Mạ Dạo	DC	xã Phìn Hồ	H. Sìn Hồ	22° 26' 44"	103° 18' 40"					F-48-39-B
bản Ngài Chồ	DC	xã Phìn Hồ	H. Sìn Hồ	22° 29' 15"	103° 16' 32"					F-48-39-B
bản Pao Phang I	DC	xã Phìn Hồ	H. Sìn Hồ	22° 28' 26"	103° 14' 43"					F-48-39-A
bản Pao Phang II	DC	xã Phìn Hồ	H. Sìn Hồ	22° 29' 04"	103° 13' 53"					F-48-39-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Phìn Hồ	DC	xã Phìn Hồ	H. Sìn Hồ	22° 27' 34"	103° 14' 34"					F-48-39-A
bản Seo Làng I	DC	xã Phìn Hồ	H. Sìn Hồ	22° 27' 11"	103° 15' 47"					F-48-39-B
bản Seo Làng II	DC	xã Phìn Hồ	H. Sìn Hồ	22° 27' 25"	103° 15' 39"					F-48-39-B
núi Tà Cua Di	SV	xã Phìn Hồ	H. Sìn Hồ	22° 28' 18"	103° 19' 06"					F-48-39-B
bản Tà Ghênh	DC	xã Phìn Hồ	H. Sìn Hồ	22° 27' 08"	103° 17' 47"					F-48-39-B
bản Nà Phân	DC	xã Pu Sam Cáp	H. Sìn Hồ	22° 14' 29'	103° 28' 58"					F-48-39-D
suối Nà Phân	TV	xã Pu Sam Cáp	H. Sìn Hồ			22° 15' 02"	103° 29' 32"	22° 13' 36"	103° 27' 59"	F-48-39-B, F-48-39-D
suối Nậm Béo	TV	xã Pu Sam Cáp	H. Sìn Hồ			22° 14' 02"	103° 32' 25"	22° 12' 48"	103° 29' 11"	F-48-40-C, F-48-39-D
suối Nậm Pun	TV	xã Pu Sam Cáp	H. Sìn Hồ			22° 13' 36"	103° 27' 59"	22° 13' 39"	103° 27' 25"	F-48-39-D
nậm Cầy	TV	xã Tả Ngảo	H. Sìn Hồ			22° 18' 07"	103° 15' 24"	22° 13' 36"	103° 10' 30"	F-48-39-A, F-48-39-B, F-48-39-C
bản Hải Hồ	DC	xã Tả Ngảo	H. Sìn Hồ	22° 17' 20"	103° 14' 41"					F-48-39-A
núi Hồng Ngài	SV	xã Tả Ngảo	H. Sìn Hồ	22° 16' 09"	103° 20' 15"					F-48-39-B
bản Ka Sin Chải	DC	xã Tả Ngảo	H. Sìn Hồ	22° 16' 34"	103° 17' 08"					F-48-39-B
nậm Khăm	TV	xã Tả Ngảo	H. Sìn Hồ			22° 17' 15"	103° 17' 52"	22° 14' 43"	103° 20' 05"	F-48-39-B, F-48-39-D
bản Lào Lử Đề	DC	xã Tả Ngảo	H. Sìn Hồ	22° 15' 34"	103° 18' 01"					F-48-39-B
bản Lồng Sử Phìn	DC	xã Tả Ngảo	H. Sìn Hồ	22° 17' 41"	103° 15' 19"					F-48-39-B
bản Nậm Khăm I	DC	xã Tả Ngảo	H. Sìn Hồ	22° 16' 54"	103° 18' 36"					F-48-39-B
bản Sáng Tùng	DC	xã Tả Ngảo	H. Sìn Hồ	22° 17' 24"	103° 17' 47"					F-48-39-B
bản Seo Sáng	DC	xã Tả Ngảo	H. Sìn Hồ	22° 16' 08"	103° 15' 29"					F-48-39-B
bản Thàng Giàng Chải	DC	xã Tả Ngảo	H. Sìn Hồ	22° 16' 08"	103° 14' 26"					F-48-39-A
bản Bành Phán	DC	xã Tả Phìn	H. Sìn Hồ	22° 21' 43"	103° 13' 02"					F-48-39-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty liên doanh Đá đen Lai Châu	KX	xã Tả Phìn	H. Sìn Hồ	22° 19' 09"	103° 09' 56"					F-48-39-A
cầu Hát Sum 1	KX	xã Tả Phìn	H. Sìn Hồ	22° 20' 28"	103° 10' 05"					F-48-39-A
bản Liều Chải	DC	xã Tả Phìn	H. Sìn Hồ	22° 21' 17"	103° 11' 52"					F-48-39-A
bản Sìn Thàng	DC	xã Tả Phìn	H. Sìn Hồ	22° 21' 36"	103° 13' 15"					F-48-39-A
suối Sù Tổng	TV	xã Tả Phìn	H. Sìn Hồ			22° 20' 58"	103° 12' 28"	22° 19' 53"	103° 09' 59"	F-48-39-A
bản Suối Sù Tổng	DC	xã Tả Phìn	H. Sìn Hồ	22° 20' 43"	103° 11' 25"					F-48-39-A
bản Tả Phìn	DC	xã Tả Phìn	H. Sìn Hồ	22° 21' 30"	103° 13' 04"					F-48-39-A
bản Tầm Choong	DC	xã Tả Phìn	H. Sìn Hồ	22° 21' 18"	103° 13' 04"					F-48-39-A
bản Trị Xoang	DC	xã Tả Phìn	H. Sìn Hồ	22° 21' 24"	103° 13' 17"					F-48-39-A
suối Chủ Hồ	TV	xã Tủa Sín Chải	H. Sìn Hồ			22° 06' 49"	103° 15' 35"	22° 06' 27"	103° 16' 56"	F-48-39-D
sông Đà	TV	xã Tủa Sín Chải	H. Sìn Hồ			22° 02' 32"	103° 17' 11"	22° 09' 15"	103° 19' 50"	F-48-39-D
bản Há chá	DC	xã Tủa Sín Chải	H. Sìn Hồ	22° 09' 20"	103° 15' 50"					F-48-39-D
bản Há Vu Chứ	DC	xã Tủa Sín Chải	H. Sìn Hồ	22° 09' 17"	103° 17' 24"					F-48-39-D
bản Hồng Thứ	DC	xã Tủa Sín Chải	H. Sìn Hồ	22° 10' 07"	103° 18' 52"					F-48-39-D
pu La Hồ	SV	xã Tủa Sín Chải	H. Sìn Hồ	22° 10' 43"	103° 19' 14"					F-48-39-D
suối Lừ Pá	TV	xã Tủa Sín Chải	H. Sìn Hồ			22° 10' 59"	103° 18' 53"	22° 10' 13"	103° 19' 39"	F-48-39-D
suối Nậm Pố	TV	xã Tủa Sín Chải	H. Sìn Hồ			22° 05' 20"	103° 15' 24"	22° 04' 30"	103° 16' 14"	F-48-39-D
bản Phi Yến	DC	xã Tủa Sín Chải	H. Sìn Hồ	22° 06' 31"	103° 15' 06"					F-48-39-D
bản Pu Chư Phìn	DC	xã Tủa Sín Chải	H. Sìn Hồ	22° 09' 52"	103° 17' 25"					F-48-39-D
bản San Sưa Hồ	DC	xã Tủa Sín Chải	H. Sìn Hồ	22° 09' 36"	103° 15' 43"					F-48-39-D
bản Thà Giàng Phô	DC	xã Tủa Sín Chải	H. Sìn Hồ	22° 08' 09"	103° 17' 44"					F-48-39-D
bản Tìa Chí Lư	DC	xã Tủa Sín Chải	H. Sìn Hồ	22° 09' 46"	103° 18' 51"					F-48-39-D
bản Tủa Sín Chải	DC	xã Tủa Sín Chải	H. Sìn Hồ	22° 08' 38"	103° 15' 58"					F-48-39-D
quốc lộ 12	KX	xã Xà Dề Phìn	H. Sìn Hồ			22° 18' 51"	103° 10' 03"	22° 14' 33"	103° 09' 42"	F-48-39-A, F-48-39-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Can Hồ	DC	xã Xà Dề Phìn	H. Sìn Hồ	22° 17' 50"	103° 13' 30"					F-48-39-A
bản Chang	DC	xã Xà Dề Phìn	H. Sìn Hồ	22° 16' 04"	103° 10' 18"					F-48-39-A
suối Há Si Lá	TV	xã Xà Dề Phìn	H. Sìn Hồ			22° 18' 39"	103° 12' 54"	22° 17' 04"	103° 09' 29"	F-48-39-A
bản Mào Sao Phìn	DC	xã Xà Dề Phìn	H. Sìn Hồ	22° 18' 35"	103° 14' 40"					F-48-39-A
suối Nậm Bon	TV	xã Xà Dề Phìn	H. Sìn Hồ			22° 17' 34"	103° 10' 46"	22° 17' 00"	103° 09' 38"	F-48-39-A
bản Sảng Phìn	DC	xã Xà Dề Phìn	H. Sìn Hồ	22° 18' 24"	103° 14' 10"					F-48-39-A
bản Tìa Cua Y	DC	xã Xà Dề Phìn	H. Sìn Hồ	22° 18' 40"	103° 13' 58"					F-48-39-A
suối Cạn	TV	TT. Tam Đường	H. Tam Đường			22° 20' 31"	103° 36' 58"	22° 19' 19"	103° 36' 55"	F-48-40-A
bản Cò Lá	DC	TT. Tam Đường	H. Tam Đường	22° 19' 15"	103° 37' 39"					F-48-40-A
bản Mường Cấu	DC	TT. Tam Đường	H. Tam Đường	22° 19' 38"	103° 37' 00"					F-48-40-A
bản Mường Mớ	DC	TT. Tam Đường	H. Tam Đường	22° 19' 04"	103° 37' 29"					F-48-40-A
sông Nậm Mu	TV	TT. Tam Đường	H. Tam Đường			22° 19' 59"	103° 34' 35"	22° 18' 49"	103° 35' 33"	F-48-40-A
suối Nậm Tường	TV	TT. Tam Đường	H. Tam Đường			22° 20' 20"	103° 35' 51"	22° 19' 27"	103° 36' 34"	F-48-40-A
bản Thác Tình	DC	TT. Tam Đường	H. Tam Đường	22° 20' 48"	103° 37' 02"					F-48-40-A
bản Tiên Bình	DC	TT. Tam Đường	H. Tam Đường	22° 19' 59"	103° 36' 02"					F-48-40-A
bản Bo	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 16' 11"	103° 40' 14"					F-48-40-A
bản Cò Nọt Mông	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 17' 49"	103° 40' 40"					F-48-40-A
bản Cốc Phát	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 15' 57"	103° 42' 08"					F-48-40-A
bản Cốc Phung	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 16' 29"	103° 41' 31"					F-48-40-A
dãy Hoàng Liên Sơn	SV	xã Bản Bo	H. Tam Đường			22° 19' 27"	103° 43' 22"	22° 18' 16"	103° 46' 24"	F-48-40-B
bản Hưng Phong	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 16' 41"	103° 40' 43"					F-48-40-A
động Hương Sơn	SV	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 17' 14"	103° 40' 15"					F-48-40-A
bản Nà Can	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 13' 58"	103° 40' 26"					F-48-40-C
bản Nà Khương	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 14' 16"	103° 40' 24"					F-48-40-C
bản Nà Khuy	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 15' 44"	103° 40' 28"					F-48-40-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Ly	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 16' 20"	103° 40' 12"					F-48-40-A
bản Nà Sẳng	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 16' 53"	103° 40' 42"					F-48-40-A
bản Nà Út	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 14' 25"	103° 41' 27"					F-48-40-C
bản Nà Van	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 16' 56"	103° 41' 09"					F-48-40-A
suối Nậm Sẳng	TV	xã Bản Bo	H. Tam Đường			22° 18' 44"	103° 43' 34"	22° 16' 22"	103° 40' 35"	F-48-40-A
bản Nậm Tàng	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 16' 06"	103° 41' 14"					F-48-40-A
suối Nậm Tàng	TV	xã Bản Bo	H. Tam Đường			22° 18' 29"	103° 46' 14"	22° 15' 39"	103° 40' 02"	F-48-40-A
bản Phiêng Hoi	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 13' 45"	103° 40' 46"					F-48-40-C
bản Phiêng Pẳng	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 14' 53"	103° 40' 13"					F-48-40-C
bản Phiêng Tiên	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 15' 19"	103° 40' 01"					F-48-40-A
bản Coóc Pa	DC	xã Bản Giang	H. Tam Đường	22° 20' 38"	103° 29' 52"					F-48-39-B
bản Giang	DC	xã Bản Giang	H. Tam Đường	22° 19' 42"	103° 31' 32"					F-48-40-A
bản Nà Bỏ	DC	xã Bản Giang	H. Tam Đường	22° 20' 43"	103° 31' 03"					F-48-40-A
bản Nà Cơ	DC	xã Bản Giang	H. Tam Đường	22° 18' 37"	103° 31' 21"					F-48-40-A
bản Nà Sài	DC	xã Bản Giang	H. Tam Đường	22° 19' 40"	103° 30' 55"					F-48-40-A
sông Nậm Mu	TV	xã Bản Giang	H. Tam Đường			22° 19' 03"	103° 31' 16"	22° 20' 06"	103° 32' 29"	F-48-40-A
bản Sin Chải	DC	xã Bản Giang	H. Tam Đường	22° 18' 29"	103° 30' 52"					F-48-40-A
bản Suối Thầu	DC	xã Bản Giang	H. Tam Đường	22° 19' 16"	103° 30' 14"					F-48-40-A
bản Tẩn Phủ Nhiêu	DC	xã Bản Giang	H. Tam Đường	22° 18' 48"	103° 31' 50"					F-48-40-A
bản Bái Trâu	DC	xã Bản Hon	H. Tam Đường	22° 19' 11"	103° 32' 31"					F-48-40-A
bản Chăn Nuôi	DC	xã Bản Hon	H. Tam Đường	22° 17' 37"	103° 35' 28"					F-48-40-A
núi Cháu San	SV	xã Bản Hon	H. Tam Đường	22° 16' 47"	103° 33' 07"					F-48-40-A
bản Đông Pao	DC	xã Bản Hon	H. Tam Đường	22° 17' 36"	103° 34' 29"					F-48-40-A
bản Hoa Di Hồ	DC	xã Bản Hon	H. Tam Đường	22° 17' 14"	103° 32' 28"					F-48-40-A
nặm Hon	TV	xã Bản Hon	H. Tam Đường			22° 18' 30"	103° 33' 34"	22° 20' 02"	103° 32' 57"	F-48-40-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Ít	TV	xã Bản Hon	H. Tam Đường			22° 16' 48"	103° 34' 34"	22° 17' 32"	103° 35' 49"	F-48-40-A
bản Nà Khum	DC	xã Bản Hon	H. Tam Đường	22° 19' 26"	103° 33' 05"					F-48-40-A
bản Thẳm	DC	xã Bản Hon	H. Tam Đường	22° 18' 35"	103° 33' 28"					F-48-40-A
quốc lộ 4D	KX	xã Bình Lư	H. Tam Đường			22° 19' 14"	103° 38' 02"	22° 19' 03"	103° 39' 36"	F-48-40-A, F-48-40-B
bản Ba Be	DC	xã Bình Lư	H. Tam Đường	22° 17' 59"	103° 37' 01"					F-48-40-A
nậm Dê	TV	xã Bình Lư	H. Tam Đường			22° 20' 06"	103° 39' 21"	22° 17' 23"	103° 36' 37"	F-48-40-A
bản Km2	DC	xã Bình Lư	H. Tam Đường	22° 19' 10"	103° 38' 11"					F-48-40-A
bản Nà Cà	DC	xã Bình Lư	H. Tam Đường	22° 17' 07"	103° 36' 45"					F-48-40-A
bản Nà Hum	DC	xã Bình Lư	H. Tam Đường	22° 17' 34"	103° 36' 49"					F-48-40-A
bản Nà Khan	DC	xã Bình Lư	H. Tam Đường	22° 19' 40"	103° 36' 20"					F-48-40-A
bản Nà Om	DC	xã Bình Lư	H. Tam Đường	22° 18' 42"	103° 37' 38"					F-48-40-A
bản Nà Phát	DC	xã Bình Lư	H. Tam Đường	22° 18' 55"	103° 36' 43"					F-48-40-A
bản Nà San	DC	xã Bình Lư	H. Tam Đường	22° 18' 46"	103° 38' 06"					F-48-40-A
nậm Pe	TV	xã Bình Lư	H. Tam Đường			22° 19' 00"	103° 37' 03"	22° 17' 54"	103° 37' 12"	F-48-40-A
bản Tân Bình	DC	xã Bình Lư	H. Tam Đường	22° 18' 22"	103° 36' 58"					F-48-40-A
bản Thèn Thầu	DC	xã Bình Lư	H. Tam Đường	22° 19' 26"	103° 38' 28"					F-48-40-A
động Tiên Sơn	SV	xã Bình Lư	H. Tam Đường	22° 18' 59"	103° 39' 10"					F-48-40-A
bản Vân Bình	DC	xã Bình Lư	H. Tam Đường	22° 19' 26"	103° 38' 51"					F-48-40-A
quốc lộ 4D	KX	xã Giang Ma	H. Tam Đường			22° 23' 36"	103° 30' 56"	22° 22' 47"	103° 33' 46"	F-48-40-A
bản Giang Ma	DC	xã Giang Ma	H. Tam Đường	22° 23' 38"	103° 32' 51"					F-48-40-A
đèo Giang Ma	SV	xã Giang Ma	H. Tam Đường	22° 23' 21"	103° 32' 47"					F-48-40-A
bản Mào Phô	DC	xã Giang Ma	H. Tam Đường	22° 24' 02"	103° 31' 49"					F-48-40-A
bản Sin Câu	DC	xã Giang Ma	H. Tam Đường	22° 22' 55"	103° 32' 59"					F-48-40-A
bản Sử Thàng	DC	xã Giang Ma	H. Tam Đường	22° 22' 56"	103° 33' 48"					F-48-40-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Chù Lìn	DC	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 21' 10"	103° 33' 57"					F-48-40-A
bản Đội 4	DC	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 20' 31"	103° 35' 34"					F-48-40-A
bản Gia Khâu	DC	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 21' 16"	103° 33' 25"					F-48-40-A
huổi Ít	TV	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường			22° 21' 18"	103° 34' 15"	22° 19' 59"	103° 34' 35"	F-48-40-A
bản Khèo Thầu	DC	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 21' 50"	103° 34' 46"					F-48-40-A
bản Nhiều Sang	DC	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 22' 38"	103° 35' 13"					F-48-40-A
nậm Pé	TV	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường			22° 22' 48"	103° 35' 28"	22° 20' 15"	103° 35' 44"	F-48-40-A
núi Phìn Hồ	SV	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 21' 43"	103° 33' 17"					F-48-40-A
bản Pho	DC	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 22' 18"	103° 34' 46"					F-48-40-A
bản Sì Thâu Chải	DC	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 21' 44"	103° 35' 58"					F-48-40-A
suối Sử Thàng	TV	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường			22° 22' 18"	103° 33' 46"	22° 21' 09"	103° 35' 01"	F-48-40-A
bản Tả Chải	DC	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 23' 06"	103° 34' 05"					F-48-40-A
bản Tề Suối Ngài	DC	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 21' 26"	103° 36' 55"					F-48-40-A
bản Can Hồ	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 14' 27"	103° 36' 27"					F-48-40-C
bản Chùa Kheo Cao	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 14' 46"	103° 36' 22"					F-48-40-C
bản Chùa Kheo Thấp	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 14' 38"	103° 36' 47"					F-48-40-C
nậm Đích	TV	xã Khun Há	H. Tam Đường			22° 12' 13"	103° 34' 05"	22° 17' 27"	103° 35' 46"	F-48-40-A, F-48-40-C
bản Lao Chải	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 12' 57"	103° 34' 44"					F-48-40-C
bản Ma Sa Phìn Cao	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 15' 52"	103° 34' 21"					F-48-40-A
bản Ma Sa Phìn Thấp	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 15' 08"	103° 34' 15"					F-48-40-A
bản Nậm Đích	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 15' 49"	103° 36' 36"					F-48-40-A
dãy núi Nậm Đích	SV	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 16' 24"	103° 36' 41"					F-48-40-A
bản Nậm Pha	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 12' 36"	103° 38' 01"					F-48-40-C
nậm Páp	TV	xã Khun Há	H. Tam Đường			22° 11' 42"	103° 36' 12"	22° 13' 57"	103° 37' 02"	F-48-40-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nậm Pha	TV	xã Khun Há	H. Tam Đường			22° 11' 50"	103° 37' 06"	22° 13' 00"	103° 39' 45"	F-48-40-C
bản Sin Chải	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 13' 37"	103° 35' 06"					F-48-40-C
bản Thèn Thầu	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 13' 11"	103° 37' 41"					F-48-40-C
bản Xà Phàng Cao	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 15' 35"	103° 35' 55"					F-48-40-A
bản Xà Phàng Thấp	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 16' 53"	103° 35' 30"					F-48-40-A
bản Coóc Cuông	DC	xã Nà Tăm	H. Tam Đường	22° 16' 25"	103° 38' 13"					F-48-40-A
khe Huổi Ke	TV	xã Nà Tăm	H. Tam Đường			22° 17' 42"	103° 39' 50"	22° 16' 43"	103° 39' 05"	F-48-40-A
bản Nà Hiềng	DC	xã Nà Tăm	H. Tam Đường	22° 16' 21"	103° 39' 31"					F-48-40-A
bản Nà Ít	DC	xã Nà Tăm	H. Tam Đường	22° 17' 27"	103° 38' 40"					F-48-40-A
bản Nà Kiêng	DC	xã Nà Tăm	H. Tam Đường	22° 16' 06"	103° 38' 46"					F-48-40-A
bản Nà Luồng	DC	xã Nà Tăm	H. Tam Đường	22° 16' 24"	103° 39' 05"					F-48-40-A
bản Nà Tăm II	DC	xã Nà Tăm	H. Tam Đường	22° 17' 05"	103° 37' 34"					F-48-40-A
sông Nậm Mu	TV	xã Nà Tăm	H. Tam Đường			22° 16' 49"	103° 36' 59"	22° 15' 46"	103° 39' 42"	F-48-40-A
bản Phiêng Giằng	DC	xã Nà Tăm	H. Tam Đường	22° 16' 28"	103° 38' 41"					F-48-40-A
bản Chinh Chu Chải	DC	xã Nùng Nàng	H. Tam Đường	22° 22' 21"	103° 25' 33"					F-48-39-B
bản Lao Tỷ Phùng	DC	xã Nùng Nàng	H. Tam Đường	22° 22' 14"	103° 27' 18"					F-48-39-B
bản Nùng Nàng	DC	xã Nùng Nàng	H. Tam Đường	22° 22' 24"	103° 26' 35"					F-48-39-B
núi Nùng Nàng	SV	xã Nùng Nàng	H. Tam Đường	22° 21' 00"	103° 25' 35"					F-48-39-B
bản Phan Chu Hoa	DC	xã Nùng Nàng	H. Tam Đường	22° 22' 37"	103° 27' 50"					F-48-39-B
bản Sáy Sang 1	DC	xã Nùng Nàng	H. Tam Đường	22° 22' 11"	103° 26' 56"					F-48-39-B
bản Sáy Sang 2	DC	xã Nùng Nàng	H. Tam Đường	22° 22' 14"	103° 26' 39"					F-48-39-B
bản Sáy Sang 3	DC	xã Nùng Nàng	H. Tam Đường	22° 22' 09"	103° 26' 30"					F-48-39-B
bản Xì Miền Khang	DC	xã Nùng Nàng	H. Tam Đường	22° 20' 36"	103° 28' 45"					F-48-39-B
quốc lộ 32	KX	xã Sơn Bình	H. Tam Đường			22° 18' 59"	103° 39' 39"	22° 17' 43"	103° 40' 03"	F-48-40-A
bản 46	DC	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 20' 24"	103° 40' 05"					F-48-40-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 4D	KX	xã Sơn Bình	H. Tam Đường			22° 19' 03"	103° 39' 36"	22° 21' 14"	103° 46' 17"	F-48-40-A, F-48-40-B
bản Chu Va 12	DC	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 21' 00"	103° 41' 28"					F-48-40-A
bản Chu Va 8	DC	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 21' 08"	103° 40' 22"					F-48-40-A
bản Cò Nọt Thái	DC	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 17' 56"	103° 40' 04"					F-48-40-A
nậm Dê	TV	xã Sơn Bình	H. Tam Đường			22° 24' 21"	103° 44' 13"	22° 20' 06"	103° 39' 21"	F-48-40-A
huổi Hố	TV	xã Sơn Bình	H. Tam Đường			22° 22' 11"	103° 39' 21"	22° 20' 20"	103° 39' 50"	F-48-40-A
dãy núi Hoàng Liên Sơn	SV	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 22' 30"	103° 45' 49"					F-48-40-B
bản Hua Bó	DC	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 18' 13"	103° 39' 01"					F-48-40-A
bản Huổi Ke	DC	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 18' 58"	103° 40' 15"					F-48-40-A
đèo Trạm Tôn	SV	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 21' 13"	103° 45' 46"					F-48-40-B
cầu Trắng	KX	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 22' 23"	103° 45' 18"					F-48-40-B
núi Trung Liên	SV	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 18' 35"	103° 41' 23"					F-48-40-A
bản Căn Câu	DC	xã Sùng Phài	H. Tam Đường	22° 26' 20"	103° 26' 32"					F-48-39-B
bản Cư Nhà La	DC	xã Sùng Phài	H. Tam Đường	22° 24' 46"	103° 28' 35"					F-48-39-B
bản Làng Giảng	DC	xã Sùng Phài	H. Tam Đường	22° 25' 02"	103° 27' 23"					F-48-39-B
bản Sin Chải	DC	xã Sùng Phài	H. Tam Đường	22° 26' 45"	103° 25' 28"					F-48-39-B
bản Sùng Phài	DC	xã Sùng Phài	H. Tam Đường	22° 26' 56"	103° 25' 44"					F-48-39-B
bản Suối Thầu	DC	xã Sùng Phài	H. Tam Đường	22° 25' 01"	103° 27' 03"					F-48-39-B
bản Tả Chải	DC	xã Sùng Phài	H. Tam Đường	22° 25' 16"	103° 26' 03"					F-48-39-B
bản Trung Chải	DC	xã Sùng Phài	H. Tam Đường	22° 25' 08"	103° 26' 30"					F-48-39-B
bản Hồ Pên	DC	xã Tả Lèng	H. Tam Đường	22° 24' 42"	103° 32' 16"					F-48-40-A
suối Lùng Than	TV	xã Tả Lèng	H. Tam Đường			22° 28' 10"	103° 32' 55"	22° 25' 59"	103° 30' 56"	F-48-40-A
bản Phìn Ngan Xin Chải	DC	xã Tả Lèng	H. Tam Đường	22° 25' 57"	103° 29' 19"					F-48-39-B
bản Pho Lao Chải	DC	xã Tả Lèng	H. Tam Đường	22° 25' 09"	103° 31' 59"					F-48-40-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pho Xin Chải	DC	xã Tả Lèng	H. Tam Đường	22° 24' 58"	103° 31' 38"					F-48-40-A
bản San Cha Mán	DC	xã Tả Lèng	H. Tam Đường	22° 24' 56"	103° 30' 37"					F-48-40-A
núi Tả Lèng	SV	xã Tả Lèng	H. Tam Đường	22° 25' 54"	103° 31' 48"					F-48-40-A
bản Tả Lèng Lao Chải	DC	xã Tả Lèng	H. Tam Đường	22° 25' 28"	103° 31' 52"					F-48-40-A
núi Tả Lùng Than	SV	xã Tả Lèng	H. Tam Đường	22° 26' 33"	103° 30' 42"					F-48-40-A
bản Thèn Pả	DC	xã Tả Lèng	H. Tam Đường	22° 24' 21"	103° 31' 07"					F-48-40-A
bản Đông Phong	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 26' 33"	103° 27' 42"					F-48-39-B
bản Lở Thàng 1	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 26' 16"	103° 27' 59"					F-48-39-B
bản Lở Thàng 2	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 26' 10"	103° 28' 17"					F-48-39-B
huổi Lược	TV	xã Thèn Sin	H. Tam Đường			22° 27' 49"	103° 30' 49"	22° 26' 40"	103° 27' 32"	F-48-39-B, F-48-40-A
bản Na Đông	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 27' 52"	103° 26' 48"					F-48-39-B
bản Pan Khèo	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 27' 19"	103° 29' 06"					F-48-39-B
bản Sin Câu	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 26' 43"	103° 29' 05"					F-48-39-B
bản Thèn Sin 1	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 27' 13"	103° 27' 32"					F-48-39-B
bản Thèn Sin 2	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 26' 59"	103° 27' 30"					F-48-39-B
bản Tông Qua Lìn	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 28' 42"	103° 28' 51"					F-48-39-B
bản Van Hồ 1	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 28' 50"	103° 28' 05"					F-48-39-B
tổ dân phố 1	DC	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 10' 10"	103° 46' 48"					F-48-40-D
tổ dân phố 3	DC	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 11' 21"	103° 44' 59"					F-48-40-C, F-48-40-D
tổ dân phố 4	DC	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 12' 03"	103° 45' 08"					F-48-40-C
tổ dân phố 5	DC	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 12' 58"	103° 44' 26"					F-48-40-C
tổ dân phố 6	DC	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 12' 26"	103° 44' 25"					F-48-40-C
tổ dân phố 7	DC	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 10' 03"	103° 45' 56"					F-48-40-D
quốc lộ 32	KX	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên			21° 58' 21"	103° 53' 36"	21° 57' 00"	103° 52' 51"	F-48-52-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nậm Chăng	TV	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên			22° 11' 27"	103° 49' 17"	22° 09' 53"	103° 44' 52"	F-48-40-D, F-48-40-C
bản Nà Cóc	DC	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 11' 24"	103° 46' 07"					F-48-40-D
suối Nà Cóc	TV	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên			22° 12' 20"	103° 48' 06"	22° 10' 50"	103° 44' 25"	F-48-40-D, F-48-40-C
bản Nà Giàng	DC	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 09' 57"	103° 45' 21"					F-48-40-D
suối Nậm Be	TV	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên			22° 13' 48"	103° 46' 13"	22° 13' 17"	103° 44' 44"	F-48-40-D, F-48-40-C
bản Tràm Cả	DC	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 11' 43"	103° 44' 33"					F-48-40-C
cầu Tràm Cả	KX	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 11' 36"	103° 44' 38"					F-48-40-C
bản Hô Pù	DC	xã Hố Mít	H. Tân Uyên	22° 06' 20"	103° 51' 30"					F-48-40-D
bản Kheo Giềng	DC	xã Hố Mít	H. Tân Uyên	22° 06' 30"	103° 50' 26"					F-48-40-D
bản Lầu	DC	xã Hố Mít	H. Tân Uyên	22° 06' 24"	103° 52' 50"					F-48-40-D
suối Lĩnh	TV	xã Hố Mít	H. Tân Uyên			22° 09' 06"	103° 52' 33"	22° 06' 12"	103° 52' 06"	F-48-40-D
bản Mít Nọi	DC	xã Hố Mít	H. Tân Uyên	22° 06' 03"	103° 54' 06"					F-48-40-D
suối Nậm Mít	TV	xã Hố Mít	H. Tân Uyên			22° 07' 52"	103° 55' 17"	22° 05' 27"	103° 51' 19"	F-48-40-D
núi Siêu Mi Tỉ	SV	xã Hố Mít	H. Tân Uyên	22° 07' 03"	103° 55' 18"					F-48-40-D
bản Suối Lĩnh A	DC	xã Hố Mít	H. Tân Uyên	22° 08' 11"	103° 52' 36"					F-48-40-D
bản Suối Lĩnh B	DC	xã Hố Mít	H. Tân Uyên	22° 05' 55"	103° 51' 54"					F-48-40-D
bản Tà Hử	DC	xã Hố Mít	H. Tân Uyên	22° 07' 16"	103° 53' 35"					F-48-40-D
bản Thào	DC	xã Hố Mít	H. Tân Uyên	22° 07' 19"	103° 54' 19"					F-48-40-D
núi Yên Ngựa	SV	xã Hố Mít	H. Tân Uyên	22° 08' 34"	103° 55' 28"					F-48-40-D
bản Hô Tra	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 10' 13"	103° 37' 36"					F-48-40-C
bản Mường 1	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 12' 52"	103° 42' 30"					F-48-40-C
bản Mường 2	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 12' 34"	103° 42' 20"					F-48-40-C
bản Nà An 1	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 13' 21"	103° 40' 52"					F-48-40-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà An 2	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 13' 09"	103° 41' 04"					F-48-40-C
bản Nà Cại	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 11' 30"	103° 42' 25"					F-48-40-C
bản Nà Còi	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 11' 45"	103° 41' 11"					F-48-40-C
bản Nà Nghè	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 12' 31"	103° 41' 19"					F-48-40-C
bản Nà Pè	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 12' 05"	103° 42' 47"					F-48-40-C
suối Nậm Be	TV	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên			22° 14' 04"	103° 50' 15"	22° 11' 46"	103° 42' 25"	F-48-40-D, F-48-40-C
suối Nậm Cung	TV	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên			22° 11' 50"	103° 38' 10"	22° 11' 35"	103° 42' 03"	F-48-40-C
bản Nậm Cung 1	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 12' 02"	103° 39' 16"					F-48-40-C
bản Nậm Cung 2	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 12' 01"	103° 39' 20"					F-48-40-C
suối Nậm Pha	TV	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên			22° 13' 10	103° 40' 38"	22° 13' 00"	103° 39' 47"	F-48-40-C
suối Nậm So	TV	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên			22° 10' 43"	103° 36' 25"	22° 11' 52"	103° 41' 10"	F-48-40-C
suối Nậm Tra	TV	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên			22° 09' 49"	103° 35' 19"	22° 09' 34"	103° 41' 18"	F-48-40-C
bản Phiêng Cúm	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 11' 08"	103° 42' 31"					F-48-40-C
bản Phiêng Hào	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 12' 04"	103° 41' 37"					F-48-40-C
bản Phiêng Khon	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 10' 45"	103° 42' 15"					F-48-40-C
bản Phiềng Sản	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 13' 13"	103° 42' 01"					F-48-40-C
bản Phiêng Xe	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 12' 05"	103° 41' 55"					F-48-40-C
bản Bằng Mai	DC	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên	22° 05' 19"	103° 43' 13"					F-48-40-C
bản Hua Cần	DC	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên	22° 06' 22"	103° 40' 52"					F-48-40-C
bản Hua Puông	DC	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên	22° 06' 10"	103° 39' 59"					F-48-40-C
suối Huổi Hiền	TV	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên			22° 03' 07"	103° 40' 36"	22° 04' 19"	103° 43' 19"	F-48-40-C
bản Nà Phát	DC	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên	22° 05' 06"	103° 41' 13"					F-48-40-C
đèo Nam Ca	SV	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên	22° 05' 08"	103° 39' 25"					F-48-40-C
suối Nậm Cần	TV	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên			22° 06' 55"	103° 40' 27"	22° 05' 15"	103° 41' 38"	F-48-40-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nậm Cha	TV	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên			22° 09' 34"	103° 41' 18"	22° 09' 17"	103° 43' 05"	F-48-40-C
sông Nậm Mu	TV	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên			22° 10' 20"	103° 42' 23"	22° 03' 49"	103° 44' 49"	F-48-40-C
núi Nậm Pọng	SV	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên	22° 03' 34"	103° 38' 51"					F-48-40-C
suối Nậm Puông	TV	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên			22° 07' 12"	103° 38' 13"	22° 05' 37"	103° 42' 35"	F-48-40-C
bản Nậm Sát	DC	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên	22° 06' 22"	103° 44' 19"					F-48-40-C
suối Nậm Sát	TV	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên			22° 06' 50"	103° 45' 41"	22° 05' 48"	103° 43' 46"	F-48-40-D, F-48-40-C
bản Pắc Pha	DC	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên	22° 03' 49"	103° 44' 35"					F-48-40-C
bản Phiêng Áng	DC	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên	22° 07' 39"	103° 42' 47"					F-48-40-C
bản Phiêng Bay	DC	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên	22° 08' 39"	103° 43' 16"					F-48-40-C
bản Phiêng Lúc	DC	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên	22° 09' 07"	103° 43' 19"					F-48-40-C
bản Phiêng Tòng	DC	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên	22° 08' 30"	103° 42' 56"					F-48-40-C
dốc Pú Pạ	SV	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên	22° 09' 52"	103° 43' 18"					F-48-40-C
bản Sài Lương	DC	xã Nậm Cần	H. Tân Uyên	22° 04' 15"	103° 43' 33"					F-48-40-C
bản Có Tói	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 03' 41"	103° 38' 29"					F-48-40-C
bản Đán Tiền	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 03' 10"	103° 37' 03"					F-48-40-C
bản Hô Ít	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 07' 09"	103° 33' 33"					F-48-40-C
khau Hỏm	SV	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 01' 52"	103° 32' 37"					F-48-40-C
bản Hua Cả	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 07' 20"	103° 37' 23"					F-48-40-C
bản Hua Đanh	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 07' 18"	103° 36' 21"					F-48-40-C
bản Hua Ngò	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 05' 15"	103° 38' 27"					F-48-40-C
nậm Ít	TV	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên			22° 07' 43"	103° 34' 42"	22° 05' 09"	103° 34' 45"	F-48-40-C
bản Khăn Nọi	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 01' 05"	103° 38' 43"					F-48-40-C
bản Khau Hỏm	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 02' 41"	103° 32' 44"					F-48-40-C
bản Nà Lào	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 05' 21"	103° 34' 27"					F-48-40-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Ngò	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 04' 44"	103° 37' 03"					F-48-40-C
bản Nà Phát	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 05' 01"	103° 35' 03"					F-48-40-C
bản Na Ui	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 01' 07"	103° 37' 27"					F-48-40-C
suối Nậm Là	TV	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên			22° 05' 53"	103° 35' 18"	22° 04' 25"	103° 35' 19"	F-48-40-C
suối Nậm Ngò	TV	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên			22° 06' 36"	103° 36' 46"	22° 03' 48"	103° 36' 41"	F-48-40-C
suối Nậm Sỏ	TV	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên			22° 08' 53"	103° 34' 47"	22° 01' 01"	103° 39' 20"	F-48-40-C
bản Nậm Sỏ 1	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 04' 23"	103° 35' 29"					F-48-40-C
bản Nậm Sỏ 2	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 04' 29"	103° 35' 22"					F-48-40-C
suối Nậm Ui	TV	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên			22° 02' 48"	103° 33' 58"	22° 01' 40"	103° 37' 54"	F-48-40-C
bản Phiêng Sỏ	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 06' 34"	103° 33' 51"					F-48-40-C
bản Tho Ló	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 03' 26"	103° 36' 50"					F-48-40-C
bản Ui Dạo	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 02' 36"	103° 34' 04"					F-48-40-C
bản Ui Thái	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 02' 05"	103° 34' 49"					F-48-40-C
quốc lộ 32	KX	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên			22° 06' 54"	103° 49' 03"	22° 03' 41"	103° 53' 43"	F-48-40-D
bản Bó Lun	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 05' 12"	103° 50' 14"					F-48-40-D
cầu Bó Lun	KX	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 05' 32"	103° 50' 12"					F-48-40-D
bản Cang A	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 05' 12"	103° 52' 37"					F-48-40-D
bản Hoàng Hà	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 03' 55"	103° 52' 18"					F-48-40-D
khe Huổi Nam	TV	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên			22° 02' 54"	103° 53' 30"	22° 03' 59"	103° 51' 57"	F-48-40-D
bản K2	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 03' 57"	103° 53' 28"					F-48-40-D
cầu Mít Nọi	KX	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 03' 59"	103° 52' 19"					F-48-40-D
bản Mít Nọi Dao	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 04' 33"	103° 53' 23"					F-48-40-D
bản Mít Nọi Thái	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 04' 12"	103° 53' 18"					F-48-40-D
bản Nà Sẳng	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 04' 41"	103° 49' 15"					F-48-40-D
bản Nà Ún	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 04' 21"	103° 50' 29"					F-48-40-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nậm Lun	TV	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên			22° 07' 32"	103° 49' 28"	22° 04' 10"	103° 51' 03"	F-48-40-D
suối Nậm Mít	TV	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên			22° 03' 36"	103° 51' 33"	22° 02' 34"	103° 51' 25"	F-48-40-D
suối Nậm Mít Luông	TV	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên			22° 05' 27"	103° 51' 19"	22° 02' 34"	103° 51' 25"	F-48-40-D
suối Nậm Mít Nọi	TV	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên			22° 05' 32"	103° 54' 22"	22° 03' 36"	103° 51' 33"	F-48-40-D
suối Nậm Pha	TV	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên			22° 03' 45"	103° 48' 01"	22° 04' 26"	103° 45' 55"	F-48-40-D
suối Nậm Sẳng	TV	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên			22° 06' 21"	103° 48' 13"	22° 04' 07"	103° 51' 10"	F-48-40-D
bản Pắc Lý	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 05' 11"	103° 51' 39"					F-48-40-D
bản Pắc Ta	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 04' 33"	103° 51' 03"					F-48-40-D
cầu Pắc Ta	KX	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 04' 25"	103° 51' 01"					F-48-40-D
bản Phiêng Ban	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 05' 16"	103° 51' 33"					F-48-40-D
bản Thanh Sơn	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 03' 59"	103° 53' 23"					F-48-40-D
suối Tún	TV	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên			22° 05' 26"	103° 52' 14"	22° 04' 25"	103° 51' 02"	F-48-40-D
quốc lộ 32	KX	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên			22° 15' 48"	103° 42' 02"	22° 13' 08"	103° 44' 27"	F-48-40-A, F-48-40-C
bản Hô Bon	DC	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên	22° 15' 24"	103° 42' 12"					F-48-40-A
bản Hô Ta	DC	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên	22° 13' 02"	103° 44' 11"					F-48-40-C
dãy núi Hoàng Liên Sơn	SV	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên	22° 16' 30"	103° 48' 50"					F-48-40-B
bản Hua Be	DC	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên	22° 13' 51"	103° 45' 42"					F-48-40-D
bản Nà Khoang	DC	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên	22° 13' 38"	103° 43' 54"					F-48-40-C
bản Nậm Be	DC	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên	22° 13' 48"	103° 45' 40"					F-48-40-D
suối Nậm Be	TV	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên			22° 14' 04"	103° 50' 15"	22° 11' 46"	103° 42' 25"	F-48-40-D, F-48-40-C
suối Nậm Bon	TV	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên			22° 16' 50"	103° 46' 52"	22° 13' 21"	103° 42' 48"	F-48-40-B, F-48-40-A, F-48-40-C
bản Nậm Bon 1	DC	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên	22° 14' 42"	103° 42' 47"					F-48-40-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nậm Bon 2	DC	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên	22° 15' 32"	103° 42' 31"					F-48-40-C
bản Ngọc Lại	DC	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên	22° 13' 46"	103° 43' 08"					F-48-40-C
bản Ít Chom Dưới	DC	xã Tà Mít	H. Tân Uyên	22° 00' 57"	103° 40' 40"					F-48-40-C
bản Ít Chom Trên	DC	xã Tà Mít	H. Tân Uyên	22° 01' 03"	103° 40' 23"					F-48-40-C
nậm Khăn	TV	xã Tà Mít	H. Tân Uyên			21° 58' 40"	103° 39' 26"	22° 00' 37"	103° 43' 13"	F-48-40-C, F-48-52-A
bản Lồng Thàng	DC	xã Tà Mít	H. Tân Uyên	22° 00' 59"	103° 41' 36"					F-48-40-C
bản Nậm Khăn	DC	xã Tà Mít	H. Tân Uyên	21° 59' 17"	103° 41' 51"					F-48-52-A
núi Nậm Khăn	SV	xã Tà Mít	H. Tân Uyên	21° 59' 38"	103° 40' 10"					F-48-52-A
sông Nậm Mu	TV	xã Tà Mít	H. Tân Uyên			22° 03' 49"	103° 44' 49"	21° 59' 23"	103° 44' 36"	F-48-40-C, F-48-52-A
bản Pác Muôn	DC	xã Tà Mít	H. Tân Uyên	22° 02' 51"	103° 44' 49"					F-48-40-C
bản Pắc Pu	DC	xã Tà Mít	H. Tân Uyên	22° 02' 15"	103° 44' 30"					F-48-40-C
nậm Sỏ	TV	xã Tà Mít	H. Tân Uyên			22° 01' 01"	103° 39' 20"	22° 00' 50"	103° 43' 39"	F-48-40-C
bản Tà Mít	DC	xã Tà Mít	H. Tân Uyên	22° 03' 26"	103° 44' 23"					F-48-40-C
bản Chom Chăng	DC	xã Thân Thuộc	H. Tân Uyên	22° 09' 25"	103° 45' 39"					F-48-40-D
bản Nà Ban	DC	xã Thân Thuộc	H. Tân Uyên	22° 10' 12"	103° 43' 35"					F-48-40-C
bản Nà Pầu	DC	xã Thân Thuộc	H. Tân Uyên	22° 10' 43"	103° 44' 22"					F-48-40-C
suối Nậm Lúc	TV	xã Thân Thuộc	H. Tân Uyên			22° 07' 28"	103° 48' 46"	22° 09' 41"	103° 43' 49"	F-48-40-C, F-48-40-D
bản Tảng Đán	DC	xã Thân Thuộc	H. Tân Uyên	22° 09' 22"	103° 45' 01"					F-48-40-C, F-48-40-D
quốc lộ 32	KX	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên			22° 08' 55"	103° 46' 28"	22° 06' 54"	103° 49' 03"	F-48-40-D
bản Bút Dưới	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 09' 14"	103° 46' 41"					F-48-40-D
bản Bút Trên	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 08' 54"	103° 47' 13"					F-48-40-D
dãy núi Hoàng Liên Sơn	SV	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 12' 16"	103° 51' 22"					F-48-40-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Hua Chăng	TV	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên			22° 10' 33"	103° 51' 06"	22° 11' 04"	103° 49' 50"	F-48-40-D
suối Hua Cưởm	TV	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên			22° 08' 31"	103° 49' 21"	22° 09' 33"	103° 45' 38"	F-48-40-D
bản Hua Cưởm 1	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 08' 50"	103° 48' 33"					F-48-40-D
bản Hua Cưởm 2	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 08' 17"	103° 49' 00"					F-48-40-D
bản Nong Kim	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 08' 53"	103° 48' 02"					F-48-40-D
bản Phiêng Phát 1	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 07' 42"	103° 47' 41"					F-48-40-D
bản Phiêng Phát 2	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 07' 30"	103° 48' 05"					F-48-40-D
bản Phiêng Phát 3	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 07' 59"	103° 47' 22"					F-48-40-D
bản Tát Xôm 1	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 09' 41"	103° 47' 37"					F-48-40-D
bản Tát Xôm 2	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 09' 28"	103° 47' 23"					F-48-40-D
bản Tát Xôm 3	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 09' 41"	103° 47' 37"					F-48-40-D
khu 1	DC	TT. Than Uyên	H. Than Uyên	21° 57' 04"	103° 52' 48"					F-48-52-B
khu 2	DC	TT. Than Uyên	H. Than Uyên	21° 57' 03"	103° 53' 04"					F-48-52-B
khu 3	DC	TT. Than Uyên	H. Than Uyên	21° 57' 11"	103° 52' 47"					F-48-52-B
khu 4	DC	TT. Than Uyên	H. Than Uyên	21° 57' 05"	103° 52' 34"					F-48-52-B
khu 9	DC	TT. Than Uyên	H. Than Uyên	21° 58' 24"	103° 52' 58"					F-48-52-B
quốc lộ 32	KX	TT. Than Uyên	H. Than Uyên			21° 58' 21"	103° 53' 36"	21° 57' 00"	103° 52' 51"	F-48-52-B
khu 5A	DC	TT. Than Uyên	H. Than Uyên	21° 57' 23"	103° 52' 55"					F-48-52-B
khu 5B	DC	TT. Than Uyên	H. Than Uyên							
bản Lọng Bon	DC	TT. Than Uyên	H. Than Uyên	21° 57' 38"	103° 54' 01"					F-48-52-B
nậm Bốn	TV	xã Hua Nà	H. Than Uyên			21° 55' 51"	103° 56' 14"	21° 56' 53"	103° 53' 23"	F-48-52-B
bản Đán Đăm	DC	xã Hua Nà	H. Than Uyên	21° 57' 03"	103° 54' 21"					F-48-52-B
bản Hua Nà	DC	xã Hua Nà	H. Than Uyên	21° 56' 44"	103° 53' 58"					F-48-52-B
bản Nà Ban	DC	xã Hua Nà	H. Than Uyên	21° 56' 41"	103° 54' 42"					F-48-52-B
bản Chế Hạng	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 44' 07"	103° 51' 43"					F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Co Phát	TV	xã Khoen On	H. Than Uyên			21° 47' 47"	103° 52' 22"	21° 46' 31"	103° 54' 04"	F-48-52-B
bản Đốc	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 42' 43"	103° 51' 17"					F-48-52-D
bản Hô Đán	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 45' 22"	103° 55' 20"					F-48-52-B
pu Huổi Quảng	SV	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 42' 36"	103° 52' 48"					F-48-52-D
nậm Khốt	TV	xã Khoen On	H. Than Uyên			21° 45' 28"	103° 56' 58"	21° 46' 25"	103° 55' 14"	F-48-52-B
bản Mở	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 43' 38"	103° 50' 58"					F-48-52-D
nậm Mở	TV	xã Khoen On	H. Than Uyên			21° 47' 24"	103° 56' 58"	21° 43' 27"	103° 50' 51"	F-48-52-B, F-48-52-D
bản Mùi 1	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 45' 38"	103° 52' 30"					F-48-52-B
bản Mùi 2	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 45' 34"	103° 52' 14"					F-48-52-B
sông Nậm Mu	TV	xã Khoen On	H. Than Uyên			21° 45' 42"	103° 50' 24"	21° 41' 46"	103° 52' 46"	F-48-52-B, F-48-52-D
bản Noong Quang	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 43' 31"	103° 54' 06"					F-48-52-D
bản On	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 45' 13"	103° 50' 43"					F-48-52-B
pu Phà Vi	SV	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 43' 27"	103° 49' 59"					F-48-52-D
bản Sàng	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 44' 40"	103° 51' 02"					F-48-52-D
bản Tá Lồm	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 46' 54"	103° 53' 46"					F-48-52-B
pu Tau Linh	SV	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 46' 24"	103° 57' 42"					F-48-52-B
bản Cang Mường	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 56' 32"	103° 52' 42"					F-48-52-B
bản Co Nọi	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 57' 04"	103° 52' 21"					F-48-52-B
huổi Hầu	TV	xã Mường Cang	H. Than Uyên			21° 56' 31"	103° 51' 19"	21° 55' 15"	103° 49' 22"	F-48-52-B
bản Huổi Hằm	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 55' 39"	103° 50' 54"					F-48-52-B
bản Huổi San	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 57' 16"	103° 49' 59"					F-48-52-B
bản Khá	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 57' 37"	103° 47' 20"					F-48-52-B
bản Mạ	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 56' 21"	103° 52' 51"					F-48-52-B
bản Mé	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 55' 33"	103° 52' 29"					F-48-52-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Muông	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 55' 52"	103° 52' 33"					F-48-52-B
bản Nà Chằm	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 56' 46"	103° 52' 46"					F-48-52-B
sông Nậm Mu	TV	xã Mường Cang	H. Than Uyên			21° 55' 15"	103° 49' 22"	21° 54' 35"	103° 49' 43"	F-48-52-B
bản Phiêng Cẩm	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 56' 39"	103° 52' 10"					F-48-52-B
bản Pom Bó	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 56' 12"	103° 52' 52"					F-48-52-B
bản Pù Quải	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 56' 21"	103° 52' 08"					F-48-52-B
huổi San	TV	xã Mường Cang	H. Than Uyên			21° 57' 28"	103° 50' 54"	21° 56' 38"	103° 48' 23"	F-48-52-B
nậm Bốn	TV	xã Mường Kim	H. Than Uyên			21° 55' 22"	103° 52' 27"	21° 52' 28"	103° 51' 48"	F-48-52-B
bản Chát	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 52' 16"	103° 49' 22"					F-48-52-B
bản Chiềng Ban 1	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 53' 04"	103° 51' 51"					F-48-52-B
bản Chiềng Ban 2	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 52' 43"	103° 51' 38"					F-48-52-B
bản Chiềng Ban 3	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 52' 28"	103° 51' 30"					F-48-52-B
huổi Có	TV	xã Mường Kim	H. Than Uyên			21° 50' 51"	103° 53' 38"	21° 50' 57"	103° 52' 19"	F-48-52-B
bản Đình	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 52' 42"	103° 52' 11"					F-48-52-B
bản Hàng	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 53' 44"	103° 49' 44"					F-48-52-B
bản Khiết	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 51' 05"	103° 51' 57"					F-48-52-B
nậm Kim	TV	xã Mường Kim	H. Than Uyên			21° 52' 33"	103° 53' 15"	21° 50' 47"	103° 50' 10"	F-48-52-B
bản Là 1	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 53' 40"	103° 52' 28"					F-48-52-B
bản Là 2	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 53' 48"	103° 52' 19"					F-48-52-B
bản Lướt	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 54' 46"	103° 52' 09"					F-48-52-B
huổi Mo	TV	xã Mường Kim	H. Than Uyên			21° 51' 16"	103° 53' 49"	21° 50' 57"	103° 51' 57"	F-48-52-B
bản Mường 1	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 51' 34"	103° 51' 17"					F-48-52-B
bản Mường 2	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 51' 25"	103° 51' 18"					F-48-52-B
bản Nà Ban	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 51' 15"	103° 51' 28"					F-48-52-B
bản Nà Cay	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 52' 26"	103° 52' 00"					F-48-52-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Dân 1	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 52' 09"	103° 51' 21"					F-48-52-B
bản Nà Dân 2	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 51' 48"	103° 51' 14"					F-48-52-B
bản Nà É 1	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 51' 00"	103° 50' 39"					F-48-52-B
bản Nà É 2	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 50' 50"	103° 50' 24"					F-48-52-B
bản Nà Hầy	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 53' 14"	103° 49' 24"					F-48-52-B
bản Nà Khương	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 51' 38"	103° 51' 31"					F-48-52-B
bản Nà Phạ	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 51' 16"	103° 50' 43"					F-48-52-B
suối Nậm Lưng	TV	xã Mường Kim	H. Than Uyên			21° 54' 09"	103° 53' 11"	21° 53' 43"	103° 52' 08"	F-48-52-B
sông Nậm Mu	TV	xã Mường Kim	H. Than Uyên			21° 54' 35"	103° 49' 43"	21° 50' 05"	103° 49' 53"	F-48-52-B
núi Pu Lạt	SV	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 51' 02"	103° 54' 18"					F-48-52-B
huổi Sang	TV	xã Mường Kim	H. Than Uyên			21° 50' 33"	103° 52' 13"	21° 51' 33"	103° 51' 00"	F-48-52-B
bản Thẳm Phé	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 54' 32"	103° 50' 26"					F-48-52-B
bản Vi	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 52' 56"	103° 49' 35"					F-48-52-B
núi Xum Có	SV	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 50' 47"	103° 51' 32"					F-48-52-B
huổi Cuồng	TV	xã Mường Mít	H. Than Uyên			22° 02' 29"	103° 49' 35"	22° 01' 03"	103° 50' 01"	F-48-40-D
bản Hát Nam	DC	xã Mường Mít	H. Than Uyên	22° 02' 12"	103° 51' 24"					F-48-40-D
huổi Hoi	TV	xã Mường Mít	H. Than Uyên			22° 00' 24"	103° 52' 41"	22° 01' 36"	103° 52' 06"	F-48-40-D
bản Ít	DC	xã Mường Mít	H. Than Uyên	22° 00' 19"	103° 49' 21"					F-48-40-D
bản Khoang	DC	xã Mường Mít	H. Than Uyên	22° 00' 51"	103° 49' 58"					F-48-40-D
huổi Lập	TV	xã Mường Mít	H. Than Uyên			21° 58' 33"	103° 50' 53"	21° 59' 36"	103° 48' 54"	F-48-52-B
huổi Lò	TV	xã Mường Mít	H. Than Uyên			22° 00' 20"	103° 52' 00"	22° 01' 13"	103° 50' 22"	F-48-40-D
nậm Mít	TV	xã Mường Mít	H. Than Uyên			22° 02' 34"	103° 51' 25"	21° 59' 05"	103° 47' 49"	F-48-40-D, F-48-52-B
bản Mường	DC	xã Mường Mít	H. Than Uyên	22° 01' 30"	103° 50' 47"					F-48-40-D
bản Pá Lầu	DC	xã Mường Mít	H. Than Uyên	21° 58' 52"	103° 47' 15"					F-48-52-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pá Pằng	DC	xã Mường Mít	H. Than Uyên	21° 59' 21"	103° 46' 24"					F-48-52-B
huổi Pằng	TV	xã Mường Mít	H. Than Uyên			22° 02' 44"	103° 47' 23"	22° 00' 39"	103° 46' 58"	F-48-40-D
huổi Phì	TV	xã Mường Mít	H. Than Uyên			22° 00' 01"	103° 52' 20"	22° 00' 05"	103° 49' 56"	F-48-40-D, F-48-52-B
bản Pùng Luồng	DC	xã Mường Mít	H. Than Uyên	21° 59' 22"	103° 48' 00"					F-48-52-B
bản Vè	DC	xã Mường Mít	H. Than Uyên	22° 01' 15"	103° 50' 13"					F-48-40-D
bản Xanh	DC	xã Mường Mít	H. Than Uyên	22° 00' 13"	103° 49' 51"					F-48-40-D
quốc lộ 32	KX	xã Mường Than	H. Than Uyên			21° 59' 56"	103° 54' 49"	21° 58' 21"	103° 53' 36"	F-48-40-D, F-48-52-B
bản Cẩm Trung	DC	xã Mường Than	H. Than Uyên	21° 58' 47"	103° 53' 55"					F-48-52-B
bản Én Luông	DC	xã Mường Than	H. Than Uyên	21° 59' 01"	103° 55' 05"					F-48-52-B
bản Én Nọi	DC	xã Mường Than	H. Than Uyên	21° 58' 59"	103° 54' 12"					F-48-52-B
bản Mường Than	DC	xã Mường Than	H. Than Uyên	21° 59' 43"	103° 54' 47"					F-48-52-B
phu Nậm Than	SV	xã Mường Than	H. Than Uyên	21° 58' 04"	103° 58' 59"					F-48-52-B
bản Ngà	DC	xã Mường Than	H. Than Uyên	21° 58' 47"	103° 53' 27"					F-48-52-B
nậm Than	TV	xã Mường Than	H. Than Uyên			21° 57' 22"	103° 57' 58"	22° 01' 04"	103° 54' 08"	F-48-40-D, F-48-52-B
bản Xen Đông	DC	xã Mường Than	H. Than Uyên	21° 58' 21"	103° 54' 18"					F-48-52-B
huổi Bắc	TV	xã Pha Mu	H. Than Uyên			21° 54' 18"	103° 46' 24"	21° 55' 37"	103° 48' 38"	F-48-52-B
bản Chít	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 57' 15"	103° 46' 28"					F-48-52-B
nậm Chít	TV	xã Pha Mu	H. Than Uyên			21° 50' 32"	103° 43' 16"	21° 58' 00"	103° 46' 57"	F-48-52-A, F-48-52-B
bản Huổi Bắc	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 54' 19"	103° 46' 21"					F-48-52-B
núi Lỷ Lô	SV	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 54' 13"	103° 43' 47"					F-48-52-A
bản Nà Ít	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 56' 02"	103° 46' 26"					F-48-52-B
bản Nà Kè	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 57' 16"	103° 42' 49"					F-48-52-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Nậm Mu	TV	xã Pha Mu	H. Than Uyên			21° 59' 23"	103° 44' 36"	21° 56' 38"	103° 48' 23"	F-48-52-A, F-48-52-B
bản Nặm Ngùa	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 57' 24"	103° 43' 06"					F-48-52-A
bản Nặm Pắt	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 55' 00"	103° 42' 49"					F-48-52-A
nậm Ngùa	TV	xã Pha Mu	H. Than Uyên			21° 56' 29"	103° 41' 13"	21° 59' 13"	103° 44' 36"	F-48-52-A
bản Pá Chít Tấu	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 53' 39"	103° 43' 47"					F-48-52-A
bản Pá Khoang	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 53' 56"	103° 44' 37"					F-48-52-A
bản Pá Mít	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 59' 02"	103° 46' 03"					F-48-52-B
bản Pá Ngùa	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 59' 19"	103° 44' 34"					F-48-52-A
bản Pá Pặt	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 59' 47"	103° 45' 57"					F-48-52-B
nậm Pắt	TV	xã Pha Mu	H. Than Uyên			21° 53' 12"	103° 42' 21"	21° 57' 21"	103° 46' 31"	F-48-52-A, F-48-52-B
bản Tà Vải	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 55' 54"	103° 48' 06"					F-48-52-B
nậm Tấu	TV	xã Pha Mu	H. Than Uyên			21° 52' 51"	103° 43' 15"	21° 52' 37"	103° 43' 54"	F-48-52-A
bản Xoong	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 57' 46"	103° 46' 13"					F-48-52-B
đội 9	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 01' 19"	103° 54' 45"					F-48-40-D
đội 11	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 02' 37"	103° 54' 46"					F-48-40-D
quốc lộ 32	KX	xã Phúc Than	H. Than Uyên			22° 03' 41"	103° 53' 44"	21° 59' 56"	103° 54' 49"	F-48-40-D, F-48-52-B
quốc lộ 279	KX	xã Phúc Than	H. Than Uyên			22° 02' 44"	103° 57' 18"	22° 01' 02"	103° 54' 44"	F-48-40-D
đèo Khau Co	SV	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 02' 44"	103° 57' 18"					F-48-40-D
bản Nà Phái	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 00' 05"	103° 55' 04"					F-48-40-D
bản Nà Phát	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 01' 22"	103° 53' 56"					F-48-40-D
bản Nà Xa	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 00' 49"	103° 54' 40"					F-48-40-D
bản Nậm Sáng	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 03' 19"	103° 55' 11"					F-48-40-D
suối Nậm Sáng	TV	xã Phúc Than	H. Than Uyên			22° 04' 32"	103° 55' 59"	22° 02' 03"	103° 55' 13"	F-48-40-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nậm Than	TV	xã Phúc Than	H. Than Uyên			21° 59' 56"	103° 54' 46"	22° 01' 45"	103° 52' 35"	F-48-40-D, F-48-52-B
bản Nậm Vai	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 02' 46"	103° 55' 53"					F-48-40-D
suối Nậm Vai	TV	xã Phúc Than	H. Than Uyên			22° 04' 32"	103° 56' 10"	22° 02' 03"	103° 55' 13"	F-48-40-D
bản Noong Thăng	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 03' 20"	103° 54' 07"					F-48-40-D
bản Sang Ngà	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 02' 10"	103° 53' 16"					F-48-40-D
bản Sắp Ngụa	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 01' 41"	103° 55' 55"					F-48-40-D
bản Tre Bó	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 01' 49"	103° 54' 24"					F-48-40-D
cầu Tre Bó	KX	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 01' 25"	103° 54' 45"					F-48-40-D
nậm Vai	TV	xã Phúc Than	H. Than Uyên			22° 02' 03"	103° 55' 13"	22° 01' 05"	103° 54' 09"	F-48-40-D
núi Cấp Mừng	SV	xã Ta Gia	H. Than Uyên	21° 46' 46"	103° 46' 11"					F-48-52-B
bản Củng	DC	xã Ta Gia	H. Than Uyên	21° 47' 35"	103° 49' 01"					F-48-52-B
bản Gia	DC	xã Ta Gia	H. Than Uyên	21° 48' 23"	103° 48' 51"					F-48-52-B
núi Hóc Com	SV	xã Ta Gia	H. Than Uyên	21° 50' 53"	103° 48' 11"					F-48-52-B
bản Huổi Cầy	DC	xã Ta Gia	H. Than Uyên	21° 48' 09"	103° 47' 06"					F-48-52-B
bản Hỳ	DC	xã Ta Gia	H. Than Uyên	21° 46' 17"	103° 49' 56"					F-48-52-B
bản Khem	DC	xã Ta Gia	H. Than Uyên	21° 48' 43"	103° 49' 35"					F-48-52-B
bản Mè	DC	xã Ta Gia	H. Than Uyên	21° 49' 04"	103° 48' 45"					F-48-52-B
nậm Mè	TV	xã Ta Gia	H. Than Uyên			21° 50' 56"	103° 47' 44"	21° 48' 46"	103° 49' 06"	F-48-52-B
bản Mì	DC	xã Ta Gia	H. Than Uyên	21° 49' 56"	103° 49' 58"					F-48-52-B
nậm Mỳ	TV	xã Ta Gia	H. Than Uyên			21° 47' 58"	103° 52' 01"	21° 49' 47"	103° 49' 37"	F-48-52-B
bản Nam	DC	xã Ta Gia	H. Than Uyên	21° 48' 10"	103° 48' 59"					F-48-52-B
sông Nậm Mu	TV	xã Ta Gia	H. Than Uyên			21° 50' 05"	103° 49' 53	21° 45' 42"	103° 50' 24"	F-48-52-B
hang Nánh	SV	xã Ta Gia	H. Than Uyên	21° 47' 18"	103° 48' 58"					F-48-52-B
bản Noong Quài	DC	xã Ta Gia	H. Than Uyên	21° 44' 33"	103° 48' 52"					F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
huổi Pa	TV	xã Ta Gia	H. Than Uyên			21° 45' 59"	103° 47' 43"	21° 46' 25"	103° 49' 34"	F-48-52-B
bản Cáp	DC	xã Tà Hừa	H. Than Uyên	21° 49' 20"	103° 43' 19"					F-48-52-A
bản Hua Chít	DC	xã Tà Hừa	H. Than Uyên	21° 50' 42	103° 43' 33"					F-48-52-A
núi Khâu Pùm	SV	xã Tà Hừa	H. Than Uyên	21° 50' 19"	103° 41' 39"					F-48-52-A
bản Khì	DC	xã Tà Hừa	H. Than Uyên	21° 52' 44"	103° 46' 06"					F-48-52-B
nậm Khì	TV	xã Tà Hừa	H. Than Uyên			21° 51' 37"	103° 45' 23"	21° 54' 52"	103° 49' 22"	F-48-52-B
bản Phiêng Ít	DC	xã Tà Hừa	H. Than Uyên	21° 51' 49"	103° 45' 22"					F-48-52-B
nậm Cha	TV	xã Tà Mung	H. Than Uyên			21° 48' 54"	103° 55' 28"	21° 46' 57"	103° 53' 50"	F-48-52-B
núi Đán Tọ	SV	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 47' 42"	103° 55' 07"					F-48-52-B
bản Đằng Hầu Cua Chế	DC	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 48' 11"	103° 56' 31"					F-48-52-B
núi Hô Nậu Sang	SV	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 49' 46"	103° 54' 59"					F-48-52-B
bản Hô Ta	DC	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 48' 50"	103° 54' 07"					F-48-52-B
núi Lán Lành	SV	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 47' 27"	103° 53' 35"					F-48-52-B
bản Lun 1	DC	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 50' 40"	103° 52' 12"					F-48-52-B
bản Lun 2	DC	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 50' 34"	103° 51' 59"					F-48-52-B
nậm Mở	TV	xã Tà Mung	H. Than Uyên			21° 47' 24"	103° 56' 59"	21° 46' 31"	103° 54' 04"	F-48-52-B
bản Nậm Mở	DC	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 47' 56"	103° 56' 03"					F-48-52-B
suối Nậm Sang	TV	xã Tà Mung	H. Than Uyên			21° 49' 38"	103° 52' 31"	21° 50' 33"	103° 52' 13"	F-48-52-B
bản Pá Liềng	DC	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 49' 13"	103° 52' 57"					F-48-52-B
bản Tà Mung	DC	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 48' 29"	103° 54' 01"					F-48-52-B
bản Tu San	DC	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 48' 08"	103° 55' 02"					F-48-52-B

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc